

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(GIAI ĐOẠN 2014 – 2018)

(Theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDDH của Bộ Giáo dục
và Đào tạo ban hành tại Thông tư 04/2016 ngày 14/3/2016)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2019

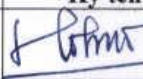
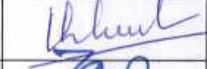
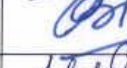
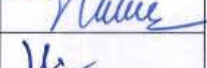
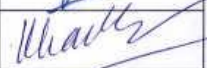


BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(GIAI ĐOẠN 2014 – 2018)

(Theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH của Bộ Giáo dục
và Đào tạo ban hành tại Thông tư 04/2016 ngày 14/3/2016)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2019

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
Thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chuyên ngành
Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ
 (Kèm theo Quyết định số 88/QĐ-ĐHTCM ngày 29/5/18, QĐ số 1948/QĐ-ĐHTCM ngày 22/10/18, QĐ số 795/QĐ-ĐHTCM ngày 25/4/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1	Hoàng Đức Long	Tiến sĩ, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Nguyễn Văn Hiến	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3	Hồ Thủy Tiên	Phó giáo sư, Trưởng khoa TCNH	Phó chủ tịch	
4	Phạm Thế Vinh	Thạc sĩ, Trưởng phòng KT-QLCL	Thành viên, thư ký HĐ	
5	Phạm Quốc Việt	Tiến sĩ, Viện Trưởng Viện đào tạo SDH	Thành viên	
6	Trần Huy Hoàng	Phó giáo sư, Phó khoa TCNH	Thành viên	
7	Bùi Hữu Phước	Tiến sĩ, Giảng viên khoa TCNH	Thành viên	
8	Hứa Minh Tuấn	Thạc sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
9	Lê Trung Đạo	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
10	Đặng Thị Ngọc Lan	Tiến sĩ, PHT-Trưởng phòng QLĐT	Thành viên	
11	Nguyễn Thanh Hải	Thạc sĩ, Trưởng phòng CTSV	Thành viên	
12	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng TCHC	Thành viên	
13	Bảo Trung	Tiến sĩ, Trưởng phòng QLKH	Thành viên	
14	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng QTTB	Thành viên	
15	Hoàng Mạnh Khánh	Học viên cao học khóa 10 TCNH	Thành viên	

Danh sách gồm có: 15 người

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	ii
DANH MỤC CÁC HÌNH.....	IV
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	V
PHẦN I: KHÁI QUÁT	1
1.1. Đặt vấn đề.....	1
1.2. Tổng quan chung	6
1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Tài chính – Marketing	6
1.2.2. Giới thiệu về Khoa Tài chính – Ngân hàng.....	10
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	13
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	13
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.	19
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.	24
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.	32
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.	41
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên.	50
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.	65
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	74
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	84
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.....	94
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.....	107
PHẦN III: KẾT LUẬN	118
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT	118
3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT.....	120
3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT	121
3.4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT	122
PHẦN IV: PHỤ LỤC	127
Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký	127
Phụ lục 2: Quyết định thay đổi bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá.....	131
Phụ lục 3: Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo	139
Phụ lục 4: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT	145

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	CHÚ THÍCH
1	ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
2	AUN-QA	Hệ thống đảm bảo chất lượng mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á
3	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
4	CB-GV	Cán bộ - Giảng viên
5	CBVC	Cán bộ viên chức
6	CĐR	Chuẩn đầu ra
7	CLC	Chất lượng cao
8	CNTT	Công nghệ thông tin
9	CSDL	Cơ sở dữ liệu
10	CSGD	Cơ sở giáo dục
11	CSVC	Cơ sở vật chất
12	CTĐT	Chương trình đào tạo
13	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
14	ĐGCL	Đánh giá chất lượng
15	ĐCCT	Đề cương chi tiết
16	ĐH	Đại học
17	DN	Doanh nghiệp
18	ĐTSDH	Đào tạo Sau đại học
19	GDDH	Giáo dục đại học
20	GS	Giáo sư
21	GV	Giảng viên
22	HTQT	Hợp tác quốc tế
23	HV	Học viên
24	Khoa TCNH	Khoa Tài chính - Ngân hàng

25	KTX	Ký túc xá
26	MC	Minh chứng
27	NCKH	Nghiên cứu khoa học
28	NCS	Nghiên cứu sinh
29	PGS	Phó giáo sư
30	Phòng CTSV	Phòng Công tác sinh viên
31	Phòng KT - QLCL	Phòng Khảo thí - Quản lý chất lượng
32	Phòng QLĐT	Phòng Quản lý đào tạo
33	Phòng QLKH	Phòng Quản lý khoa học
34	Phòng QTTB	Phòng Quản trị thiết bị
35	Phòng TC - HC	Phòng Tổ chức - Hành chính
36	HV	Học viên
37	SWOT	Ma trận Swot
38	TCNH	Tài chính – Ngân hàng
39	TĐG	Tự đánh giá
40	ThS	Thạc sĩ
41	TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
42	Trung tâm BDTVTCHQ	Trung tâm bồi dưỡng tư vấn Tài chính - Hải quan
43	Trung tâm TS&QHDN	Trung tâm tuyển sinh và quan hệ doanh nghiệp
44	Trung tâm TT&QLDL	Trung tâm Thông tin và Quản lý dữ liệu
45	Trường ĐHTCM	Trường Đại học Tài chính – Marketing
46	TS	Tiến sĩ
47	TSKH	Tiến sĩ khoa học
48	UIS	Cổng thông tin điện tử

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1: Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Tài chính – Marketing.....	8
Hình 1.2. Cơ cấu tổ chức của Khoa Tài chính – Ngân hàng	12

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 4.2: Thống kê tỷ lệ hài lòng	35
Bảng 4.3a: Số lượng HV tham gia NCKH	38
Bảng 4.3b: Trích lục kết quả khảo sát môn học khóa 9 năm 2017-2018.....	39
Bảng 6.1: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT	52
Bảng 6.2a: Số lượng GV của Chương trình TCNH trong 5 năm gần đây	54
Bảng 6.2b: Tỷ lệ GV/HV của chương trình 5 năm gần đây	54
Bảng 8.2: Thống kê tình hình nhập học của HV cao học năm thứ nhất.....	76
Bảng 8.3: Thống kê tình hình học tập của HV cao học theo khóa	79
Bảng 9.1: Số liệu CSVC phục vụ chương trình Cao học ngành TCNH	85
Bảng 10.4a: Thống kê số lượng sách xuất bản của GV.....	101
Bảng 10.4b: Danh sách một số đề tài được ứng dụng.....	102
Bảng 11.1: Tỷ lệ thôi học từ khóa 1 đến khóa 6	109
Bảng 11.2: Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học theo từng năm	110

PHẦN I: KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Trường ĐHTCM được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo trình độ ThS chuyên ngành Kinh tế TCNH vào năm 2011 và được đổi tên thành chuyên ngành TCNH vào năm 2012. Cho đến năm 2018, Trường đã tuyển sinh được 13 khóa, trong đó có 7 khóa đã tốt nghiệp (từ khóa 1 đến khóa 7). Thông qua CTĐT này, Trường đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Trong xu thế tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình trước xã hội, Trường triển khai TĐG các CTĐT, trong đó có CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH. Báo cáo TĐG đã phác thảo một bức tranh tổng thể về Trường ĐHTCM với những hoạt động và chính sách chất lượng cụ thể, giới thiệu về tiểu ban TCNH, khoa TCNH và Viện ĐTSĐH là đơn vị quản lý chuyên môn và thực hiện CTĐT.

Cấu trúc báo cáo TĐG gồm: Phần 1. Khái quát, nêu tóm tắt về Trường, về Khoa TCNH, về báo cáo TĐG; Phần 2. TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục (1) mô tả, (2) điểm mạnh, (3) điểm tồn tại, (4) kế hoạch hành động; (5) TĐG; Phần 3. Kết luận, tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại, kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả TĐG CTĐT; Phần 4: Phụ lục.

Nội dung của báo cáo tập trung TĐG 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí, được khái quát như sau:

- Về mục tiêu và CĐR của CTĐT: Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu trong Luật Giáo dục ĐH. Trên cơ sở mục tiêu này, CĐR của CTĐT ThS chuyên ngành TCNH được xây dựng theo một quy trình rõ ràng, phản ánh được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT cũng như phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan.
- Về bản mô tả CTĐT: CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH tại Trường ĐHTCM được công bố công khai với đầy đủ các thông tin cần thiết, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống nhằm đáp ứng CĐR của trình độ ThS. Tất cả các học phần trong CTĐT đều có ĐCCT. Các ĐCCT đều phản ánh đầy đủ thông tin có liên quan đến học phần và ĐCCT được định kỳ rà soát cập nhật cùng với sự rà soát cập nhật của CTĐT. Việc xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CTĐT ThS chuyên ngành TCNH có sự tham

gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan như các nhà tuyển dụng, HV, các GV, các nhà quản lý trong và ngoài trường có kinh nghiệm và chuyên môn cao. CTĐT được xây dựng trên cơ sở năng lực đào tạo vốn có của Trường, tham khảo các CTĐT ThS từ các trường ĐH có uy tín trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, CTĐT ThS chuyên ngành TCNH của Trường ĐHTCM mang tính khoa học và có tính ứng dụng cao, đáp ứng được yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực CLC cho xã hội. Các bên có liên quan dễ dàng tiếp cận với CTĐT ThS chuyên ngành TCNH cũng như ĐCCT các học phần qua các trang thông tin điện tử chính thức của Viện ĐTSĐH, Khoa TCNH, sổ tay HV...

- Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học: Chương trình dạy học xác định rõ mục tiêu chung của ngành, mục tiêu cụ thể của từng học phần và đạt được CĐR trong CTĐT ThS chuyên ngành TCNH. Cấu trúc, trình tự của các học phần chuyên ngành TCNH được phân theo các nhóm: kiến thức chung, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành và luận văn. Các học phần này được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ, đảm bảo tính hợp lý và logic đồng thời đảm bảo mỗi học phần đều đáp ứng một hoặc nhiều tiêu chí trong CĐR. Nội dung chương trình được cập nhật thông qua các lần chỉnh sửa, rà soát CTĐT, trong đó có sự so sánh với chương trình ĐH có uy tín trong và ngoài nước.

- Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học: Tổ chức và triển khai các hoạt động dạy và học bao gồm tổ chức và triển khai các phương pháp dạy-học; phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được các yêu cầu của CĐR. Đây là khâu quan trọng quyết định đến chất lượng các CTĐT của từng ngành và các chuyên ngành đào tạo trong Trường, tăng cường tính chủ động sáng tạo, phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu, và khả năng làm việc theo nhóm của HV trong trường ĐH. Tại trường ĐH Tài chính - Marketing, chủ trương của BGH là không ngừng đa dạng hoá các phương pháp dạy-học, tăng cường áp dụng CNTT vào quá trình dạy-học. Phương pháp tiếp cận dạy và học đã được thiết kế phù hợp với các học phần chuyên môn, đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của HV, rèn luyện khả năng học tập suốt đời của HV trong xu thế phát triển và cải tiến chất lượng các CTĐT của Trường, hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới. HV tốt nghiệp CTĐT ThS chuyên ngành TCNH đã và đang khẳng định vị thế và từng bước có vai trò quan trọng trong ngành TCNH như các DN, các ngân hàng, các cơ quan Thuế, Kho bạc Nhà nước, Hải quan...

- Về đánh giá kết quả học tập của HV: Việc đánh giá kết quả học tập HV bước đầu đã được thiết kế để đo lường mức độ đạt được của CĐR, bao trùm được cả kỹ năng và

kiến thức chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của HV theo CTĐT đều được thông báo công khai tới HV lúc mới nhập học và trong đề cương chi tiết học phần. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để HV cải thiện việc học tập và nghiên cứu của mình, đồng thời tạo điều kiện cho HV tiếp cận dễ dàng với qui trình khiếu nại về kết quả học tập của mình.

- Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên: Việc qui hoạch đội ngũ GV của chương trình ThS trong các năm qua đã đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV, tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Về đội ngũ nhân viên: Đội ngũ nhân viên của trường được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên của trường có tinh thần phục vụ cao, có năng lực chuyên môn và luôn sẵn sàng tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Trường ĐHTCM luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trường đã thực hiện tốt kế hoạch tuyển dụng cán bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều cán bộ nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ hỗ trợ của trường đáp ứng được các yêu cầu về phẩm chất, đạo đức và năng lực công tác. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong trường học, tạo được môi trường lành mạnh nên cán bộ nhân viên hỗ trợ yên tâm công tác và cống hiến. Các hoạt động hỗ trợ hiệu quả sẽ dẫn đến hoạt động trong trường học thông suốt, kết quả học tập và giảng dạy sẽ tốt hơn.

- Về người học và hoạt động hỗ trợ người học: Chính sách tuyển sinh của Trường là rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, công bố công khai và có điều chỉnh, cập nhật; đồng thời các tiêu chí tuyển sinh, xác định các đối tượng ưu tiên... được rà soát hàng năm trên cơ sở ý kiến phản hồi của HV và nhà tuyển dụng. Để kiểm tra và hỗ trợ HV Trường đã xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá tiến độ của HV cao học cả về khối lượng lẫn chất lượng học tập; các hoạt động tư vấn, ngoại khóa và các hoạt động hỗ trợ

khác cho HV đã được triển khai. Ngoài ra, môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường đã tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân HV.

- Về CSVC và trang thiết bị: Trường đã từng bước hoàn thiện về CSVC, có kế hoạch đầu tư cụ thể nhằm tăng diện tích phòng học, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, phục vụ HV, tăng cường ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý, điều hành. Với nguồn lực hiện có, Trường luôn đảm bảo các điều kiện về CSVC và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực nghiệm và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành... phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt động khác.

- Về nâng cao chất lượng: Trường đã đánh giá nhu cầu của các bên liên quan và sử dụng thông tin phản hồi làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT. Quá trình này lặp lại với tần suất 2 năm/lần kể từ năm 2015, được đánh giá và cải tiến trong quá trình thực hiện. Trong quá trình tổ chức và quản lý đào tạo, hoạt động giảng dạy, học tập và kết quả học tập của HV cao học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các kết quả NCKH, mà cụ thể là các đề tài NCKH cấp cơ sở của các GV giảng dạy chương trình đã được sử dụng làm các tình huống giảng dạy trong các học phần, làm định hướng nghiên cứu của các luận văn ThS. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác thường xuyên được đánh giá và cải tiến.

- Về kết quả đầu ra: Trường từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý kết quả đầu ra trình độ ThS chuyên ngành TCNH nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng; xây dựng quy trình, phân công bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học; phân tích nguyên nhân và đề ra các giải pháp đảm bảo tiến độ học tập và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp. NCKH trong HV cao học vừa là khuyến khích vừa là bắt buộc thể hiện ở hệ thống quy định, các hình thức nghiên cứu, từng bước nâng cao chất lượng luận văn ThS, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành và năng lực của HV. Trường xây dựng CSDL về việc làm của HV, định kỳ tiến hành khảo sát HV tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp; xây dựng quy trình, phân công bộ phận tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan; định kỳ triển khai các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi, làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, CTĐT.

Mã hóa minh chứng: Đối với từng tiêu chí trong tiêu chuẩn, nội dung mô tả có MC kèm theo. MC được mã hóa theo cách thức Hn.ab.cd.ef, trong đó: H là hộp MC, n là số thứ tự hộp MC, ab là số thứ tự tiêu chuẩn, cd là số thứ tự tiêu chí, ef là số thứ tự của MC trong tiêu chí.

Mục đích TĐG: giúp Khoa, Trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo hiệu quả hơn; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Khoa và Trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã xác định; tạo điều kiện cần thiết để Trường đăng ký đánh giá ngoài.

Quy trình TĐG: Bước 1. Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ThS chuyên ngành TCNH; bước 2. Lập kế hoạch TĐG; bước 3. Họp Hội đồng TĐG, ban thư ký, nhóm công tác để triển khai và phân công; bước 4. Triển khai viết báo cáo TĐG (phân tích nội hàm yêu cầu tiêu chí, thu thập số liệu thông tin MC, viết phiếu đánh giá tiêu chí, tổng hợp báo cáo TĐG); bước 5. Họp Hội đồng thông qua báo cáo TĐG và công bố toàn trường.

Phương pháp TĐG: dùng phương pháp SWOT, mô tả phân tích thực trạng, đánh giá điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó đưa ra kế hoạch hành động phù hợp và khả thi.

Công cụ TĐG: Bộ tiêu chuẩn ĐGCL CTĐT các trình độ GDĐH của BGDĐT ban hành tại Thông tư 04/2016 ngày 14/3/2016 và các văn bản hướng dẫn khác của Cục Quản lý chất lượng.

Trường đã ban hành Kế hoạch số 735/KH-ĐHTCM-HĐTĐG-CTĐT, ngày 29/5/2018 về TĐG CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH và Quyết định số 881/QĐ-ĐHTCM ngày 29/5/2018 thành lập Hội đồng TĐG. Ban thư ký thuộc Hội đồng TĐG đã tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG và viết báo cáo; các nhóm công tác chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn được phân công. Khoa TCNH huy động toàn bộ nguồn lực GV, giáo vụ khoa, SV để hỗ trợ thực hiện các bước quy trình TĐG. Để triển khai TĐG, Trường khoa tiến hành họp khoa phổ biến kế hoạch tiến độ chi tiết và phân công rõ ràng từng mảng công việc như: điều tra khảo sát các bên liên quan; thu thập, phân loại, mã hóa MC; viết báo cáo tiêu chí; dự thảo báo cáo TĐG; sắp xếp MC. Theo đó, Khoa TCNH phụ trách báo cáo và cung cấp các vấn đề liên quan đến

CĐR, CTĐT, đề cương chi tiết, phương pháp giảng dạy...; Viện ĐTSDH thực hiện thu thập các dữ liệu về GV thuộc CTĐT, các dữ liệu liên quan đến HV (tuyển sinh, trúng tuyển, tốt nghiệp, NCKH...) thực hiện thu thập các thông tin khảo sát liên quan đến HV. Ngoài ra, các đơn vị thuộc Trường cung cấp số liệu thông tin MC cần thiết cho khoa.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Tài chính – Marketing

Tiền thân là Trường cán bộ vật giá trung ương miền Nam, trải qua các giai đoạn phát triển, đến năm 2004 Trường được nâng cấp thành Trường ĐH bán công Marketing; năm 2009 đổi tên thành Trường ĐH Tài chính – Marketing. Năm 2015, Trường được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động giai đoạn 2015-2017; đến nay Trường là 1 trong những trường ĐH công lập được giao thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ.

Sứ mạng: Trường DHTCM đào tạo nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực, nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học về kinh doanh và quản lý, tham gia hoạch định chiến lược và chính sách cho ngành Tài chính, các DN và tổ chức xã hội.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường DHTCM trở thành một trường ĐH đa ngành, đa cấp độ và là một trung tâm nghiên cứu - tư vấn về kinh doanh và quản lý đạt đẳng cấp quốc gia và khu vực.

Các giá trị cốt lõi:

(1) *Trọng giá trị tri thức và thượng tôn đạo đức nghề nghiệp*: Xây dựng môi trường giáo dục, khoa học - công nghệ sáng tạo, biết phát huy giá trị tri thức phục vụ đào tạo những con người vừa có năng lực chuyên môn cao, vừa là công dân có trách nhiệm.

(2) *Khuyến khích sáng tạo và nuôi dưỡng sự say mê*: Trường DHTCM là một môi trường khuyến khích sáng tạo và đổi mới; là nơi nuôi dưỡng niềm say mê của các thế hệ GV, cán bộ, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Đó là nền tảng đổi mới và tạo ra tạo những đột phá để khẳng định thương hiệu của Trường.

(3) *Tôn trọng sự khác biệt và coi trọng hợp tác*: Sự cộng hưởng của sức mạnh hợp tác với sự khác biệt giúp Trường ĐHTCM gắn kết mọi thành viên theo mục tiêu chung, tạo nên hợp lực mạnh mẽ nhất. Trường đề cao và tôn trọng tính tự chủ học thuật.

(4) *Coi trọng chất lượng và hiệu quả*: Chất lượng - hiệu quả vừa là con đường, vừa là mục tiêu phấn đấu để trường ĐHTCM đạt đến tầm quốc gia và khu vực. Chất lượng và hiệu quả được thể hiện trong mọi mặt hoạt động của Trường, trong mọi đơn vị của Trường.

Mục tiêu chung: Đến năm 2020, Trường Đại học Tài chính-Marketing trở thành một trường ĐH định hướng ứng dụng, đạt chuẩn chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó có ít nhất 02 chương trình đạt chuẩn đảm bảo chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN-QA). Đến năm 2030, Trường đạt đẳng cấp một trường ĐH tiên tiến của khu vực Đông Nam Á.

Mục tiêu về đảm bảo chất lượng: Đến năm 2020, Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó có ít nhất có 02 chương trình đào tạo đạt chuẩn AUN-QA. Đến năm 2030, 50% chương trình đào tạo đạt chuẩn AUN-QA và Trường đạt đẳng cấp một trường đại học tiên tiến của khu vực Đông Nam Á.

Chiến lược tổng thể của Trường Đại học Tài chính – Marketing đến năm 2030:

(1) *Tập trung nguồn lực phát triển các hoạt động quan trọng là đào tạo đại học, sau đại học và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học (NCKH) đáp ứng yêu cầu thực tiễn*. Tập trung đầu tư cho 06 chương trình đào tạo (Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị Marketing, Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Thương mại quốc tế, Kế toán doanh nghiệp) để nhóm này sớm đạt chuẩn AUN-QA vào năm 2020.

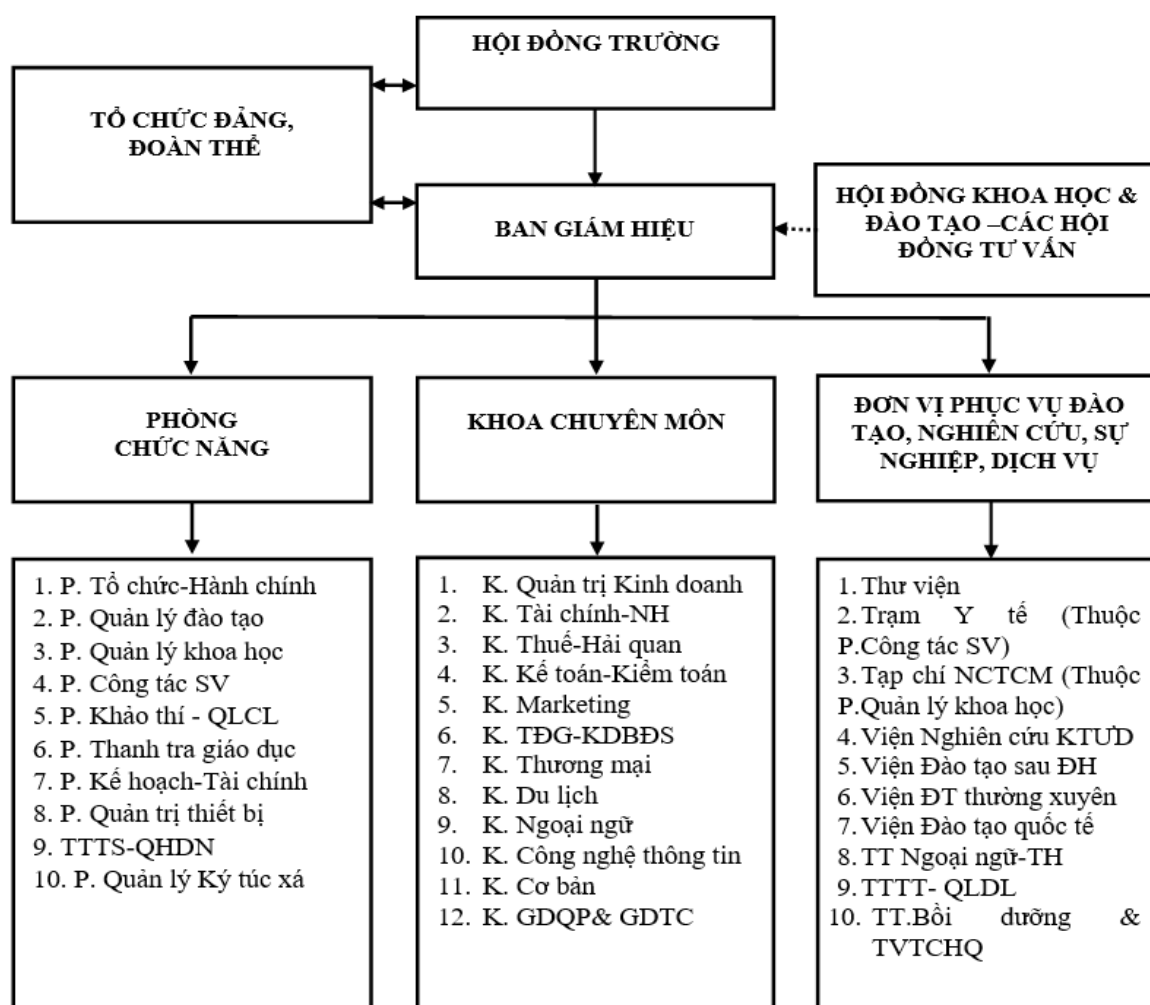
(2) *Thực hiện sự khác biệt hóa một cách sâu rộng trong các hoạt động của Trường*. Trong đào tạo, Trường phát triển những chuyên ngành khác biệt với nhiều trường thuộc khối ngành kinh doanh và quản lý. Trong NCKH, Trường đẩy mạnh hoạt động tư vấn cho các tổ chức và doanh nghiệp. Trường tiến hành xây dựng văn hóa tổ chức với những nét đặc trưng, độc đáo.

(3) *Tập trung nguồn lực phát triển các hoạt động tại địa bàn trọng tâm*. Địa bàn hoạt động trọng tâm đối với NCKH, đào tạo đại học và sau đại học của Trường là các tỉnh Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

(4) Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình trường đại học. Phát triển các đơn vị hoạt động trong những lĩnh vực mà Trường có thể mạnh, một số lĩnh vực hoạt động mang bản sắc của Trường như: marketing, thẩm định giá, kinh doanh bất động sản, hải quan, quản trị bán hàng, chính sách tài chính công.

(5) Hoàn thiện công tác quản lý theo hướng hiện đại hóa, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Áp dụng các mô hình quản trị hiện đại trong giáo dục - đào tạo, triển khai hệ thống quản trị chất lượng giáo dục tiên tiến.

Cơ cấu tổ chức trường ĐHTCM gồm Hội đồng trường, Đảng ủy và các đoàn thể, Ban giám hiệu (01 Hiệu trưởng, 05 Phó hiệu trưởng), các phòng ban chức năng, Khoa chuyên môn, đơn vị phục vụ đào tạo, nghiên cứu, (xem hình 1.1).



Hình 1.1: Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Tài chính – Marketing

Về nhân lực, tính đến 30/12/2018 tổng số cán bộ, GV, viên chức hiện đang làm việc tại trường là 597 người, trong đó có 564 cán bộ viên chức trong biên chế và 33

người hợp đồng dài hạn. Đội ngũ GV toàn trường là 356 người, trong đó có 6 PGS.TS, 1 TSKH, 32 TS; 289 ThS và 28 cử nhân.

Về đào tạo, Trường đào tạo đa ngành, đa cấp độ. Đào tạo đại học gồm 11 ngành với 28 chuyên ngành, trong 28 chuyên ngành đào tạo có 7 chuyên ngành đào tạo chất lượng cao và 4 chuyên ngành đào tạo quốc tế. Đào tạo cao đẳng 15 ngành; Đào tạo liên thông đại học 4 ngành; Đào tạo thạc sĩ 2 chuyên ngành (Quản trị kinh doanh và Tài chính-Ngân hàng); Đào tạo tiến sĩ 2 chuyên ngành (Quản trị kinh doanh và Tài chính-Ngân hàng). Công tác quản lý đào tạo các bậc hệ của Trường được giao cho 4 đơn vị đầu mối là Phòng QLĐT, Viện đào tạo sau ĐH, Viện đào tạo thường xuyên, Trung tâm Hợp tác quốc tế.

Về CSVC, Trường có 1 trụ sở chính tại quận 7 và 5 cơ sở tại các khu vực khác; có đủ giảng đường, phòng học, phòng thực hành máy tính, trang thiết bị và phương tiện phục vụ giảng dạy; có bộ phận y tế chăm sóc sức khỏe; thư viện phục vụ nhu cầu của người học, GV.

Về tài chính, Trường là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Bộ Tài chính được giao tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được thực hiện theo quy định. Các nguồn thu hợp pháp của Trường đều tuân thủ theo đúng quy định tại các văn bản của Bộ Tài chính và các quy định của Hiệu trưởng về mức thu và đối tượng thu.

Về NCKH, Trường đầu tư cấp kinh phí cho hoạt động NCKH theo quy định; có chế độ khuyến khích cán bộ, GV NCKH; hằng năm tham gia đấu thầu và thực hiện các đề tài cấp Bộ, Sở ban ngành, địa phương; các sản phẩm NCKH của GV phục vụ tốt cho quá trình giảng dạy như giáo trình, tài liệu.

Về hợp tác quốc tế, Trường ký kết hợp tác với Trường ĐH Help – Malaysia đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh; Ngoài ra Trường còn có mối liên kết hợp tác với nhiều cơ sở giáo dục nước ngoài khác như: Trường Đại học Northwestern Polytechnic (Hoa Kỳ), chương trình chuyển tiếp du học sang Newcastle College và Teesside University. Hợp tác, hỗ trợ đào tạo, trao đổi lưu học sinh với Lào, Campuchia.

Về hợp tác trong nước: xây dựng mối quan hệ mật thiết với Sở Giao dịch chứng khoán Sài Gòn, Ngân hàng BIDV, Vietinbank, Sacombank, Lotte Mark, Hiệp hội Marketing, Hiệp hội Thẩm định giá và nhiều doanh nghiệp khác.

Về ĐBCL, Trường có mạng lưới Tổ ĐBCL tất cả các đơn vị thuộc Trường và bước đầu hình thành mô hình ĐBCL bên trong; tháng 11/2017 được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐH quốc gia TP. HCM cấp giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục, đến nay Trường tiếp tục xây dựng và thực hiện các chương trình cải tiến hệ thống chất lượng giáo dục, đổi mới CTĐT và phương pháp dạy học, thu thập thông tin phản hồi.

1.2.2. Giới thiệu về Khoa Tài chính – Ngân hàng

Khoa TCNH của Trường ĐHTCM được thành lập theo Quyết định số 05/QĐ-ĐHMKT ngày 27/5/2004. Từ năm 2006 Khoa được Ban Giám hiệu giao nhiệm vụ đào tạo cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính DN và chuyên ngành Ngân hàng. Vào năm 2011, Khoa bắt đầu đào tạo cao học chuyên ngành TCNH. Đến năm 2015, Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo thêm chuyên ngành Tài chính định lượng và tiếp nhận chuyên ngành Tài chính bảo hiểm và đầu tư từ khoa Thuế - Hải quan. Năm 2016, Khoa tiến hành đào tạo trình độ TS TCNH khóa đầu tiên. Tháng 10 năm 2017, sáp nhập một phần Khoa Tài Chính của Trường Cao đẳng Tài Chính-Hải Quan (cũ) vào Khoa TCNH. Năm 2018, với sự lớn mạnh của Khoa, cùng với đội ngũ GV có học hàm, học vị ngày càng vững mạnh, Khoa TCNH được BGH giao nhiệm vụ phụ trách chuyên môn hoạt động đào tạo sau ĐH bao gồm CTĐT ThS và TS từ Tiểu ban TCNH.

Với sứ mệnh của khoa TCNH là đào tạo sinh viên, học viên nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành TCNH bao gồm: Ngân hàng, Bảo hiểm, DN và các Tổ chức kinh tế - xã hội khác ở trong nước và quốc tế với khả năng làm các công việc quản trị rủi ro tài chính, nghiên cứu, tác nghiệp các nghiệp vụ kinh doanh lĩnh vực TCNH.

Tầm nhìn của khoa, trở thành cơ sở đào tạo uy tín hàng đầu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng của Việt Nam; đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục. Xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý có chuyên môn cao, có năng lực nghiên cứu khoa học đẳng cấp quốc tế; đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại phục vụ mọi hoạt động của Khoa; các chương trình đào tạo bắt kịp trình độ và xu thế phát triển

giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế với hệ thống nghiên cứu chuyên ngành tài chính - ngân hàng gắn với đào tạo, có khả năng giải quyết các vấn đề lý thuyết và thực tiễn của nền kinh tế, đặc biệt là của ngành tài chính - ngân hàng; có năng lực cạnh tranh cao trong các sản phẩm khoa học về tính lý thuyết và thực tiễn đảm bảo thích ứng hội nhập giáo dục toàn cầu: thực hiện đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế ứng dụng với trọng tâm là lĩnh vực tài chính - ngân hàng;

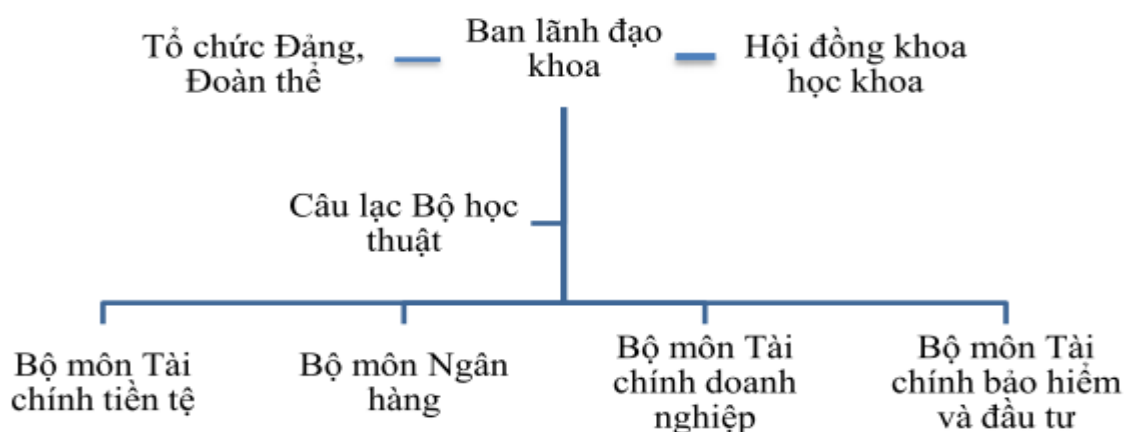
Với triết lý được áp dụng trong đào tạo đó là: Tính chuyên nghiệp (tri thức, khả năng tư duy); Tính thực tiễn (cách thức vận dụng, khả năng sáng tạo); Đạo đức nghề nghiệp (tính trung thực, trách nhiệm với công việc, bảo mật nghề nghiệp).

Về chính sách chất lượng và hoạt động ĐBCL: (1) Đào tạo đáp ứng CDR, cải tiến chương trình, phương pháp dạy - học và quản lý đào tạo hướng đến tiến cận với giáo dục của khu vực và thế giới; (2) Tăng cường áp dụng CNTT vào dạy - học và quản lý hướng đến phù hợp với thời kỳ 4.0; (3) Xây dựng ý thức kỷ luật, tinh thần tập thể, phát huy tiềm năng và sự cống hiến của GV-VC Khoa, tạo môi trường làm việc thân thiện với các bên liên quan nhằm đáp ứng nguồn nhân lực CLC cho xã hội. Khoa có tổ ĐBCL thuộc mạng lưới ĐBCL bên trong của Trường. Tổ ĐBCL này có nhiệm vụ giám sát và triển khai các hoạt động ĐBCL chung của trường.

Bên cạnh các PGS và TS là GV cơ hữu của khoa tham gia giảng dạy CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH còn có các TS của các khoa khác của Trường như Khoa Thuế - Hải quan, Khoa Thẩm định giá, Khoa Cơ bản cùng các PGS, TS TCNH kiêm nhiệm công tác quản lý trong BGH và các phòng, Ban. Đồng thời, Khoa còn có đội ngũ GV tham gia thỉnh giảng, hướng dẫn luận văn cao học cho các HV của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH là các PGS, TS từ các trường ĐH uy tín ở TPHCM.

Đến nay, quy mô đào tạo của Khoa TCNH có hơn 2000 sinh viên đang theo học tại các hệ ĐH, Cao đẳng chính quy đại trà, chính qui CLC, chương trình quốc tế, liên thông ĐH, văn bằng 2, vừa làm vừa học...

Cơ cấu tổ chức của Khoa được thể hiện theo sơ đồ như sau:



Hình 1.2. Cơ cấu tổ chức của Khoa Tài chính – Ngân hàng

Từ năm 2011 đến 2017, đào tạo chương trình ThS được quản lý bởi Khoa ĐTSĐH (nay là Viện ĐTSĐH) và Tiểu ban TCNH. Từ năm 2018, BGH giao Khoa TCNH phối hợp với Khoa Thuế - Hải quan và Khoa Thẩm định giá & KDBĐS phụ trách chuyên môn. Hiện nay chương trình có 187 giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy từ ôn tập chuyển đổi đến ôn thi đầu vào. Đội ngũ giảng dạy chính sau khi HV trúng tuyển có 42 GV cơ hữu và 12 GV thỉnh giảng là các GV có trình độ TS trở lên. Viện ĐTSĐH quản lý các vấn đề hành chính học vụ. Tính đến thời điểm hiện tại Khoa đã đào tạo hơn 2000 HV với số lượng HV nhập học các qua các năm như sau: năm 2018 (155 HV), năm 2017 (104 HV), năm 2016 (165 HV), 2015 (146 HV), 2014 (361).

Cùng với Trường Khoa TCNH đều rà soát CTĐT 02 năm/lần, thực hiện các hội thảo khoa học để tạo điều kiện cho HV cao học được nghe chia sẻ kiến thức, định hướng nghiên cứu, hỗ trợ khuyến khích các GV học tập nâng cao trình độ. Tiếp thu kết quả khảo sát HV của Trường, khoa TCNH đã có những giải pháp khắc phục các vấn đề liên quan.

CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH trong thời gian từ năm 2014 – 2018 được sửa đổi, bổ sung qua các năm: năm 2014 sửa đổi theo ý kiến các bên liên quan và theo yêu cầu của Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT; năm 2015 thực hiện theo các quy định của Thông tư 07/2015/TT- BGDĐT và gần nhất vào năm 2018. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung CTĐT... đảm bảo ghi nhận ý kiến của các bên liên quan như cựu HV, GV, CBQL, nhà tuyển dụng... và có so sánh, đối chiếu với CTĐT của các CSGD ĐH trong nước và quốc tế.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Mở đầu:

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu của GDĐH qui định trong Luật GDĐH. Trên cơ sở mục tiêu này, CDR của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả:

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ThS [H01.01.01.04]. Trong mục tiêu đào tạo đã quy định rõ các tiêu chuẩn HV cần đạt gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm, cụ thể là: Giúp HV nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành TCNH; Huấn luyện các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng quản lý, kỹ năng phân tích dữ liệu. HV tốt nghiệp có khả năng làm việc ở các vị trí quản lý trong các tổ chức tài chính Trung ương hoặc địa phương. Đảm nhiệm tốt công việc trong lĩnh vực tài chính của các DN trong và ngoài nước, các ngân hàng thương mại, các quỹ đầu tư, các công ty bảo hiểm, đơn vị hải quan, thuế, kho bạc,...

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTCM [H01.01.01.01]. Tuyên bố về sứ mạng và tầm nhìn của Trường được thể hiện trong Chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2013-2020 và định hướng đến năm 2030. Các tuyên bố về sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTCM đề cập tới việc đào tạo nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực, chuyển giao những thành tựu khoa học về kinh doanh và quản lý; tham gia hoạch định chiến lược và

chính sách cho ngành Tài chính, các DN và tổ chức xã hội.

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH năm 2012 và Luật giáo dục năm 2015 [H01.01.01.02] đó là hướng đến mục tiêu đào tạo HV có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động thông qua việc CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm/lần trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan; đồng thời việc rà soát chỉnh sửa mục tiêu của CTĐT nhằm phù hợp với quy định của BGDĐT [H1.01.01.06], [H1.01.01.08]. Việc rà soát chỉnh sửa CTĐT được thực hiện bởi Tiểu ban TCNH (được thành lập vào năm 2012) [H1.01.01.05]. Tiểu ban TCNH đã rà soát và điều chỉnh Mục tiêu của CTĐT [H1.01.01.04], [H1.01.01.07-9], [H1.01.01.10-11] cho phù hợp với thực tế nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường [H1.01.01.06]. Qua 4 lần điều chỉnh trong giai đoạn 2014-2017 và 1 lần điều chỉnh trong năm 2018 do Khoa TCNH thực hiện [H1.01.01.12], CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH đã hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐHTCM, ngày càng phù hợp với yêu cầu thực tế của thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

2. Điểm mạnh:

Mục tiêu CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTCM và phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại luật giáo dục ĐH.

3. Điểm tồn tại:

Việc lấy ý kiến nhận xét về mục tiêu của CTĐT của cựu HV và nhà tuyển dụng chưa thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát và truyền thông đến các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH thông qua các kênh website, sổ tay HV, thông báo tuyển sinh gửi đến các cơ quan đơn vị. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH,

Viện ĐTSDH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Lấy ý kiến các bên liên quan định kỳ thông qua phiếu khảo sát hoặc tổ chức hội nghị thường niên cựu HV và nhà tuyển dụng về mục tiêu của CTĐT. Định kỳ mỗi năm tổ chức hội thảo đào tạo SDH, để lắng nghe đóng góp của GV và HV của khoá học đó, từ đó cập nhật và bổ sung ngay cho mục tiêu của CTĐT khoá kế tiếp. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Viện ĐTSDH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. **Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 1.2: *Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.*

1. Mô tả:

CĐR của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH được xác định rõ ràng và bắt đầu xây dựng từ năm 2015 theo một qui trình thống nhất [H1.01.02.01-2]. CĐR phù hợp với mục tiêu của CTĐT được thể hiện thông qua các yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cũng như triển vọng việc làm trong tương lai. Theo đó, CĐR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho HV và GV dễ dàng xác định mục tiêu cần đạt được trong quá trình giảng dạy và học tập về các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy [H1.01.02.02], [H1.01.02.07].

CĐR của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể là: (1) Về mặt kiến thức: Nắm vững lý thuyết sâu về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; Hiểu và vận dụng được các mô hình, các công cụ quản trị rủi ro để từ đó phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề trong thực tế. (2) Về mặt kỹ năng: Sử dụng thành thạo các công cụ định tính, định lượng trong phân tích; Sử dụng thành thạo Tiếng Anh; Có kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, thuyết trình; Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và lập kế hoạch. (3) Về mức tự chủ và trách nhiệm: Thích nghi, tự định hướng, hướng dẫn người khác về mặt chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; Quản lý, cải tiến, đánh giá các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; Có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. (4) Về triển vọng việc làm trong tương lai: HV có thể

giữ vị trí lãnh đạo, cán bộ quản lý, chuyên viên, chuyên gia trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng tại các tổ chức tín dụng và các tổ chức kinh tế hoặc có khả năng khởi sự kinh doanh và tự tạo lập DN; Cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các CSGD và viện nghiên cứu [H01.01.02.02]. Tuy nhiên, CĐR cho từng môn học mới chỉ được phản ánh dưới dạng mục tiêu của từng môn học [H1.01.02.03].

CĐR của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH được đo lường và đánh giá về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của HV thông qua năng lực của HV giải quyết các bài tập tình huống trên lớp, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thi kết thúc học phần và thực hiện luận văn ThS. Thang điểm đạt được của các phương pháp đánh giá trên cho thấy HV đạt được CĐR ở mức độ cao hơn theo yêu cầu [H1.01.02.06]. Bên cạnh đó, Khoa TCNH còn thực hiện việc khảo sát nhà tuyển dụng, các giảng viên là các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành và cựu HV về CĐR thông qua buổi tọa đàm về CTĐT. Kết quả cho thấy các đối tượng tham gia khảo sát đều đánh giá CĐR đáp ứng được yêu cầu người học cũng như yêu cầu tại đơn vị tuyển dụng [H1.01.02.04, H1.01.02.05].

2. Điểm mạnh:

CĐR của CTĐT đảm bảo được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt trong đào tạo đó là trang bị cho HV các chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ của người học giúp HV giải quyết tình huống thực tiễn tốt hơn từ đó giúp phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

3. Điểm tồn tại:

Chưa có nhiều phương pháp và công cụ để đánh giá và đo lường CĐR

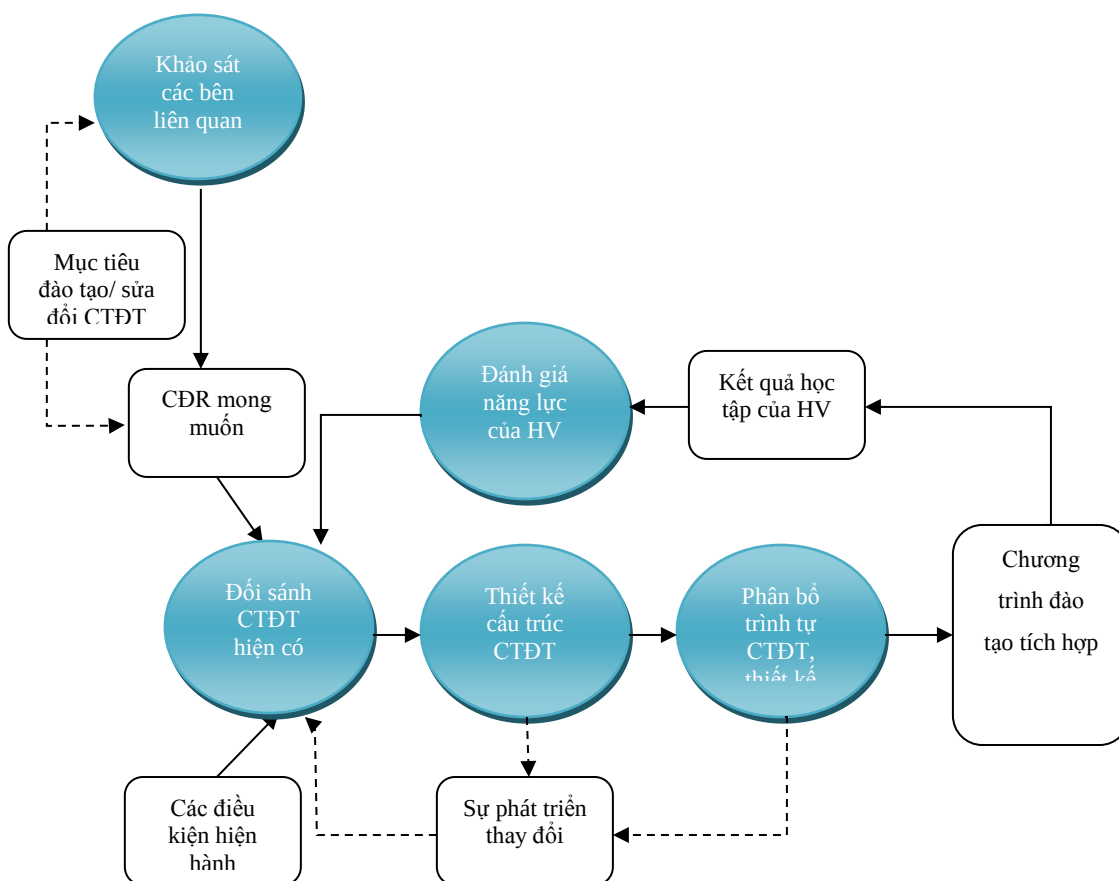
4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục thực hiện đúng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho HV theo CĐR đã xây dựng. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Ban hành hướng dẫn về phương pháp và công cụ đo lường mức độ đạt được của CĐR. Đơn vị thực hiện: Phòng QLKH, Phòng KT-QLCL, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Từ 2020.

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

CĐR của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. CĐR của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH được xây dựng từ năm 2015. Căn cứ vào hướng dẫn xây dựng CĐR được Trường ban hành, ý kiến khảo sát của các bên liên quan, khảo sát nhu cầu thị trường lao động, Tiểu ban TCNH tiến hành họp xây dựng và thống nhất CĐR [H1.01.02.01-2], [H1.01.02.4-5] . Do CĐR được rà soát, điều chỉnh theo ý kiến của các bên liên quan nên CĐR của CTĐT ThS chuyên ngành TCNH ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp các HV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình.



17

CĐR của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH được định kỳ rà soát điều chỉnh 2 năm 1 lần. Theo đó, sau khi ban hành CĐR vào năm 2015, đến năm 2017, Tiểu ban TCNH đã phân công khoa TCNH đã tiến hành rà soát và điều chỉnh CTĐT nói chung và CĐR nói riêng của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH. Việc rà soát điều chỉnh được thực hiện theo trình tự như sau: Đầu tiên là lấy ý kiến đánh giá của người học các khóa trước, ý kiến nhà sử dụng lao động, ý kiến của các nhà khoa học [H1.01.02.04], [H1.01.02.05], tổng hợp thực trạng nhu cầu nhân lực trên thị trường [H1.01.01.06]. Sau khi tổng hợp ý kiến của các bên có liên quan, tiểu ban TCNH sẽ tiến hành so sánh với các CTĐT ThS cùng ngành ở các Trường khác [H1.01.03.01]. Tiếp đến Tiểu ban TCNH tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá việc điều chỉnh bổ sung CĐR áp dụng cho khóa học kế tiếp [H1.01.03.02], [H1.01.03.03] cuối cùng là trình Hiệu trưởng ký ban hành và công bố công khai [H1.01.02.02].

CĐR của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH được công bố công khai, rộng rãi thông qua website của trường, khoa TCNH và Viện ĐTSĐH, sổ tay HV giúp GV, HV và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận được CĐR của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH [H1.01.03.04].

2. Điểm mạnh:

CĐR được định kỳ rà soát và điều chỉnh giúp cho CĐR của CTĐT được cập nhật, thay đổi phù hợp với nhu cầu thực tế và được công bố công khai.

3. Điểm tồn tại:

- Việc lấy ý kiến các bên liên quan về CĐR chưa rộng rãi và thường xuyên.
- Chất lượng và số lượng tham gia đóng góp của các bên liên quan chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục truyền thông đến các bên liên quan về nội dung CĐR thông qua các kênh website, thông báo tuyển sinh, sổ tay HV và rà soát cập nhật CĐR của chương trình. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Thành lập ban liên lạc cựu HV để có thêm kênh thông tin liên lạc. Duy trì và mở rộng mối quan hệ với các DN để gia tăng quy mô của các đợt khảo sát. Định kỳ 1 năm/lần tổ chức hội nghị cựu HV và nhà tuyển dụng để lấy ý kiến về CTĐT

và CĐR. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH của trường được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường. CĐR của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH được xây dựng theo một quy trình rõ ràng, được điều chỉnh và bổ sung kịp thời trên cơ sở tham khảo ý kiến của các bên liên quan. CĐR được công bố rộng rãi trên các website của trường, của Viện ĐTSĐH và khoa TCNH.

Điểm mạnh nổi bật: Mục tiêu CTĐT và CĐR được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của trường, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan.

Điểm tồn tại cơ bản: Số lượng nhà tuyển dụng, nhà khoa học tham gia vào công tác xây dựng và rà soát CĐR cũng như nội dung CTĐT chưa nhiều và chưa thường xuyên.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 1:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 1		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 1.1					5			4,33	3	100 (3/3)
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.

Mở đầu:

CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH tại Trường ĐHTCM được công bố công khai với đầy đủ các thông tin cần thiết, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống nhằm đáp ứng CĐR của trình độ ThS. Tất cả các học phần trong CTĐT đều có ĐCCT.

Các ĐCCT đều phản ánh đầy đủ thông tin có liên quan đến học phần và ĐCCT được định kỳ rà soát cập nhật cùng với sự rà soát cập nhật của CTĐT.

Việc xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan như các nhà tuyển dụng, HV, các GV, các nhà quản lý trong và ngoài trường có kinh nghiệm và chuyên môn cao. CTĐT được xây dựng trên cơ sở năng lực đào tạo vốn có của Trường, tham khảo các CTĐT ThS từ các trường ĐH có uy tín trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH của ĐH Tài chính – Marketing mang tính khoa học và có tính ứng dụng cao, đáp ứng được yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực CLC cho xã hội. Các bên có liên quan dễ dàng tiếp cận với CTĐT ThS chuyên ngành TCNH cũng như ĐCCT các học phần qua các trang thông tin điện tử chính thức của Viện ĐTSĐH, Khoa TCNH, sổ tay HV...

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả:

Bản mô tả CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH có đầy đủ thông tin và cập nhật cùng với thời điểm chỉnh sửa, rà soát, cập nhật CTĐT. Theo đó, CTĐT ThS chuyên ngành TCNH được xây dựng đầu tiên từ năm 2011, được cập nhật, điều chỉnh qua các năm 2014, 2015 và 2017, 2018. Tiểu ban TCNH đã tiến hành hoàn thiện bản mô tả CTĐT qua 4 lần cập nhật [H2.02.01.01], [H2.02.01.04].

Bản mô tả CTĐT thể hiện đầy đủ các nội dung: Tóm tắt mục tiêu đào tạo; CĐR; cấu trúc khóa học; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của chương trình; bản mô tả các học phần [H2.02.01.01]

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin liên quan như: Tên cơ sở GDĐT, mục tiêu đào tạo, tiêu chí tuyển sinh, thông tin về CĐR, cấu trúc khóa học, số tín chỉ, nội dung học phần giúp HV có cái nhìn tổng quát về CTĐT [H2.02.01. 01].

Bản mô tả CTĐT có sự cập nhật và điều chỉnh những nội dung mới nhất có liên quan của CTĐT [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05]. Bên cạnh kiến thức, chương trình còn thể hiện các kỹ năng mà HV đạt được khi tốt nghiệp [H1.01.01.04], [H1.01.02.07]. Đồng thời, chương trình được cập nhật, chỉnh sửa trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của GV, của HV, cựu HV, nhà tuyển dụng, nhà quản lý nhằm đảm bảo

chương trình mang tính thực tiễn, phản ánh nhu cầu xã hội [H2.02.01.03], [H2.02.01.04].

2. Điểm mạnh:

- Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin theo quy định và thường xuyên được rà soát, cập nhật phù hợp thực tế phát sinh theo nhu cầu thị trường và trên cơ sở ý kiến khảo sát của các bên liên quan.

- Ma trận CDR thể hiện rõ mức độ đóng góp của từng học phần trong chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết của từng học phần.

3. Điểm tồn tại:

Việc lấy ý kiến khảo sát CTĐT của các bên liên quan chưa rộng.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT, ma trận CDR theo định kỳ trên cơ sở ý kiến các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT, ma trận CDR thường xuyên được cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Mở rộng quy mô lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan về số lượng người tham gia khảo sát và phạm vi thực hiện khảo sát. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Viện ĐTSDH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả:

Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, Tiểu ban TCNH đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo quy trình hướng dẫn tại các văn bản của Bộ GD&ĐT. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa ở mục tiêu của từng học phần [H2.02.02.01].

Các đề cương học phần đều bao gồm những thông tin sau: Tên đơn vị, tên gọi học phần, tên GV giảng dạy học phần, tên khoa phụ trách học phần, số tín chỉ; Các điều kiện tiên quyết khi đăng ký học phần; Mục tiêu học phần; Nội dung chi tiết của học phần và hướng dẫn thực hiện nội dung; Các thông tin về nguồn học liệu (gồm các giáo trình và tài liệu tham khảo đa dạng); Các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra,

đánh giá HV, giúp HV đạt được và trình diễn được các kết quả học tập của học phần [H2.02.02.01].

Tất cả đề cương môn học được định kỳ rà soát, điều chỉnh 02 năm/lần dựa trên góp ý của các bên liên quan [H2.02.01.03], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05].

2. Điểm mạnh:

Các đề cương học phần có đầy đủ thông tin và liên tục được rà soát, cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

3. Điểm tồn tại:

Các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá HV, còn đơn giản, chưa chi tiết và cụ thể.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Chuẩn hóa mẫu ĐCCT học phần theo mẫu mới và tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật phù hợp với mục tiêu của CTĐT và yêu cầu thực tiễn. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Chi tiết về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá người học trong các đề cương học phần. Đơn vị thực hiện: Phòng QLKH, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả:

Bản mô tả CTĐT và đề cương được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Để tạo điều kiện cho các đối tượng liên quan có quan tâm dễ tiếp cận CTĐT và đề cương học phần Viện ĐTSĐH đã đăng tải CTĐT và đề cương các khóa lên website. Ngoài ra thông tin về CTĐT còn được cung cấp kèm theo thư ngỏ để quảng bá CTĐT trình độ ThS TCNH đến các bên liên quan như các công ty, ngân hàng, cơ quan nhà nước và các em HV của các trường ĐH trên địa bàn TP.HCM. Bên cạnh đó Trường còn giúp các HV tiếp cận CTĐT qua sổ tay HV. Qua các kênh thông tin trên, các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, HV, cựu HV và các bên liên quan

khác đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.04].

2. Điểm mạnh:

Mọi thông tin trong bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được công bố kịp thời, rộng rãi và công khai qua nhiều kênh khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại:

Chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục công bố rộng rãi và công khai bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần lên website của trường, của Khoa TCNH, Viện ĐTSĐH hoặc trong các thư ngỏ tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận bằng cách truy cập cổng thông tin trang Web của Trường hoặc tham gia thực hiện các khảo sát, đánh giá CTĐT và các đề cương học phần. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020, đặc biệt chú ý khi tuyển sinh các khóa.

- **Khắc phục tồn tại:** Xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các bên liên quan. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Phòng QLKH. Thời gian thực hiện: Năm 2019 xây dựng cơ chế, sau đó đánh giá hàng năm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH của khoa có bản mô tả CTĐT và các ĐCCT được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo định kỳ và theo xu hướng mới về đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực TCNH. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT được công bố công khai, đầy đủ, rộng rãi và kịp thời. Quá trình xây dựng, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật CTĐT đều căn cứ theo quy định chung của BGDĐT. CTĐT được xây dựng dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ đóng góp ý kiến của Hội đồng khoa học học và đào tạo Trường, Tiểu ban TCNH, các nhà khoa học, các nhà quản lý, các đơn vị tuyển dụng, GV, cựu HV, HV. Ma trận hiện thị kết quả CDR được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương

trình. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đề cương học phần đều được cung cấp đầy đủ cho HV và được công bố rộng rãi và công khai, dễ tiếp cận.

Tuy nhiên việc khảo sát các bên liên quan khi thực hiện CTĐT mặc dù đã thực hiện khảo sát tuy nhiên chưa rộng và cần xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các bên liên quan.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 2:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 2		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 2.1					5			5	3	100 (3/3)
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.

Mở đầu:

Chương trình dạy học xác định rõ mục tiêu chung của ngành, mục tiêu cụ thể của từng học phần và đạt được CĐR trong CTĐT ThS của chuyên ngành TCNH.

Cấu trúc, trình tự của các học phần ngành TCNH được phân theo các nhóm: kiến thức chung, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành và luận văn. Các học phần này được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ, đảm bảo tính hợp lý và logic đồng thời đảm bảo mỗi học phần đều đáp ứng một hoặc nhiều tiêu chí trong CĐR. Nội dung chương trình được cập nhật thông qua các lần chỉnh sửa, rà soát CTĐT, trong đó có sự so sánh với các chương trình ĐH có uy tín trong và ngoài nước.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả:

Bắt đầu từ năm 2015, chương trình dạy học ThS chuyên ngành TCNH đang được vận hành dựa trên chương trình dạy học và bản mô tả chương trình dạy học, được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Đồng thời, việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các môn học/học phần trong chương trình dạy học là phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, cụ thể như sau:

Trong chương trình dạy học, mỗi học phần có vai trò nhất định để đạt được CĐR, các học phần thuộc về kiến thức chung trang bị cho người học kỹ năng nghiên cứu; những học phần thuộc về kiến thức ngành cung cấp những kiến thức nền tảng về cơ sở ngành; những học phần thuộc về kiến thức chuyên ngành trang bị cho HV những kiến thức, kỹ năng chuyên môn. Điều này được thể hiện qua: Bản mô tả CTĐT, Bản mô tả môn học/ học phần, CTĐT khóa 10 [H2.02.01.01]; Ma trận kỹ năng, CĐR của CTĐT [H1.01.02.07]; Hồ sơ giảng dạy của GV [H3.03.01.01]; tài liệu bài giảng [H3.03.01.02] ý kiến phản hồi của các bên liên quan: [H1.01.02.04],[H1.01.02.05]; các biên bản họp liên quan đến hoạt động rà soát chương trình [H1.01.01.08-12].

Do đặc thù đào tạo chương trình trình độ ThS chuyên ngành TCNH, phương pháp giảng dạy chủ yếu là do GV chủ động chọn lựa; vì thế, việc đánh giá HV đã được thực hiện bằng nhiều phương pháp (Phương pháp dạy: diễn giảng, đàm thoại, làm việc với giáo trình và tài liệu tham khảo, trực quan, thực hành..., phương pháp đánh giá HV: câu hỏi kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm, thuyết trình của HV ...) để đạt được CĐR của chương trình dạy học [H1.01.02.02],[H3.03.01.04].

Để hoàn thành chương trình dạy học, HV phải tích lũy đủ tất cả các học phần thể hiện trong chương trình dạy học, và phải bảo vệ thành công luận văn ThS chuyên ngành TCNH [H3.03.01.03].

Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan (như: GV; PGS, TS chuyên gia đầu ngành về giáo dục; các DN; cựu HV) về chương trình dạy học trình độ ThS chuyên ngành TCNH đã được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa chương trình dạy học của trường ĐH và các bên liên quan mặc dù chưa nhiều, nhưng chương trình đã hướng tới 3 tiêu chí đánh giá như sau: 1. cấu trúc và yêu cầu đề cương chi tiết học phần; 2. nội dung đề cương chi tiết học phần; 3. kiểm tra đánh giá, đều đạt yêu cầu. Ngoài ra, trước khi HV tốt nghiệp, Trường tổ chức khảo sát, ĐGCL chương trình của chuyên ngành đến từng

HV và kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ HV hài lòng về chương trình khá cao [H1.01.02.05].

2. Điểm mạnh:

Cấu trúc của chương trình dạy học trình độ ThS chuyên ngành TCNH được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành nhằm đạt mục tiêu của CĐR. Các đề cương chi tiết trong từng học phần đều thể hiện tính gắn kết giữa dạy-học và đánh giá để đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại:

Việc lấy ý kiến phản hồi về chương trình dạy học chưa được rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Định kỳ rà soát cấu trúc chương trình dạy học hợp lý hơn nữa để phát huy tính gắn kết chặt chẽ giữa dạy – học nhằm đạt được CĐR ngày một cao hơn. Đơn vị thực hiện: Phòng QLKH, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Thường xuyên kết hợp với các nhà khoa học, GV, các nhà tuyển dụng và cựu HV để lấy ý kiến điều chỉnh, xây dựng chương trình dạy học ThS chuyên ngành TCNH được hoàn thiện hơn. Đơn vị thực hiện: Phòng QLKH, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả:

Tỷ lệ 100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR [H1.01.02.02], [H1.01.02.07].

Mặt khác, 100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đạt được CĐR [H3.03.01.04], [H1.01.02.02], cụ thể như sau:

Khi xây dựng ĐCCT các học phần, bên cạnh thiết kế nội dung các chương, thì mỗi GV của trường cũng đã tự chủ động linh hoạt trong quá trình giảng dạy để đảm bảo đạt

được được CĐR. Đề cương chi tiết còn thể hiện rõ phương pháp kiểm tra, đánh giá người học (thang điểm, câu hỏi kiểm tra dưới dạng tự luận hay trắc nghiệm, thuyết trình...) [H3.03.01.02].

Tuy nhiên, CĐR của mỗi môn học chỉ mới được cụ thể hóa bằng mục tiêu chung và mục tiêu riêng [H1.01.02.03].

Qua kết quả các đợt khảo sát lấy ý kiến từ các HV cuối mỗi học kỳ và cuối khóa học, lấy ý kiến từ cựu sinh viên và từ các DN, cho thấy đa số đều hài lòng với nội dung của các học phần được thiết kế trong chương trình [H1.01.02.04], [H1.01.02.05], [H2.02.01.03]. Thông qua việc kiểm tra, đánh giá điểm quá trình, điểm kết thúc học phần và điểm luận văn của các HV để đo lường mức độ đạt được chuẩn kiến thức của mỗi môn học đều đạt yêu cầu; chứng tỏ mỗi học phần đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CĐR của chương trình [H1.01.02.02], [H1.01.02.05], [H1.01.02.07].

2. Điểm mạnh:

Các học phần trong chương trình dạy học ThS chuyên ngành TCNH được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành. Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần, phương pháp đánh giá và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy - học và có nội dung bao trùm các CĐR của chương trình dạy học.

3. Điểm tồn tại:

Việc lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt ý kiến của các DN thực hiện chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Chương trình dạy học thể hiện rõ hơn nữa mục tiêu, yêu cầu của học phần, hoàn thiện hơn nữa phương pháp đánh giá nhằm đảm bảo quá trình dạy - học đạt được mục tiêu đề ra. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Thời gian thực hiện: 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan trong việc hoàn thiện chương trình thường xuyên hơn. Đơn vị thực hiện: Phòng QLKH, Khoa TCNH, Thời gian thực hiện: Từ năm 2020 và thực hiện định kỳ hàng năm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

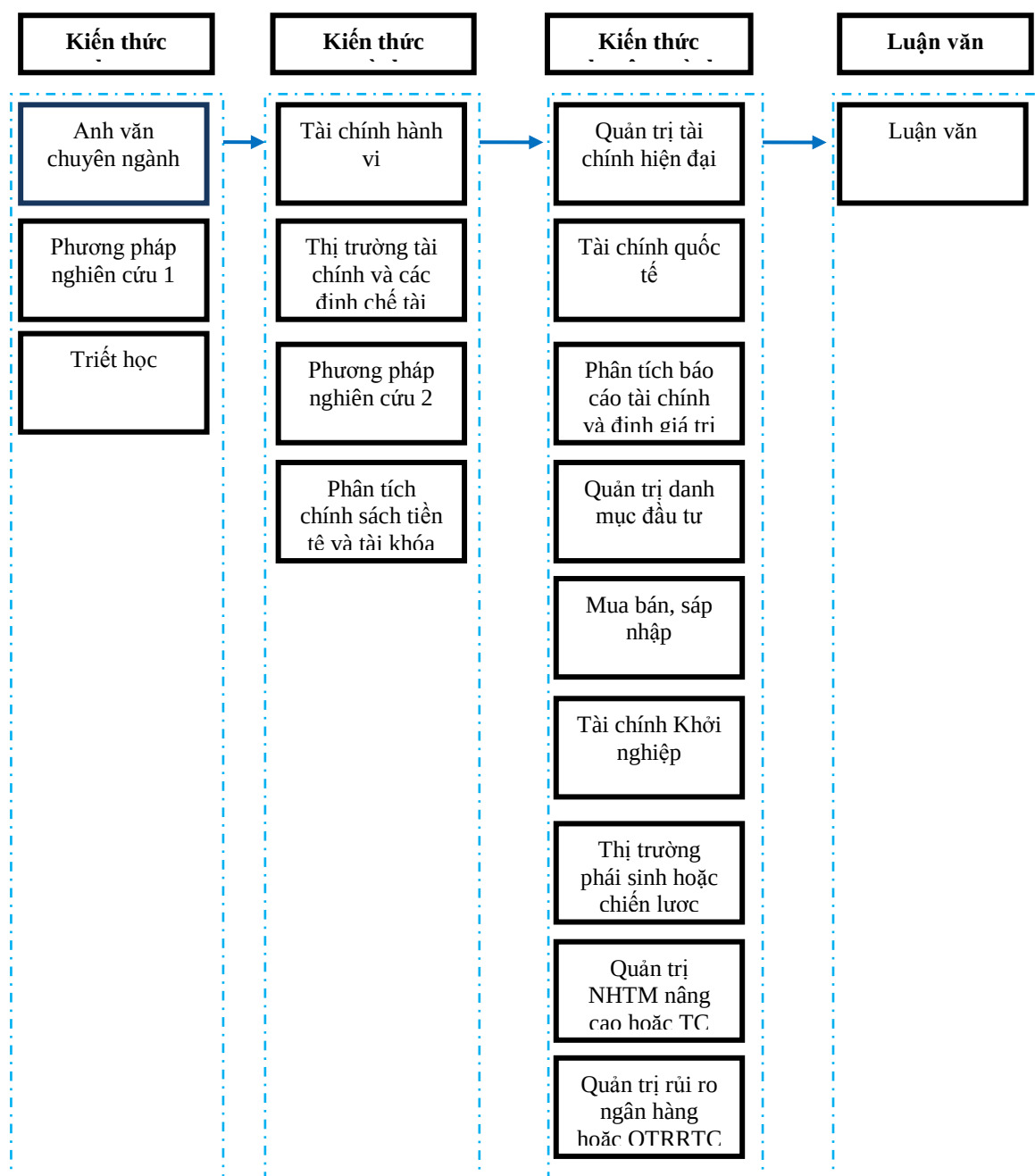
Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật.

1. Mô tả:

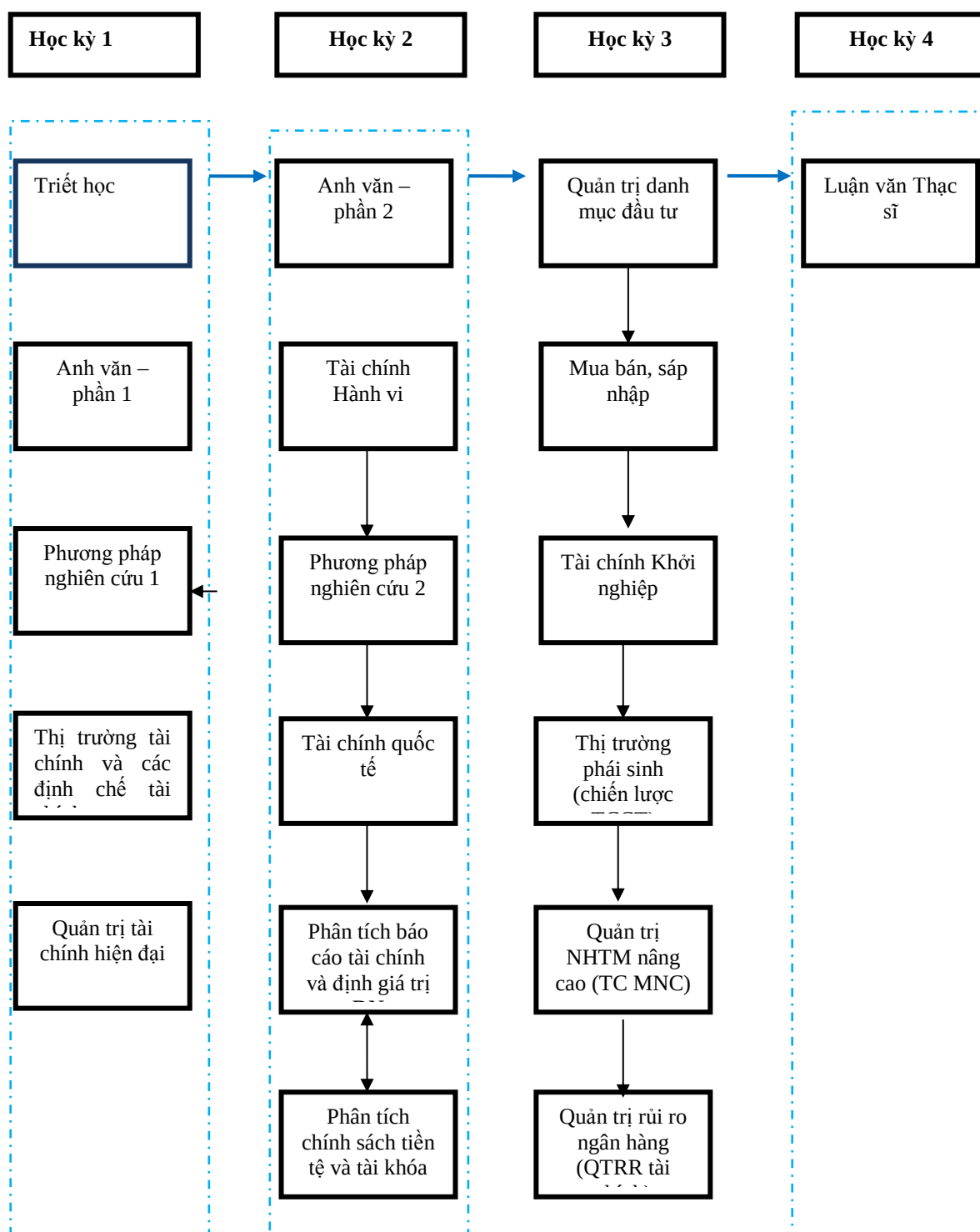
Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình thành một khối thống nhất [H2.02.01.01].

100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học được bố trí hợp lý (học phần, điều kiện tiên quyết, thời lượng cho mỗi học phần, thời điểm/ học kỳ thực hiện) [H1.01.01.10-12].

Chương trình dạy học được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 2 năm một lần [H1.01.01.08], [H1.01.03.03]. Chương trình dạy học ThS chuyên ngành TCNH đảm bảo sự gắn kết liên mạch thành một khối thống nhất theo nội dung và theo thời gian được thể hiện ở hình 2.2 và 2.3 như sau:



Hình 2.2. Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học trình độ ThS chuyên ngành TCNH năm 2017 phân theo nội dung



Hình 2.3 Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học trình độ ThS chuyên ngành TCNH năm 2017 phân theo thời gian

Chương trình dạy học khi được điều chỉnh có tham khảo chương trình tiên tiến quốc tế như trường Harvard business school, Western Sydney được thực hiện so sánh thông qua hai khía cạnh sau: 1. so sánh chương trình khung và hình thức tổ chức đào tạo; 2. so

sánh các học phần [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. Trong thời gian qua, CTĐT ThS TCNH đã tiến hành tham khảo với các trường ĐH trong nước và quốc tế như sau:

+ Tham khảo chương trình trong nước:

- Chương trình của trường ĐH Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh (UEH);
- Chương trình của trường ĐH kinh tế Quốc dân (NEU);
- Chương trình của trường Học viện Tài chính (AOF)

+ Tham khảo chương trình nước ngoài:

- Chương trình của trường Harvard business school (HBS)
- Chương trình của trường MITsloan (MIT)
- Chương trình của trường Monash university (MONASH)
- Chương trình của trường University of Western Sydney (UWS)
- Chương trình của trường University of technology Sydney (UTS)
- Chương trình của trường CFVG (hiện đang thực hiện tại Việt Nam)
- Chương trình của trường Rennes 1 (RENNES 1).

2. Điểm mạnh:

Chương trình dạy học trình độ ThS chuyên ngành TCNH được định kỳ rà soát điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 2 năm/lần.

Chương trình có kết cấu hợp lý giữa các khối kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành; chương trình được thiết kế đảm bảo sự logic về cấu trúc tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp nhận được kiến thức cao nhất đáp ứng yêu cầu cao nhất về nhân lực cho xã hội.

3. Điểm tồn tại:

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau khi tốt nghiệp và của các đơn vị sử dụng lao động nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Có kế hoạch triển khai và rà soát điều chỉnh cập nhật chương trình dạy học ThS chuyên ngành TCNH. Đơn vị thực hiện: Phòng QLKH, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Năm 2019 và duy trì định kỳ 2 năm/lần.

- **Khắc phục tồn tại:** Định kỳ xây dựng kế hoạch và tổ chức tăng cường lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động và cựu HV. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: từ 2020 duy trì mỗi học kỳ hoặc hàng năm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức (5/7).

Kết luận Tiêu chuẩn 3:

Chương trình dạy học xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt CĐR đối với chương trình dạy học trình độ ThS chuyên ngành TCNH, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần cũng được xác định rõ. Cấu trúc, trình tự của các học phần theo các nhóm kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành, luận văn được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ có tính logic cao. Các học phần và nội dung học phần có hệ thống tích hợp liên quan chặt chẽ với nhau được thể kế và mô tả trong chương trình. Nội dung chương trình được cập nhật thông qua các nguồn tài liệu từ các trường trong và ngoài nước; từ đội ngũ GV được bồi dưỡng và tập huấn ở nước ngoài có sự rà soát và kiểm tra chặt chẽ của trường ĐH Tài chính – Marketing.

Tuy nhiên việc lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 3:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 3		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 3.1				4				4,33	3	100 (3/3)
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.

Mở đầu:

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học là một khâu quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH. Thông qua các hoạt động dạy và học, mục tiêu giáo dục của Trường và mục tiêu của CTĐT trình độ Ths chuyên ngành TCNH được cụ thể hóa và phổ biến đến các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Để làm được điều này, Khoa TCNH đã hướng dẫn HV sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả để giúp HV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Các hoạt động dạy và học luôn được GV nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho HV.

Tiêu chí 4.1: Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả:

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHTCM được tuyên bố rõ ràng trong quyết định phê duyệt chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013-2020 định hướng đến năm 2030 và quyết định công bố sứ mạng tầm nhìn, mục tiêu, các giá trị cốt lõi [H4.04.01.01].

Trên cơ sở mục tiêu chung của Trường, Khoa TCNH đã xác định mục tiêu của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH, đó là đào tạo ra những ThS có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu, có kiến thức lý thuyết chuyên sâu, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, có kỹ năng ngoại ngữ, có năng lực tự chủ, giải quyết những vấn đề thuộc ngành TCNH. Trong giai đoạn 2014-2018, Trường triển khai rà soát CTĐT, mục tiêu của CTĐT ThS chuyên ngành TCNH đã được làm rõ hơn và được nêu trong bản mô tả CTĐT sau các lần rà soát [H2.02.01.01], [H2.02.01.03-5].

Mục tiêu giáo dục của Trường và mục tiêu của CTĐT trình độ Ths chuyên ngành TCNH được cán bộ, GV hiểu rõ và thực hiện thể hiện qua việc các GV tham gia giảng dạy cho CTĐT ThS chuyên ngành TCNH là các TS đều có tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát chỉnh sửa, thảo luận về mục tiêu của CTĐT. Hơn nữa, mỗi GV khi tham gia giảng dạy cho chương trình ThS chuyên ngành TCNH, trong buổi học đầu tiên do mình phụ trách đều dành thời gian giới thiệu về mục tiêu giáo dục của Trường, mục tiêu

của CTĐT cũng như mục tiêu của học phần. HV qua các lần được giới thiệu từ các GV sẽ càng thấm nhuần về mục tiêu giáo dục của Trường cũng như của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH.

Mục tiêu giáo dục của Trường và mục tiêu của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH được phổ biến đến các bên liên quan thông qua các kênh như: website, sổ tay HV, các hội thảo cấp trường, các bài phát biểu khai giảng, các buổi sinh hoạt đầu khóa học để phổ biến đến tất cả cán bộ, GV, HV hiểu rõ và thực hiện [H4.04.01.01], [H2.02.03.01]. Tuy nhiên, việc phổ biến rộng rãi mục tiêu giáo dục đến bên liên quan bên ngoài trường như Nhà tuyển dụng còn hạn chế. Nhà tuyển dụng chỉ được giới thiệu mục tiêu giáo dục khi tham gia giảng dạy, xây dựng CTĐT hoặc tham dự các buổi hội thảo, hội nghị hoặc các cuộc họp rà soát CTĐT Ths TCNH [H1.01.02.04]. Do đặc thù về đào tạo, đa số HV đều đã đi làm, trong số đó có khá nhiều HV là lãnh đạo các DN, vì vậy Khoa sẽ quan tâm lấy ý kiến phản hồi về mục tiêu giáo dục từ nhóm đối tượng HV này.

2. Điểm mạnh:

Mục tiêu giáo dục của Trường được cụ thể hóa trong mục tiêu giáo dục của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH, được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến đến các bên liên quan, đặc biệt là GV và HV.

3. Điểm tồn tại:

Việc phổ biến mục tiêu giáo dục của Trường và của CTĐT đến các nhà tuyển dụng mới chỉ giới hạn là các GV tham gia giảng dạy và các chuyên gia đầu ngành.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục thực hiện theo đúng nội dung đã công bố với HV về mục tiêu giáo dục của Trường và của CTĐT. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Thường niên tổ chức hội thảo và mời nhiều DN, HV (là lãnh đạo các DN) tham dự để giới thiệu về mục tiêu giáo dục cũng như lấy ý kiến góp ý về mục tiêu giáo dục của Trường và của CTĐT. Tăng cường công tác truyền thông để phổ biến mục tiêu đến các bên liên quan bên ngoài qua các kênh như: ngày hội việc làm của Trung

tâm TS&QHDN, tư vấn tuyển sinh, Ban liên lạc cựu HV hoặc thư ngỏ. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Trung tâm TS&QHDN. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả:

Để đạt được mục tiêu đào tạo và CDR đã được công bố, CTĐT được thiết kế linh hoạt theo học chế tín chỉ thông qua hệ thống các học phần. Mỗi học phần đều có đề cương chi tiết. Theo đó, đề cương chi tiết học phần được xây dựng theo các chủ đề và được thực hiện theo một kế hoạch giảng dạy cụ thể [H2.02.02.01].

Các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR. Khoa đã xây dựng tổ hợp các phương pháp giảng dạy đa dạng, hiệu quả trong các hoạt động dạy và học được 100% các GV đồng thuận [H3.03.01.04], điều đó thể hiện qua các nội dung sau:

Về phương pháp giảng dạy, GV của Khoa đã linh hoạt sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy như diễn giảng, đàm thoại, làm việc với giáo trình, tài liệu tham khảo trong nước và nước ngoài, hỏi đáp trên lớp, thảo luận hoặc làm việc nhóm, phân tích các bài báo khoa học. Ngoài ra, các hội thảo cấp trường về tổng kết, đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá các học phần theo hướng đánh giá quá trình phát triển năng lực của HV luôn được quan tâm [H4.04.02.01]. Song song nhiệm vụ giảng dạy là nhiệm vụ NCKH. Kết quả hoạt động NCKH của GV đã giúp GV có những bài giảng sâu hơn và truyền thêm động lực cho các HV thực hiện các luận văn ThS [H4.04.02.02].

Bảng 4.2: Thống kê tỷ lệ hài lòng

Nội dung khảo sát	Năm	Tỷ lệ hài lòng/Giá trị TB	
		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
Khảo sát hoạt động giảng dạy	2013	92,3%	93,5%
	2017	Giá trị TB > 4	Giá trị TB > 4

Khảo sát cuối khóa	Đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp		
	2016	96,55%	-
	2017	97%	-

Tỷ lệ 92,3% HV hài lòng về phương pháp giảng dạy của GV. Như vậy, số liệu trên cho thấy rằng không có trở ngại nào đối với GV và HV trong việc triển khai các phương pháp dạy để đạt CĐR [H4.04.02.03].

Về phương pháp kiểm tra đánh giá, trên đề cương chi tiết của từng học phần đều có phân bổ giờ tín chỉ cụ thể đối với các hoạt động dạy cũng như phương pháp kiểm tra đánh giá. Trong quá trình giảng dạy GV đã đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá như đặt câu hỏi tự luận/trắc nghiệm, thuyết trình để đo lường hiệu quả chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức trong từng môn học, nhằm đạt được CĐR. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng về hoạt động kiểm tra, đánh giá cho thấy tỷ lệ 93,5% và đạt mức hài lòng trở lên (xem bảng 4.2).

Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Khoa TCNH đã xây dựng kế hoạch học tổng thể qua các học kỳ cũng như dự kiến các GV giảng dạy ngay từ đầu, bố trí lịch giảng cho từng GV theo lịch học từng lớp [H4.04.02.04]. Bằng phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và xử lý tình huống thực tiễn của GV đã làm thay đổi hoàn toàn hoạt động học tập của HV từ việc học tập, nghiên cứu độc lập sang phối hợp nhóm, chia sẻ thông tin; từ tham gia thụ động sang chủ động vào các hoạt động học tập. Các phương pháp học này giúp HV có khả năng đạt CĐR về kiến thức và kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm tối thiểu cấp độ 4 và cao hơn theo thang Bloom [H1.01.02.06], [H3.03.01.04]. Với tổ hợp các phương pháp học tập này sẽ giúp HV không gặp khó khăn khi thực hiện luận văn ThS theo quyết định giao đề tài và người hướng dẫn khoa học [H4.04.02.05]. Để giúp HV chủ động hơn, Trường đã thiết kế cuốn Sổ tay dành riêng cho HV cao học để hướng dẫn HV các qui trình xử lý học vụ, mẫu biểu cần thiết để làm luận văn [H2.02.03.01], [H4.04.02.06].

Tuy nhiên, hoạt động khảo sát ĐGCL giảng dạy chưa được thực hiện thường xuyên, đơn vị thống kê số liệu trong các báo cáo chưa đồng nhất do sự chuyển giao công tác

khảo sát từ phòng KT-QLCL cho Viện ĐTSĐH từ năm 2018. Vì vậy việc đối sánh hiệu quả của các hoạt động dạy và học qua các năm còn hạn chế. Trong những năm tới, công tác đánh giá sự phản hồi của HV và GV sẽ được Khoa phối hợp với Viện ĐTSĐH triển khai định kỳ hàng năm.

2. Điểm mạnh:

Hoạt động dạy và học của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH kết hợp nhiều phương pháp đa dạng và hiệu quả để đạt được CĐR. Đội ngũ GV thường xuyên cập nhật kiến thức từ các tài liệu nước ngoài, tích cực NCKH. Hoạt động dạy và học giúp HV lĩnh hội kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất từ các học phần.

3. Điểm tồn tại:

Trường chưa thực hiện khảo sát chất lượng giảng dạy thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục đánh giá và cải tiến các phương pháp giảng dạy thông qua các hội thảo, tập huấn cho GV, có nhiều chính sách hơn nữa để GV tham gia NCKH. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Phòng QLKH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.
- **Khắc phục tồn tại:** Khảo sát hoạt động giảng dạy 2 lần/năm, chuẩn hóa mẫu biểu báo cáo xử lý số liệu thống kê. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả:

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học. Đề cương chi tiết của từng học phần có mô tả việc sử dụng các phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của HV. Trên các đề cương đều thể hiện các kỹ năng đạt được đối với từng học phần [H2.02.02.01]. GV sử dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy để đánh giá HV thông qua các hoạt động thuyết trình, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, phân tích bài báo khoa học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng xử lý tình

huống và các kỹ năng mềm [H3.03.01.04]. Các hoạt động này đều hướng đến việc nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và đề xuất chính sách của HV.

Các hoạt động dạy và học nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Tất cả đề cương chi tiết môn học đều cơ cấu rõ tỷ lệ giờ học trên lớp và giờ tự học, qua đó cho thấy tất cả các đề cương của các môn học đã tập trung nhấn mạnh hoạt động tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho HV. Trong mỗi học phần, HV được các GV giao các case study, các bài báo khoa học hoặc các chủ đề thuyết trình để HV tự nghiên cứu. Để hỗ trợ HV nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu thì ngay từ đầu khóa, thư viện đã cung cấp cho mỗi HV tài khoản thư viện điện tử. Từ đó HV có thể chủ động tiếp cận nguồn tài nguyên mà Trường đã hợp tác với Cục CNTT của Bộ thông tin và truyền thông [H4.04.03.01]. Trong các buổi sinh hoạt giáo viên chủ nhiệm đã phổ biến các nội dung về kế hoạch học tập các học kỳ, yêu cầu về CDR về ngoại ngữ và luận văn ThS để giúp HV chủ động trong lịch học, phương pháp học tập và nghiên cứu để đạt được các yêu cầu này [H4.04.03.02], [H4.04.03.03]. Điều này được minh chứng bằng các luận văn Ths TCNH có tính ứng dụng cao, được HV nghiên cứu ứng dụng ngay tại cơ quan mà HV đang công tác [H4.04.03.04]. Trong những năm gần đây số lượng HV tham gia NCKH ngày càng đông [H4.04.03.05].

Bảng 4.3a: Số lượng HV tham gia NCKH

Các tiêu chí	Năm học				
	2014	2015	2016	2017	2018
Số lượng (người)	6	377	271	125	263
Tỷ lệ (%) trên tổng số HV	0,57%	45,42%	39,79%	18,94%	55,02%

Tuy nhiên, đa số các công trình NCKH của HV còn nhỏ, chủ yếu là các đề tài luận văn ThS, chưa thu hút được nhiều HV tham gia các đề tài NCKH lớn như đề tài cấp trường, cấp bộ, cấp nhà nước. Trong những năm sắp tới, Khoa sẽ đề xuất chính sách cho HV tích cực tham gia NCKH trong các đề tài lớn.

Khoa đã ghi nhận một số HV sau khi tốt nghiệp có khả năng theo học các lớp NCS hoặc thăng tiến trong công việc sau khi tốt nghiệp [H4.04.03.06].

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập là công cụ quan trọng xác định mức độ đạt được kỹ năng, năng lực nhận thức của HV. Kết quả mẫu khảo sát hoạt động giảng dạy khóa 9 năm học 2017-2018 cho thấy như sau:

Bảng 4.3b: Trích lục kết quả khảo sát môn học khóa 9 năm 2017-2018

(báo cáo sử dụng thang đo likert 5 mức độ)

Mã câu hỏi	Tiêu chí	Giá trị trung bình
6	GV khuyến khích HV phát biểu hoặc đặt câu hỏi trong giờ học	4,8
7	GV sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tự học	4,9
8	GV tổ chức có hiệu quả các buổi thuyết trình, làm bài tập nhóm, thảo luận.	4,9
17	GV phát huy tính chủ động, tự nghiên cứu của HV	4,9
18	GV khuyến khích HV có tư duy độc lập, tích cực trao đổi	4,8
19	GV khuyến khích HV đặt câu hỏi phản biện và trình bày các quan điểm riêng.	4,8
20	GV sử dụng nhiều hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình giảng dạy	4,7
21	GV đưa ra phương pháp kiểm tra đánh giá, phù hợp với tính chất của môn học.	4,8
25	GV tích cực hướng dẫn HV tự học, tự nghiên cứu	4,9
26	GV tổ chức và quản lý lớp một cách khoa học, tạo môi trường học tập tích cực.	4,8

Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ hài lòng của HV về hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy của GV rất cao. Điều này cho thấy GV tham gia giảng dạy luôn sử dụng thành thạo tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ HV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

2. Điểm mạnh:

100% đề cương chi tiết các môn học đều mô tả rõ việc sử dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm của HV hiệu quả.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù khoa TCNH có nhiều cố gắng nhưng kỹ năng NCKH của HV còn hạn chế thể hiện số lượng HV tham gia các công trình NCKH lớn còn ít. Công tác lưu trữ các NCKH của HV qua các năm còn chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập để nâng cao kỹ năng cho HV. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Có chính sách khuyến khích HV tham gia NCKH. Giao Tổ QLCL của khoa thu thập lưu trữ các tài liệu liên quan đến NCKH của HV. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Bên cạnh đó, do đặc thù về chuyên ngành đào tạo cao học là các đối tượng HV vừa học vừa làm nên tính chủ động trong việc rèn luyện các kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng NCKH còn hạn chế.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 4:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 4		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 4.1					5			4,33	3	100 (3/3)
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.

Mở đầu:

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng trong việc thực hiện CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp của HV. Đồng thời kết quả đánh giá cung cấp cho Trường và Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá kết quả học tập của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH được thiết kế để đo lường mức độ đạt được của CDR, bao trùm được cả kỹ năng và kiến thức chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của HV rõ ràng và được thông báo công khai tới HV trong Sổ tay HV lúc mới nhập học và trong đề cương chi tiết học phần. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để HV cải thiện việc học tập và nghiên cứu của mình, đồng thời tạo điều kiện cho HV tiếp cận dễ dàng với qui trình khiếu nại về kết quả học tập của mình.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả:

Với mục tiêu đảm bảo chuẩn đầu ra cho HV, Trường đã xây dựng qui trình đánh giá kết quả học tập của HV từ giai đoạn tuyển sinh đến khi thực hiện và bảo vệ luận văn ThS như sau:

Từ giai đoạn tuyển sinh, Trường đã tiến hành phân hoá thí sinh dựa theo đối tượng tuyển sinh phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Việc tổ chức thi tuyển sinh luôn được thực hiện theo đúng quy chế của Bộ GDĐT và quy định của Trường, đảm bảo công bằng, khách quan, và bảo mật nhằm tuyển chọn được những thí sinh thật sự muốn tham gia và có năng lực học tập. Sau khi tổ chức thi tuyển đầu vào CTĐT ThS, Viện ĐTSĐH căn cứ vào điểm của thí sinh lấy từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu đã thông báo trước [H5.05.01.01]. Trong buổi sinh hoạt đầu khóa, các HV được thông báo tổng thể về kế hoạch học tập suốt cả khóa học và CĐR cần đạt được để được công nhận tốt nghiệp. Trong đó, CĐR qui định rõ HV sau khi tốt nghiệp sẽ đạt được những kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, khả năng giải quyết công việc chuyên môn, cũng như khả năng học tập nghiên cứu ở bậc cao hơn [H1.01.01.07-8], [H1.01.01.10-12], [H1.01.02.02], [H1.01.02.07]. Cụ thể:

- Để đáp ứng tiêu chuẩn về kiến thức trong CĐR, các học phần đều được đánh giá bởi 2 loại điểm, điểm quá trình (chiếm 40-50%) và điểm thi kết thúc học phần (chiếm 60-50%), lịch thi được xây dựng phù hợp với hình thức đào tạo và đặc điểm của HV, có thể thi khi học xong tất cả các học phần hoặc thi cuốn chiếu, lịch thi được công bố trước khi thi ít nhất 2 tuần [H5.05.01.03]. Việc tổ chức đánh giá học tập được quy định rõ trong quy định đào tạo ThS của Trường [H5.05.01.02]. Để đánh giá việc đáp ứng CĐR của CTĐT, phương pháp đánh giá được sử dụng nhiều dạng: bài thi giấy, bài thi trên máy tính, tiểu luận, thuyết trình tùy theo từng học phần. Những học phần lý thuyết thì thường sử dụng kiểm tra dạng thuyết trình, tiểu luận để đánh giá kiến thức, kỹ năng nghiên cứu, tổng hợp. Những học phần gắn liền thực tiễn thường được kiểm tra dạng bài tập xử lý tình huống... [H2.02.02.01]. Tuy nhiên, trường chưa khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp với đặc thù đào tạo của chuyên ngành Ths TCNH.

- Thực hiện luận văn ThS nhằm giúp HV rèn luyện kỹ năng tự nghiên cứu, tự học tập, tự chủ và có trách nhiệm. Để chuẩn bị cho việc thực hiện luận văn, HV luôn được thông

báo kế hoạch thực hiện, được GVCN triển khai các công việc liên quan, quy trình xét duyệt đề tài, phân công GVHD, quy trình bảo vệ luận văn [H4.04.02.05], [H4.04.02.06].

Các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của Trường được phổ biến và công khai thông qua sổ tay HV [H2.02.03.01]. Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được phân định rõ ràng đối với đánh giá quá trình thì đánh giá qua những hình thức nào, tổ chức đánh giá ra sao. Những yêu cầu về việc đánh giá này được thể hiện qua đề cương chi tiết của từng học phần [H2.02.02.01].

2. Điểm mạnh:

Việc đánh giá kết quả của HV được thực hiện theo qui trình rõ ràng, đúng qui định. Về cơ bản các phương pháp đánh giá các học phần đều hướng đến đạt CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại:

CTĐT chưa khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp với đặc thù đào tạo của chuyên ngành Ths TCNH.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát qui trình kiểm tra đánh giá nhằm tạo sự thuận lợi cho HV và đảm bảo tính chính xác, công bằng. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Viện ĐTSĐH, Phòng KT-QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Định kỳ 1 lần/năm Viện tổ chức triển khai đánh giá chất lượng và độ khó của đề thi thông qua việc thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi của HV, từ kết quả phân tích này có kế hoạch cải tiến triển khai thêm nhiều hình thức đánh giá như: criterion-referenced và norm-referenced tests (hình thức trắc nghiệm trắc nghiệm quy chiếu nhóm chuẩn và trắc nghiệm quy chiếu tiêu chí), vấn đáp dành cho ngoại ngữ..... Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Viện ĐTSĐH, Phòng QLKH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 5.2: *Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.*

1. Mô tả:

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của HV gồm phương pháp, tiêu chí đánh giá, quy trình kiểm tra, công nhận tốt nghiệp... đã được Trường quy định và công khai cho HV trên website của trường, sổ tay HV, khung chương trình, đề cương môn học [H2.02.03.01] [H2.02.02.01], [H5.05.01.02]. Qua các lần họp lớp, GVCN đã triển khai các nội dung liên quan đến chương trình học cũng như những quy định về đánh giá kết quả học tập như: thời gian, phương pháp, cơ chế phản hồi, ...được phổ biến cho HV [H5.05.02.01-2], [H4.04.03.02].

Trong buổi học đầu tiên, GV thông báo công khai phương pháp kiểm tra, đánh giá theo qui định thi kết thúc học phần và cách tính điểm các hệ, bậc đào tạo theo tín chỉ của trường rất rõ ràng như sau: (1) đối với điểm quá trình phải có ít nhất 03 điểm đánh giá, GV có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá quá trình khác nhau; (2) Đối với điểm thi kết thúc học phần bắt buộc có trọng số 60% hoặc 70% đối với các học phần chỉ có lý thuyết, 60% hoặc 50% đối với các học phần kết hợp lý thuyết với thực hành. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của điểm đánh giá quá trình, điểm thi kết thúc học phần do khoa/bộ môn đề xuất, được hiệu trưởng phê duyệt trong đề cương chi tiết học phần. Điểm thi được công bố chậm nhất hai tuần sau khi môn thi kết thúc [H2.02.02.01], [H5.05.02.02].

Trong vòng 7 ngày kể từ khi điểm thi kết thúc học phần được công bố trên UIS, HV được nộp đơn phúc khảo bài thi [H5.05.02.03].

Ngoài điểm thi kết thúc học phần, luận văn ThS là hình thức đặc biệt để đánh giá HV cao học. Hiện nay Viện ĐTSĐH có quy trình rõ ràng trong việc thực hiện luận văn ThS [H4.04.02.06].

Trường có đầy đủ các quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, phúc khảo và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được công bố công khai cho HV trước mỗi khóa học. Tuy nhiên, Trường chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá kết quả học tập của HV.

2. Điểm mạnh:

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của HV theo CTĐT là rõ ràng và được thông báo công khai tới HV qua nhiều kênh khác nhau.

3. Điểm tồn tại:

Chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá kết quả học tập của HV.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát quy định, quy trình về đánh giá kết quả học tập của HV và công khai cho HV. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Viện ĐTSĐH, Phòng KT – QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Tăng cường kênh thông tin đến HV và xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận và hiểu thông tin của HV. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Viện ĐTSĐH, Phòng KT – QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả:

Với mục tiêu giúp HV nhận thức đúng đắn về kết quả học tập của bản thân, cũng như tạo điều kiện tối đa cho HV phát huy kỹ năng và kiến thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập được xây dựng đa dạng, đảm bảo có giá trị, công bằng và đáng tin cậy.

Về độ đa dạng, các phương pháp đánh giá được thực hiện tùy theo từng học phần tùy thuộc nội hàm của học phần là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế. Khi đó, phương pháp đánh giá được GV lựa chọn và thực hiện theo đề cương và quy định thi kết thúc học phần. Hình thức kiểm tra đa dạng: điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm thi giữa kỳ, điểm chuyên cần, điểm tiểu luận, điểm thi cuối kỳ [H2.02.02.01], [H5.05.02.02], [H5.05.03.01].

Về độ giá trị, đội ngũ GV đều là các PGS, TS hoặc các chuyên gia đầu ngành tham gia giảng dạy và biên soạn bộ câu hỏi ôn tập cho mỗi môn học do GV phụ trách. Bộ câu hỏi này được gửi về tiểu ban chuyên môn đánh giá để đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương môn học [H5.05.03.05].

Về độ tin cậy và công bằng, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết được bộ môn phê duyệt để đảm bảo tính hiệu lực đánh giá trước khi chuyển về phòng KT-QLCL in ấn. Đồng thời GV phải chấm thi theo hướng dẫn cụ thể trong qui định về thi kết thúc học phần của Trường [H5.05.03.01-2], [H5.05.02.02]. Ngoài ra, để đánh giá kết quả học tập được chính xác, Trường ban hành quy định về xây dựng đề thi, qui trình xây dựng đề thi nhằm đảm bảo đánh giá đúng kiến thức người học với phương pháp phù hợp và cũng để bảo mật đảm bảo công bằng cho người học, sau mỗi kỳ thi, đề thi lại được xem xét mức độ khó để rút kinh nghiệm cho các đợt thi sau [H5.05.02.02], [H5.05.03.03]. Tuy nhiên, việc xây dựng ngân hàng đề thi mới chỉ được thực hiện ở bậc đại học. Trong giai đoạn sắp tới Khoa sẽ triển khai xây dựng ngân hàng đề thi đối với CTĐT ThS TCNH.

Theo kết quả khảo sát, 100% HV đánh giá tốt về việc các phương pháp đánh giá kết quả của HV là khách quan và công bằng. Mọi thông tin về kết quả cũng như các vấn đề về cập nhật kết quả đều được đánh giá tốt [H5.05.03.04].

2. Điểm mạnh:

Công tác đánh giá kết quả học tập thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá khá đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, chính xác, công bằng, đảm bảo độ giá trị. Chưa ghi nhận trường hợp HV khiếu nại, phản nản bằng văn bản chính thức về kiểm tra đánh giá.

3. Điểm tồn tại:

- Chưa đo lường độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá kết quả HV.
- Chưa xây dựng ngân hàng đề thi các học phần cho CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các phương pháp đánh giá kết quả học tập. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Viện ĐTSĐH, Phòng KT – QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.
- **Khắc phục tồn tại:** Tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm để lấy ý kiến về độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá kết quả HV. Chọn các môn học phù hợp để lên kế hoạch

triển khai xây dựng ngân hàng đề thi cho một số môn. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Viện ĐTSĐH, Phòng KT – QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 5.4: *Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.*

1. Mô tả:

Nhằm tạo điều kiện cho người học nhanh chóng biết được kết quả đánh giá kết quả học tập để có kế hoạch điều chỉnh học tập của bản thân, Trường có quy định về thời gian giảng viên chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của người học về kết quả đánh giá. Trường có quy trình đào tạo đào tạo, giúp quản lý chặt chẽ, chính xác kết quả học tập của HV [H5.05.04.01]. Ngoài ra, kết quả học tập của HV được quản lý qua hệ thống UIS, hệ thống quản lý này có độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu, giúp HV dễ dàng tra cứu kết quả học tập chính xác. Mọi thông tin liên quan đến kết quả học tập của HV đều được dễ dàng nắm bắt thông qua người phụ trách lớp học cũng như tại cổng thông tin đào tạo UIS của Trường [H4.04.03.03].

Quy trình chấm thi và thông báo kết quả thi cho HV được thực hiện theo quy định thi kết thúc học phần theo học chế tín chỉ [H5.05.02.02].

HV thực hiện luận văn ThS trong thời gian 6 tháng, nếu trong thời gian đó HV không đáp ứng được tiến độ và nội dung bài luận văn dẫn đến quá hạn. Những HV trễ hạn phải thực hiện gia hạn để kéo dài thời gian làm luận văn, nhằm đạt được yêu cầu chuẩn đầu ra của luận văn và của toàn khóa học. Điểm luận văn tốt nghiệp được công bố sau khi xong buổi bảo vệ [H5.05.01.02].

Theo kết quả từ khảo sát ý kiến HV, 100% đồng ý với việc kết quả học tập được công bố công khai, kịp thời đến HV [H5.05.03.04]. Theo đúng thời gian quy định qua nhiều kênh như trang thông tin điện tử của Trường, Viện ĐTSĐH sẽ công bố điểm thi hoặc người học có thể tra cứu trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo qua tài khoản sử dụng cá nhân được Trường cung cấp [H4.04.03.03].

2. Điểm mạnh:

Kết quả học tập của HV được thông báo kịp thời đến các bên liên quan và công bố công khai theo thời gian qui định, giúp HV có kế hoạch cải thiện kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại:

Trường chưa thường xuyên tổ chức lấy ý kiến của HV về thời gian phản hồi kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục thực hiện và rà soát qui trình công bố kết quả đánh giá đến HV đúng thời hạn. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Phòng KT - QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Định kỳ thực hiện khảo sát lấy ý kiến của HV về thời gian phản hồi kết quả học tập. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: từ năm 2020 theo tần suất 2 lần /năm

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại kết quả học tập.

1. Mô tả:

Đối với thi tuyển sinh, theo quy định của Bộ GDĐT thì thí sinh được phúc khảo sau khi biết kết quả thi, và quyền này của thí sinh được Trường thực hiện nghiêm túc, việc phúc khảo bài thi được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, Viện đào tạo sau ĐH, trong đó quy định rõ về thời gian nộp đơn đề nghị phúc khảo kèm mẫu đơn. Sau khi chấm phúc khảo, kết quả phúc khảo được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường trong thời gian quy định.

Trong quá trình đào tạo, quy trình khiếu nại về kết quả học tập được Trường quy định cụ thể trong quy trình giải quyết công việc của trường [H5.05.05.01]. Quy trình về khiếu nại kết quả học tập được phổ biến trong buổi sinh hoạt đầu khóa và công bố trên website của Viện ĐTSĐH và trong sổ tay HV. Trong quá trình học tập, HV được quyền phúc tra khiếu nại về kết quả học tập của mình:

Đối với điểm quá trình, HV khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy học phần khi công bố điểm quá trình trên lớp.

Đối với điểm thi kết thúc học phần, HV nếu thấy điểm thông báo không chính xác thì HV làm đơn gửi Viện ĐTSĐH [H5.05.02.03] để đề nghị xem xét lại. Viện ĐTSĐH phối hợp với Phòng Khảo thí để xem xét lại. Sau đó phòng Khảo thí sẽ chuyển đơn về Khoa chuyên môn, Khoa chuyển cho Bộ môn để giải quyết cho HV theo quy định.

Đối với thi tuyển sinh đầu vào: nếu thí sinh có thắc mắc về điểm, sẽ làm đơn phúc khảo gửi về đơn vị tuyển sinh trong thời gian quy định được thông báo trên website của viện để thực hiện việc chấm phúc khảo và xem xét về kết quả trúng tuyển

Phòng Khảo thí là đơn vị trong Trường có nhiệm vụ giải quyết các khiếu nại theo quy định thi kết thúc học phần [H5.05.02.02].

Hàng năm ghi nhận không có trường hợp HV khiếu nại về kết quả học tập đã được công bố [H5.05.05.01]

Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ GV, HV cũng như kết quả của báo cáo tổng kết hàng năm cho thấy thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại của HV đơn giản, thuận tiện và HV đã được tiếp cận với các quy định này [H5.05.03.04].

2. Điểm mạnh:

HV dễ dàng tiếp cận với qui trình khiếu nại về kết quả học tập. Từ khi triển khai CTĐT trình độ Ths TCNH đến nay chưa có trường hợp khiếu nại về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại: Chưa có kênh đánh giá sự hài lòng của người học về việc tiếp cận quy trình khiếu nại.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát và phổ biến qui trình khiếu nại kết quả học tập trên website của Trường, Viện ĐTSĐH, Khoa TCNH. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Phòng KT – QLCL, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Khảo sát đánh giá việc tiếp cận quy trình khiếu nại của người học. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Phòng KT – QLCL, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Cuối mỗi khóa học, từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 6/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Việc đánh giá kết quả học tập của HV CTĐT ThS chuyên ngành TCNH được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GDĐT và qui định của Trường, tương đối phù hợp với CĐR, được thông báo rõ ràng và công khai tới HV với các phương pháp đánh giá khá đa dạng, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để HV cải thiện việc học tập.

Tuy nhiên, các phương pháp đánh giá chưa được đa dạng, đồng bộ. Ngân hàng đề thi của từng học phần chưa được chuẩn hóa nên chưa việc đánh giá theo CĐR chưa được chi tiết.

Đánh giá Tiêu chuẩn 5:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn 5		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 5.1					5			5,20	5	100 (5/5)
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5						6				

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên.

Mở đầu:

Việc qui hoạch đội ngũ GV của chương trình ThS trong các năm qua đã đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Trường nói chung và của chương trình sau ĐH nói riêng đã được công nhận đạt tiêu chuẩn thẩm định chất lượng CSGD năm 2017, điều đó cho thấy đội ngũ GV của Trường có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia các loại hoạt động NCKH và xã hội hóa kết quả

nghiên cứu. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu chương trình học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Việc quy hoạch đội ngũ GV cho CTĐT Ths TCNH được thực hiện theo định hướng phát triển của trường nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo. Căn cứ theo chiến lược phát triển giai đoạn 2013-2020 [H4.04.01.01] và thực hiện công tác quy hoạch, Trường đã ban hành các văn bản về hành lang pháp lý; quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Ban, Bộ môn thuộc khoa và tương đương thuộc Trường [H6.06.01.01]. Theo đó, công tác quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ của trường đều được thực hiện theo định hướng phát triển của trường và đáp ứng nhu cầu đào tạo [H6.06.01.02]. Mỗi giai đoạn Trường đều thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch [H6.06.01.03], [H6.06.01.10]. Theo kết quả rà soát tình hình nhân sự và nhu cầu đào tạo, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng. Việc tuyển dụng được thực hiện theo qui trình tuyển dụng viên chức, có tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch [H6.06.01.04]. Dựa theo các yêu cầu về công việc của GV và các kế hoạch của trường, Khoa đã xây dựng đề án vị trí việc làm của Khoa [H6.06.01.05]. GV sau khi tuyển dụng được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc [H6.06.01.06]. Theo đó, số lượng cán bộ, GV được tuyển dụng phục vụ đào tạo cho ngành TCNH trong 5 năm qua đã đáp ứng cả về lượng và chất cho CTĐT [H6.06.01.07].

Bảng 6.1: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu		GV thỉnh giảng trong nước
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	
1	Phó Giáo sư	16	3	6	7
2	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0
3	Tiến sĩ	38	17	16	5
4	Thạc sĩ	141	134	7	0
5	Đại học	4	4	0	0
6	Tổng số	199	158	29	12

Bên cạnh đó, việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội của GV được thực hiện nghiêm túc đúng quy định hiện hành [H6.06.01.08].

Đa số các GV của chương trình đều có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động nghiên cứu tài liệu nước ngoài để phục vụ các hoạt động đào tạo [H6.06.01.07].

Trường có chiến lược ngắn hạn và dài hạn quy hoạch phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn theo quy định [H6.06.01.02].

Công tác quy hoạch thời gian qua hướng đến việc phát triển đội ngũ GV tham gia chương trình ThS TCNH và đáp ứng nhu cầu về NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường có chính sách thu hút và tuyển dụng GV có học vị TS, học hàm PGS về giảng dạy cho chương trình [H6.06.01.09]. Trường khoa luôn quan tâm và tích cực hỗ trợ cho GV bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu giảng dạy của chương trình [H6.06.01.02].

2. Điểm mạnh:

Việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đúng quy trình; phát triển được đội ngũ GV, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trường có chính sách tốt trong việc thu hút đội ngũ GV có trình độ TS, PGS, GS.

3. Điểm tồn tại:

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV còn chưa chú trọng đúng mức về cơ cấu độ tuổi của GV cơ hữu trong phạm vi Chương trình, khoa và Trường dẫn đến nguy cơ hụt hẫng đội ngũ GV có chức danh GS, PGS.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát các chính sách thu hút GV có học vị TS, PGS, ThS nước ngoài. Đơn vị thực hiện: Phòng TC - HC, Khoa TCNH, Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Tuyển dụng GV cơ hữu yêu cầu về độ tuổi dưới 45 đối với HV vị TS, dưới 50 đối với người có chức danh GS, PGS để đảm bảo sử dụng lâu dài. Đơn vị thực hiện: Phòng TC - HC, Khoa TCNH, Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Do đặc thù về đào tạo của chương trình SDH, 100% GV trực tiếp tham gia giảng dạy sau khi tuyển sinh đều phải có trình độ học vị từ TS trở lên.

Để đo lường và đánh giá khối lượng công việc của GV nhằm xác định số lượng GV cần thiết đáp ứng nhu cầu của CTĐT, Khoa TCNH đã sử dụng chỉ số quy đổi thời gian toàn phần (Full-time Equivalent -FTE) và tỷ lệ GV/HV. Đối với chỉ số FTE cho GV, được tính dựa trên lượng thời gian đầu tư cho chương trình. 1 FTE tương đương với 40 giờ làm việc một tuần, 44 tuần/năm theo qui định tại quy chế làm việc của GV (tương đương với làm việc toàn thời gian). GV thỉnh giảng trung bình làm việc một nửa thời gian so với GV toàn thời gian tương đương 0,5 FTE (xem bảng 6.2a).

Bảng 6.2a: Số lượng GV của Chương trình TCNH trong 5 năm gần đây

<i>Hạng mục</i>	<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Tổng số</i>		<i>% có bằng TS</i>
			<i>Số lượng</i>	<i>FTEs</i>	
Giáo sư	0	0	0	0	
Phó giáo sư	2	1	3	3	100%
GV toàn thời gian	8	9	17	17	100%
GV không toàn thời gian	14	8	22	11	100%
Giáo sư/GV thỉnh giảng	7	5	12	6	100%
Tổng số	31	23	54	37	100%

Để tính FTE của người học, chương trình dựa trên lượng thời gian đầu tư cho việc học. Do đặc thù của CTĐT ThS chủ yếu là các đối tượng vừa làm vừa học. Vì vậy, giờ học của HV là bán thời gian. 1 FTE tương đương 20 giờ học/tuần thì FTE của một HV bán thời gian có chương trình học 10 giờ/tuần sẽ là 0.5 (xem bảng 6.2b).

Bảng 6.2b: Tỷ lệ GV/HV của chương trình 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng HV	Tổng số FTEs của GV	Tổng số FTEs của HV	Tỷ lệ GV/HV
2014	361	37	180,5	0,20
2015	146	37	73	0,51
2016	165	37	82,5	0,45
2017	104	37	52	0,71
2018	155	37	77,5	0,48

Quy đổi về thời gian toàn phần của GV thì tổng FTE đạt mức 37 thể hiện qua bảng 6.1. Căn cứ vào số lượng HV nhập học hàng năm, số FTE của HV trung bình qua các

năm được thể hiện qua bảng 6.2. Trên cơ sở số liệu của bảng 6.1 và 6.2 thì tỷ lệ GV/HV của chương trình ThS chuyên ngành TCNH có khuynh hướng ổn định trong 3 năm gần đây.

Để đánh giá khối lượng và chất lượng công việc của GV, trường đã ban hành quy định về chế độ làm việc của GV để đánh giá khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường được [H6.06.02.01]. Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới thông qua Bản tự nhận xét, đánh giá của viên chức. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình từ cấp Bộ môn, Khoa và Trường [H6.06.02.02]. Việc làm thường niên này không chỉ giúp từng GV TĐG được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ; mà còn giúp các cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của GV trong Chương trình, từ đó có những định hướng điều chỉnh phù hợp [H6.06.02.03], [H6.06.02.04]. Bên cạnh những công tác chuyên môn trong trường, công tác NCKH cũng được trường quan tâm đội ngũ GV cũng đã tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn khác để phục vụ cộng đồng [H6.06.02.05]. Để tăng sự kết nối giao lưu, hàng năm chương trình cũng mời thêm GV là những nhà khoa học đầu ngành, có uy tín và kinh nghiệm chuyên môn từ các cơ quan nghiên cứu đến giảng dạy. Số giờ giảng do GV mời ngoài đảm nhiệm chiếm khoảng 5% số học phần của chương trình [H6.06.02.06].

2. Điểm mạnh:

Khối lượng công việc của GV đều được đo lường, giám sát cụ thể qua việc phân công nhiệm vụ, theo dõi việc thực hiện và được đánh giá kết quả thực hiện vào cuối năm công tác.

3. Điểm tồn tại:

Việc đo lường các nhiệm vụ chuyên môn khác đối với GV (ngoài giờ giảng, giờ NCKH) còn mang tính định tính, chưa có những tiêu chí cụ thể.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Có kế hoạch phát triển, chính sách thu hút GV trong giai đoạn 2019-2023 để tăng tỷ lệ GV/HV. Đơn vị thực hiện: Phòng TC - HC, Phòng QLKH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác của GV. Đơn vị thực hiện: Phòng TC - HC, Phòng QLKH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả:

Trường có các tiêu chí tuyển dụng GV được xác định rõ ràng, phù hợp. Đồng thời việc lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó chú trọng các tiêu chí trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, thâm niên giảng dạy, NCKH, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH. Các tiêu chí này được Hội đồng tuyển dụng thảo luận thống nhất trong toàn trường. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV gồm: 1- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; 2- Có bằng TS đúng chuyên ngành trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV giảng dạy ĐH. 3- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5- Lý lịch bản thân, lý lịch khoa học rõ ràng [H6.06.03.01], [H6.06.03.05].

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, được phổ biến công khai trên Trang thông tin điện tử của Trường và khoa; gửi Thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí khi có các đợt tuyển dụng tập trung. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước [H6.06.03.02], [H6.06.03.04].

Để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan và có sự đồng thuận tập thể [H6.06.03.05]. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Kết quả tuyển dụng (tuyển chọn) được công bố công khai. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở Bộ môn và tiến hành giảng thử tại

Bộ môn rồi mới được lên lớp chính thức. Trong 1 năm tập sự, khoa sẽ cử 1 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự [H6.06.03.03].

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của Chương trình được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H6.06.01.10].

2. Điểm mạnh:

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định một cách rõ ràng và được phổ biến công khai. Các GV được tuyển dụng, lựa chọn đều đáp ứng các tiêu chí của Trường.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù, các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển ở các đợt tuyển dụng của Trường vẫn còn hạn chế.

Tiêu chí tuyển chọn GV tham gia chương trình cao (chỉ tuyển người đã có trình độ TS) và cụ thể đối với từng chuyên ngành, do đó việc tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được đào tạo thường gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục công khai các thông tin và tiêu chí tuyển dụng GV trên các phương tiện truyền thông. Đơn vị thực hiện: Phòng TC - HC, Khoa chuyên môn. Thời gian thực hiện: Hàng năm.

- **Khắc phục tồn tại:** Có chính sách thu hút mạnh hơn nữa như thường nóng cho các GS, PGS, TS muốn về công tác tại trường. Khoa/Phòng TCHC cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của Chương trình. Đơn vị thực hiện: Phòng TC - HC, Phòng QLKH, Khoa chuyên môn. Thời gian thực hiện từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả:

GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Chương trình, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt.

Mặc dù, ứng viên được tuyển làm GV của Trường ĐHTCM nói chung đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và nghiệp vụ sư phạm, nhưng sau khi trúng tuyển, họ đều được cử đi bồi dưỡng các khóa học nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng do Trường tổ chức [H6.06.04.01]. Đội ngũ GV cũng rất tích cực tham gia nghiên cứu chương trình học và có nhiều công trình khoa học có chất lượng [H4.04.02.02], [H6.06.04.02]. Như vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Phòng KT-QLCL và Viện ĐTSĐH có lấy ý kiến phản hồi của HV về môn học thông qua phiếu đánh giá khuyết danh, kết quả đánh giá của HV đều cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của HV. Điểm đánh giá, phản hồi của HV đều được HV đánh giá cao hoạt động giảng dạy của GV [H4.04.02.03], [H6.06.04.03], tuy nhiên hoạt động khảo sát đánh giá về GV chưa được thực hiện thường xuyên.

Trường có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của GV, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV [H6.06.04.04]. Bên cạnh đó, trường ban hành các văn bản hướng dẫn đánh giá năng lực của GV như phương thức, quy trình đánh giá được lãnh đạo các cấp thảo luận thống nhất [H6.06.04.05]. Trên cơ sở đó, vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học. Việc TĐG căn cứ theo chức năng nhiệm vụ theo chức danh và nhiệm vụ cụ thể được giao theo trình tự từ cấp Bộ môn, Khoa và Trường. Công tác đánh giá, phân loại và bình xét thi đua hàng năm giúp các cá nhân TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, giúp cho các cấp quản lý ghi nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV và nắm bắt tình hình về giảng dạy, nghiên cứu của GV đối với chương trình, từ đó có định hướng điều chỉnh cho phù hợp [H6.06.04.06].

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh:

Năng lực của đội ngũ GV tham gia chương trình ThS chuyên ngành TCNH được xác định và đánh giá theo qui định. Kết quả đánh giá về giảng dạy, NCKH và phục vụ cho cộng đồng của GV đều ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm tồn tại:

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV tham gia chương trình ThS chuyên ngành TCNH thông qua kênh khảo sát hoạt động giảng dạy chưa thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn năng lực GV để làm cơ sở cho quá trình đánh giá kết quả công việc. Đơn vị thực hiện: Phòng TC – HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Thực hiện khảo sát HV về hoạt động giảng dạy của GV thường xuyên hơn. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Phòng KT - QLCL. Thời gian thực hiện: Kết thúc mỗi học phần.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả:

Kế hoạch đào tạo phát triển đội ngũ GV của Khoa được xây dựng dựa trên quy hoạch cán bộ và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm của Trường [H6.06.01.02]. Căn cứ kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ của Trường, dựa trên việc đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ GV, khoa đã xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí cán bộ theo từng năm học và theo giai đoạn [H6.06.01.05], [H06.06.05.01].

Dựa trên nhu cầu đào tạo GV và kế hoạch của Trường, Khoa phối hợp với Trường cử cán bộ GV tham gia các khóa học ngắn hạn, dài hạn. Để phát triển đội ngũ đạt chuẩn học vị, căn cứ theo nhu cầu của CTĐT và năng lực của GV, Trường và Khoa luôn tạo điều kiện hỗ trợ GV tham gia các khóa học tập dài hạn nhằm nâng cao trình độ [H6.06.04.01], [H06.06.05.01-2], [H06.06.05.04]. Theo đó, các chính sách tạo động lực cho người học được xây dựng và triển khai như giảm 50% giờ đối với GV là NCS;

Trường hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo trong thời gian làm NCS. NCS được thưởng bằng hiện kim nếu hoàn thành khóa học đúng hạn [H6.06.01.09]. Bên cạnh đó, Trường và Khoa luôn công khai thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển [H06.06.05.05]. Những chính sách đó đã khuyến khích các GV của Khoa tích cực học tập nâng cao trình độ. Tình hình nghiên cứu học tập của các NCS đang đảm bảo đúng tiến độ, dự kiến trong vòng 5 năm tới, Khoa sẽ có thêm nhiều GV có học vị TS. Bên cạnh đó, nhằm phát triển đội ngũ GV một cách toàn diện, ngoài việc chú trọng phát triển năng lực chuyên môn, Trường và Khoa còn chú trọng đến việc bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, năng lực nghiên cứu cho GV. Theo đó, các hoạt động đào tạo ngắn hạn đã được Trường triển khai và thu hút sự tham gia đông đảo đội ngũ GV của Khoa tham gia như: bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, các khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy [H6.06.05.03]. Ngoài các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Trường tổ chức, về cơ bản, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Khoa chủ yếu là tự đào tạo thông qua hình thức tọa đàm, hội thảo, phát triển kỹ năng giảng dạy [H06.06.05.06]. Tất cả các GV đều tích cực tham gia các hoạt động đào tạo của Trường. Ý kiến phản hồi của GV về công tác đào tạo của Trường khá tích cực, điều này cho thấy công tác đào tạo của Trường đã có những bước tiến đáng kể [H6.06.05.02].

2. Điểm mạnh:

Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú. Trường, Khoa có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các chương trình TS và các khóa đào tạo ngắn hạn.

Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho GV nhanh chóng, hiệu quả. Đội ngũ tập huấn viên là những người trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực đảm nhiệm, nhiều CTĐT, bồi dưỡng có sự tham gia giảng dạy của GV nước ngoài.

3. Điểm tồn tại:

Việc đào tạo, bồi dưỡng GV ở nước ngoài còn hạn chế. Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ theo hình thức tập trung chưa đáp ứng tốt yêu cầu của GV.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục duy trì các chính sách, cơ chế hỗ trợ để khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ. Đơn vị thực hiện: Phòng TC - HC, Khoa TCNH. Thời

gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học. Đẩy mạnh đưa GV đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài. Thay đổi hình thức tổ chức bồi dưỡng về ngoại ngữ theo nhu cầu riêng của từng GV. Đơn vị thực hiện: Phòng TC - HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Với từng chức danh công việc, Trường có qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy [H6.06.04.04], [H6.06.04.05]. Hàng năm, khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo Hướng dẫn của Trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.04.06], [H6.06.06.01-2].

Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác luôn nhận được công nhận danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua; được đề nghị khen thưởng Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ,... Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, đột xuất xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn hoặc bổ nhiệm vào vị trí quản lý chuyên môn hoặc hành chính. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho GV sẽ tạo động lực cho GV phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu [H6.06.04.06].

Hàng năm, khoa tiến hành việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cá nhân. Hoạt động này đã giúp GV của khoa nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của khoa và Trường [H6.06.04.05]. Ngoài ra, căn cứ trên kết quả bình xét thi đua – khen thưởng hàng năm, Lãnh đạo khoa, Trường

sẽ tổ chức họp bình xét đánh giá kết quả xếp loại lao động đối với GV. Kết quả xếp loại lao động của GV sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho GV. Thu nhập tăng thêm hàng năm sẽ động viên, khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm. Kết quả bình xét thi đua thực hiện theo tiêu chí được hướng dẫn chung trong toàn trường. Tuy nhiên việc góp ý về cách thức đánh giá các tiêu chí này chưa được thực hiện thường xuyên.

Trường có quy định rất cụ thể về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của các GV theo chức danh [H6.06.04.04]. Trong 1 năm công tác, ngoài việc GV phải giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV còn phải có 1 công trình NCKH. Trên cơ sở đó, Trường có quy định khen thưởng đối với các công trình công bố bằng tiếng nước ngoài đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao như ISI, Scopus [H6.06.06.02]. Trong năm học 2017-2018, nhiều GV được khen thưởng về số bài báo công bố quốc tế [H6.06.06.03], [H6.06.06.04].

2. Điểm mạnh:

Phần lớn GV tham gia giảng dạy chương trình ThS chuyên ngành TCNH đều vượt định mức qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy).

Nhiều GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, được khen thưởng bậc cao, được xem xét để nâng bậc lương trước thời hạn.

3. Điểm tồn tại:

Việc khảo sát ý kiến của GV về các qui trình quản trị cũng như tiêu chí đánh giá kết quả công việc chưa thường xuyên.

Việc quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản có uy tín giữa các GV trong chương trình chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đơn vị thực hiện: Phòng TC - HC, Phòng QLKH. Thời gian thực hiện: 2019-2023.

- **Khắc phục tồn tại:** Thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ GV về qui trình và tiêu

chí đánh giá kết quả công việc, thi đua khen thưởng. Dự thảo về cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công trình nghiên cứu giữa các tổ bộ môn và các GV của khoa. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Phòng TC - HC, Phòng QLKH. Thời gian thực hiện: Hàng năm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

NCKH là hoạt động đóng vai trò quan trọng đối với đội ngũ GV trong toàn trường nói chung và của Khoa TCNH nói riêng. Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được Trường quy định rõ (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV NCKH) đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định, phù hợp với nhiệm vụ khoa học công nghệ của Trường. Kết thúc năm công tác, khoa và Trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV [H6.06.02.02], [H6.06.07.01].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được thông qua bởi một Hội đồng nghiệm thu với các thành viên là những người am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của GV. Các ấn phẩm khoa học của GV được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng. Từ năm 2015 đến nay, mỗi năm khoa đều có bài báo khoa học của GV đăng trên tạp chí uy tín [H4.04.02.02].

Mặc khác, CTĐT ThS là chương trình mang tính khoa học và ứng dụng cao, do đó GV tham gia Chương trình ThS bên cạnh các bài báo khoa học GV còn thực hiện các đề tài NCKH cấp cơ sở và cấp quốc gia, cấp bộ hoặc cấp tỉnh [H6.06.07.02].

Số lượng GV tham gia đề tài NCKH các cấp, tham gia viết sách của Trường ngày càng tăng. Đây là cơ sở cho việc nâng cao chất lượng bài giảng và định hướng nghiên cứu cho các HV khi thực hiện các luận văn ThS [H6.06.07.03].

Tuy nhiên, trong giai đoạn này, Khoa cũng nhận định rằng, GV chưa có nhiều đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường

và ngoài trường còn chưa phong phú, số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo và tạp chí quốc tế còn chưa nhiều.

2. Điểm mạnh:

Tất cả GV của chương trình luôn vượt định mức số giờ NCKH hàng năm do Trường đề ra. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp nhà nước, xuất bản các bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, xuất bản sách chuyên khảo. Các bài báo của đội ngũ GV được đăng tải trong các tạp chí chuyên ngành, hội thảo trong nước và quốc tế (trong đó có các tạp chí có chỉ số ISSN và Scopus), ...

3. Điểm tồn tại:

Chưa có nhiều đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH.

Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục duy trì chế độ khen thưởng GV vượt giờ NCKH, GV có bài báo quốc tế. Đơn vị thực hiện: Phòng QLKH, Phòng KHTC, Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: từ năm 2020-2023.

- **Khắc phục tồn tại:** Tham gia đấu thầu đề tài NCKH cấp nhà nước. Hội đồng khoa ưu tiên đề xuất với Trường những công trình nghiên cứu có tính liên ngành và ứng dụng của GV. Có hình thức khen thưởng (ưu tiên đề xuất với Trường tăng lương trước thời hạn) đối với các GV có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí, các nhà xuất bản có uy tín để tạo động lực hơn nữa cho các GV. Thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH của GV. Đơn vị thực hiện: Phòng QLKH, Phòng TC-HC, Khoa chuyên môn. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Đội ngũ GV của CTĐT trình độ ThS chuyên ngành TCNH có trình độ chuyên môn cao, có năng lực ngoại ngữ khá, do vậy, công tác giảng dạy và NCKH của khoa đã đạt

được nhiều tiến bộ. Đội ngũ GV của Khoa TCNH hoàn thành vượt mức số giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao. Trong NCKH, đội ngũ GV của khoa đã chủ nhiệm và nghiệm thu thành công nhiều đề tài NCKH cá, đăng tải nhiều bài báo khoa học trên tạp chí trong và ngoài nước, nhiều GV được khen thưởng về thành tích NCKH. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của khoa và Trường được qui định rõ ràng đáp ứng nhu cầu đào tạo. Tuy nhiên, GV của chương trình chưa có nhiều đề tài NCKH cấp nhà nước.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 6:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 6		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 6.1				4				4,14	7	100 (7/7)
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.

Mở đầu:

Đội ngũ nhân viên của trường được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên của trường có tinh thần phục vụ cao, có năng lực chuyên môn và luôn sẵn sàng tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Trường

DHTCM luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trường đã thực hiện tốt kế hoạch tuyển dụng cán bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều cán bộ nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ hỗ trợ của trường đáp ứng được các yêu cầu về phẩm chất, đạo đức và năng lực công tác. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong trường học, tạo được môi trường lành mạnh nên cán bộ nhân viên hỗ trợ yên tâm công tác và cống hiến. Các hoạt động hỗ trợ hiệu quả sẽ dẫn đến hoạt động trong trường học thông suốt, kết quả học tập và giảng dạy sẽ tốt hơn.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ) được thực hiện, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng máy, bộ phận phụ trách CNTT và các bộ phận hỗ trợ khác được Trường thực hiện đáp ứng nhu cầu đào tạo cho CTĐT Ths TCNH. Cụ thể như sau:

Thư viện Trường có đội ngũ cán bộ gồm 12 người. Đội ngũ nhân viên thư viện có trình độ chuyên môn cao luôn được tập huấn và bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ [H7.07.01.01]. Hàng năm, theo quy định của Trường, Thư viện đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc về khả năng phục vụ bạn đọc để kịp thời có sự điều chỉnh, đáp ứng tốt yêu cầu của bạn đọc [H7.07.01.02]. Tại phòng tư liệu phục vụ việc học tập, NCKH bậc ThS và TS hiện có 1 nhân viên phụ trách phòng đọc sách dành cho HV của viện làm việc theo thời gian biểu được thông báo công khai [H7.07.01.03].

Về hệ thống CNTT, bộ phận phụ trách hệ thống CNTT của trường là Trung tâm Thông tin - Quản lý dữ liệu. Nhân viên thuộc đơn vị này hỗ trợ tích cực cho HV trong học môn Tin học và trong quá trình học tập, nghiên cứu, khai thác tài liệu. Đội ngũ cán bộ làm việc ở các bộ phận này được sắp xếp hợp lý, có khả năng và năng lực chuyên môn cao [H7.07.01.04]. Trung tâm Thông tin - Quản lý dữ liệu có 09 chuyên viên chuyên trách (08 cử nhân và 01 ThS) phụ trách tất cả các phòng máy của Trường. Nhiệm vụ của các chuyên viên là trực ở phòng máy và bảo quản máy trong giờ hành chính và giờ thực hành tin học [H7.07.01.04-5].

Trong công tác quản lý và hỗ trợ HV, phòng Công tác HV, phòng Quản lý đào tạo, các bộ phận dịch vụ hỗ trợ HV được bố trí đủ số lượng cán bộ, đáp ứng được những yêu cầu về năng lực và phẩm chất công tác trong các hoạt động hỗ trợ HV trong học tập và nghiên cứu. Bên cạnh đó, đơn vị quản lý hoạt động đào tạo của chương trình SDH được giao cho Viện ĐTSĐH, có 07 cán bộ hỗ trợ bao gồm: 03 Lãnh đạo có trình độ TS và 04 chuyên viên có trình độ ThS. Viện ĐTSĐH là đầu mối, phối hợp với các đơn vị thuộc trường thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Trường [H7.07.01.06]

Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ của Viện ĐTSĐH, của Thư viện và Trung tâm Thông tin - Quản lý dữ liệu, luôn hoàn thành tốt việc hỗ trợ học tập và nghiên cứu của HV trong quá trình học tập [H6.06.02.02], [H7.07.01.07]. Thông qua các kết quả khảo sát về nhu cầu đào tạo, mức độ hài lòng của đội ngũ GV-VC [H06.06.05.02], kết hợp với công tác quy hoạch, rà soát [H6.06.01.10] cán bộ, từ đó Trường phân tích, đánh giá nhu cầu về đội ngũ để có các kế hoạch tuyển dụng nhân sự hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng [H6.06.01.04].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ cán bộ thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ HV đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT ThS.

3. Điểm tồn tại:

Chưa thường xuyên khảo sát phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục cử các chuyên viên, kỹ thuật viên, NV tham gia các khóa tập huấn để tăng cường nghiệp vụ chuyên môn. Đơn vị thực hiện: Thư viện, TTTT-QLDL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020

- **Khắc phục tồn tại:** Định kỳ khảo sát HV, GV về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên. Đơn vị thực hiện: P.Khảo thí - QLCL, Viện ĐTSĐH, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: từ 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng và phổ biến công khai.

1. Mô tả:

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.03.01-2]. Căn cứ đề nghị tuyển dụng của Viện trưởng, Trưởng đơn vị, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng đội ngũ nhân viên của Viện và các đơn vị phục vụ đào tạo. Các chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H6.06.03.02]. Để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Các tiêu chí tuyển dụng quan trọng gồm trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức và trình độ, kỹ năng sử dụng tin học của ứng viên [H6.06.03.02], [H6.06.03.05].

Trường, Viện và các đơn vị luôn tuân thủ chặt chẽ các qui định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên viên (chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp, chuyên gia) [H6.06.03.01].

2. Điểm mạnh:

Trường có xây dựng các tiêu chí tuyển chọn nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thực hành máy tính. Các tiêu chí là rõ ràng và được công khai để tuyển chọn.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Có kế hoạch về cơ cấu độ tuổi cho đội ngũ nhân viên trong đề án nhân sự cho giai đoạn tiếp theo của trường. Đơn vị thực hiện: Phòng TC - HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- ***Khắc phục tồn tại:*** Đa dạng hơn các hình thức thông báo tuyển dụng để các ứng viên có thể tiếp cận được thông tin tuyển dụng nhiều hơn. Đơn vị thực hiện: Phòng TC - HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả:

Bên cạnh đội ngũ GV, đơn vị được giao quản lý hoạt động đào tạo SDH đó là Viện ĐTSĐH. Viện ĐTSĐH có 07 cán bộ hỗ trợ bao gồm: 03 Lãnh đạo có trình độ TS và 04 chuyên viên có trình độ ThS.

Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ của Viện ĐTSĐH làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà nước và thực hiện trực ngoài giờ 5 ngày trong tuần [H7.07.03.01]. Hiện tại, bên cạnh đội ngũ hỗ trợ khá lớn từ các đơn vị có liên quan trong Trường như; giáo vụ các khoa TCNH, Thuế-HQ, KT-KT, Ngoại ngữ.... các phòng ban; Phòng Khảo thí-QLCL, Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng Quản trị thiết bị, Trung tâm tin học - ngoại ngữ, Trung tâm thông tin – Quản lý dữ liệu, Thư viện. Lãnh đạo trường luôn đề cao vai trò của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Để đánh giá năng lực của đội ngũ NV, các đơn vị đều triển khai thực hiện đồng bộ quy trình đánh giá do Trường quy định [H07.07.03.02]. Theo đó, căn cứ vào yêu cầu công việc, mỗi cán bộ NV các phòng ban thực hiện đăng ký kế hoạch thi đua hàng năm [H07.07.03.03]. Vào cuối mỗi năm học, các NV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H07.07.03.04]. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức năng nhiệm vụ theo chức danh, nhiệm vụ được giao. Sau đó, lãnh đạo đơn vị thực hiện đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Kết quả đánh giá phản ánh rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ hỗ trợ [H06.06.04.06]. Như vậy, năng lực của đội ngũ NV đều được đánh giá theo đúng quy trình thủ tục. Hàng năm, các quy định, quy trình đánh giá năng lực NV đều được cải tiến dựa trên những ý kiến đóng góp của cán bộ NV [H7.07.03.05].

Những đóng góp của đội ngũ nhân viên luôn được lãnh đạo quan tâm ghi nhận và giải quyết thấu đáo. Kết quả bình xét đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ nhân viên hàng năm đều đạt nhiều danh hiệu Lao động tiên tiến. Trong đó có cán bộ, nhân viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, được nâng lương trước hạn.

Sự khen thưởng này là những ghi nhận của Trường đối với đóng góp của đội ngũ hỗ trợ [H06.06.04.06], [H07.07.03.06].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với khoa và Trường.

Quy trình đánh giá khách quan, tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm phản ánh đúng chất lượng, năng lực của đội ngũ.

3. Điểm tồn tại:

Chưa thực hiện thường xuyên việc khảo sát HV về mức độ đáp ứng của HV đối với đội ngũ nhân viên phục vụ hoạt động ĐTSĐH.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Có chế độ khen thưởng như xét nâng lương trước hạn, khen thưởng các sáng kiến, cải tiến của nhân viên phòng ban để khuyến khích tạo sự gắn bó lâu dài với Trường. Đơn vị thực hiện: Phòng TC - HC, Các phòng ban. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Lấy ý kiến đánh giá của HV về thái độ, năng lực làm việc của đội ngũ nhân viên. Đơn vị thực hiện: Phòng TC - HC, Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Bắt đầu năm 2019 và duy trì hàng năm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả:

Trường luôn chú trọng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV hỗ trợ [H6.06.05.04]. Theo đó, Trường tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên, kết quả khảo sát sẽ giúp lãnh đạo nắm được tâm tư nguyện vọng của viên chức và có kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ này [H6.06.05.02]. Căn cứ vào yêu cầu công việc và nhu cầu đào tạo của đội ngũ NV, các đơn vị sẽ xác định nhu cầu đào tạo chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ NV, làm cơ sở để Trường xây dựng các kế hoạch đào tạo cụ thể [H06.06.01.02]. Các kế hoạch tổ chức đào tạo, tập huấn công tác nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ như các khóa học

ứng dụng tin học vào hoạt động quản lý thư viện, hội thảo về Thư viện, sử dụng bộ office 365 được triển khai theo đúng tiến độ, đáp ứng được nhu cầu đào tạo đội ngũ NV [H6.06.01.02], [H6.06.05.01]. Các khóa học đáp ứng yêu cầu thực tiễn nên đã thu hút đông đảo cán bộ NV nhiệt tình tham gia [H7.07.04.01].

Để tạo điều kiện cho đội ngũ NV học tập nâng cao trình độ, Trường luôn tạo điều kiện hỗ trợ NV tham gia các khóa học tập dài hạn. Theo đó, các chính sách tạo động lực cho người học được xây dựng và triển khai [H6.06.01.02], [H6.06.05.04]. Kết quả cho thấy đội ngũ NV tích cực tham gia các khóa đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H06.06.05.03].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường nói chung và đội ngũ phục vụ của Chương trình ThS nói riêng luôn có nhu cầu được đào tạo và phát triển về chuyên môn, nghiệp vụ. Để đáp ứng nhu cầu đó của các nhân viên, hàng năm Trường luôn xác định cụ thể các nội dung cần bồi dưỡng cho nhân viên và có phân bổ ngân sách đào tạo [H6.06.05.01-4], [H7.07.04.02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Trường và Viện luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Mặc dù, số lượng cán bộ hỗ trợ của Viện còn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho HV.

3. Điểm tồn tại:

Các hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa hấp dẫn và thỏa mãn nhu cầu của các cán bộ.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Khuyến khích các nhân viên phòng ban tham gia các khóa tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn. Giao các phòng chủ động đề xuất các lớp học, khóa tập huấn có liên quan đến nghiệp vụ của đơn vị. Đơn vị thực hiện: Phòng TC - HC, Các phòng ban chức năng. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020 và duy trì hàng năm.

- **Khắc phục tồn tại:** Khảo sát nhu cầu đào tạo của đội ngũ nhân viên và có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ hỗ trợ. Tổ chức các khóa, lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên theo nhu cầu.

Đơn vị thực hiện: Phòng TC - HC, Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Bắt đầu năm 2019 và duy trì hàng năm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Lãnh đạo Trường luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của NV hỗ trợ nhằm tạo động lực cho NV trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Theo đó, Trường xây dựng hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, các quy định về khen thưởng và công nhận thành tích [H6.06.04.06], [H7.07.03.02], [H7.07.05.01]. Các tiêu chuẩn đánh giá, quy trình đánh giá kết quả công việc đều được xây dựng dựa trên ý kiến đóng góp của NV [H7.07.03.05].

Hàng năm, căn cứ vào quy định của Trường về khối lượng công việc, mỗi NV hỗ trợ đều xây dựng kế hoạch công tác, đăng ký danh hiệu thi đua [H07.07.03.03]. Đây là cơ sở quan trọng cho quá trình phân công công việc và đánh giá kết quả công việc. Việc bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm đều được triển khai theo đúng quy trình, NV được tự đánh giá thông qua phiếu đánh giá và tổ chức họp xét công khai, từng NV nhận xét đồng nghiệp mình và bình bầu phiếu kín. Căn cứ vào phiếu bầu và đánh giá công khai, chọn ra những NV tiêu biểu đề nghị khen thưởng [H6.06.04.06], [H7.07.03.04], [H7.07.03.06]. Những NV hỗ trợ hoàn thành công việc được giao luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên, Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen của Hiệu trưởng, Chiến sỹ thi đua ngành tài chính, Chiến sỹ thi đua toàn quốc [H6.06.04.06]. Với tiêu chí đánh giá rõ ràng, quy trình đánh giá khách quan, đội ngũ NV đều rất tích cực hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên, hệ thống tiêu chí đánh giá định lượng chất lượng công việc chưa hoàn thiện, Trường chưa tiến hành khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của nhân viên về các tiêu chí bình xét thi đua khen thưởng.

2. Điểm mạnh:

Có tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rõ ràng, triển khai đồng bộ công tác đánh giá kết quả công việc của NV, kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ NV thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại:

Hệ thống tiêu chí đánh giá định lượng chất lượng công việc chưa hoàn thiện, chưa tiến hành khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của nhân viên về thi đua khen thưởng và được công nhận.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Hoàn thiện chính sách quản trị nguồn nhân lực chú trọng khâu đánh giá kết quả thực hiện bằng cách xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể để ĐGCL công việc và theo dõi, giám sát thực hiện. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC, các đơn vị thuộc Trường. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Hoàn thiện bộ tiêu chí định lượng để ĐGCL công việc theo chỉ số KPI. Khảo sát sự hài lòng của NV về công tác đánh giá NV. Xây dựng đề án vị trí việc làm. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC, các đơn vị thuộc Trường. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Trường có đội ngũ cán bộ hỗ trợ đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện một cách công bằng, có tác dụng kích thích, động viên lớn.

Bên cạnh đó vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục như: tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên chưa được lượng hóa cụ thể, cơ bản vẫn còn định tính.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 7:

Tiêu chí	Thang đánh giá		Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 7		
	Chưa đạt	Đạt			

	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 7.1				4				4,40	5	100 (5/5)
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5					5					

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.

Mở đầu:

Trường ĐHTCM đã xác định mỗi HV là trung tâm của ĐTSĐH vì vậy Trường đã xây dựng được qui trình và phân công trách nhiệm hỗ trợ HV trong quá trình học tập ngay từ giai đoạn tuyển sinh và trong suốt quá trình đào tạo. Chính sách tuyển sinh của Trường là rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, công bố công khai và có điều chỉnh, cập nhật; đồng thời các tiêu chí tuyển sinh, xác định các đối tượng ưu tiên... được rà soát hàng năm trên cơ sở ý kiến phản hồi của HV và nhà tuyển dụng. Để kiểm tra và hỗ trợ HV, Trường đã xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá tiến độ của HV cao học cả về khối lượng lẫn chất lượng học tập; các hoạt động tư vấn, ngoại khóa và các hoạt động hỗ trợ khác cho HV đã được triển khai. Ngoài ra, môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường đã tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân HV.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả:

Trường có chính sách tuyển sinh dành cho CTĐT SDH rõ ràng, đầy đủ, chi tiết. Căn cứ vào các quy chế đào tạo ThS của Bộ GD&ĐT và Trường, hàng năm, Trường đều xây dựng các kế hoạch và Thông báo tuyển sinh. Trong kế hoạch tuyển sinh và thông báo

tuyển sinh mỗi năm đều có đầy đủ các nội dung về đối tượng thi tuyển (chỉ xét tuyển trong trường hợp người nước ngoài đăng ký học trình độ ThS), đối tượng ưu tiên (theo quy định của Bộ GDĐT), môn thi tuyển [H8.08.01.01], [H8.08.01.02].

Chính sách tuyển sinh của trường được công bố công khai đến các đối tượng người học có nhu cầu. Các quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào, đối tượng thi tuyển, xét tuyển, đối tượng ưu tiên được thể hiện rõ trên các thông báo tuyển sinh và được gửi đến các cơ quan, tổ chức có liên quan như Thuế, Kho bạc Nhà nước, Hải quan, các tổ chức tài chính, các DN... được công bố công khai trên website của Viện ĐTSĐH [H8.08.01.03].

Chính sách tuyển sinh được Trường cập nhật hàng năm. Trường đã rà soát và cập nhật các chính sách tuyển sinh theo đúng quy định hiện hành, có sự góp ý của các bên liên quan. Thông qua báo cáo tổng hợp nhu cầu nhân lực, báo cáo khảo sát nguồn nhân lực cũng như các buổi họp với DN để làm cơ sở xây dựng chính sách tuyển sinh [H8.08.01.04], [H1.01.01.06].

2. Điểm mạnh:

Chính sách tuyển sinh thực hiện đúng quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Chính sách tuyển sinh cũng được xác định rõ ràng, công bố công khai giúp cho việc chiêu sinh của Trường thuận lợi; đối tượng tuyển sinh được tiếp cận thông tin tuyển sinh dễ dàng và đầy đủ.

3. Điểm tồn tại:

Thông tin về nhu cầu nhân lực của xã hội phục vụ cho việc xây dựng chính sách tuyển sinh, chủ yếu dựa trên nguồn dữ liệu thứ cấp từ các kênh như báo chí và các đơn vị ban ngành vì vậy thông tin này vẫn chưa đáp ứng đầy đủ cho việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Xây dựng Đề án tuyển sinh hàng năm. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách tuyển sinh, cập nhật và chủ động công bố thông tin và hình ảnh trên website của trường, của khoa, thực hiện tuyển sinh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020 trước khi lập Kế hoạch tuyển sinh hàng năm.

- **Khắc phục tồn tại:** Thực hiện khảo sát học viên, nhà tuyển dụng, cựu học viên, đồng thời thu thập dữ liệu thứ cấp về nhu cầu nhân lực ngành TCNH của xã hội để làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSDH, , TTTS&QHDN. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. **Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả:

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học CTĐT SDH được xác định rõ ràng. Căn cứ theo đề án tuyển sinh của Viện ĐTSDH, qui trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn HV được cụ thể hóa qua các Thông báo tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.01] . Trên Thông báo tuyển sinh đều có nêu rõ môn thi tuyển, điều kiện miễn thi ngoại ngữ. Để thuận tiện cho thí sinh chủ động trong việc chuẩn bị thi, Trường công bố đề cương ôn thi [H8.08.02.01] và tổ chức các lớp Hệ thống kiến thức cho thí sinh được tự chọn đăng ký học ôn tập [H8.08.02.02].

Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp ĐH ngành gần [H8.08.02.03], Trường yêu cầu phải học bổ sung kiến thức, để đảm bảo đủ điều kiện dự thi.

Trước mỗi đợt tuyển sinh, Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc, trong đó có Ban đề thi và Ban chấm thi [H8.08.02.04]. Ban đề thi căn cứ đề cương ôn tập để ra đề thi và đáp án. Ban chấm thi căn cứ đáp án của đề thi đã sử dụng để chấm điểm. Kết quả thi được công bố công khai trong thời hạn quy định sau khi tổ chức thi tuyển. Thí sinh có quyền được yêu cầu chấm phúc khảo theo các thông báo phúc khảo bài thi tuyển sinh được công bố rõ ràng trên website [H8.08.02.05]. Kết quả trong 5 năm qua, CTĐT đã thu hút được một lượng thí sinh tham gia khá đông (bảng 8.2).

Bảng 8.2: Thống kê tình hình nhập học của HV cao học năm thứ nhất.

Năm học	Khóa	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Điểm trung bình của HV được tuyển	Số lượng HV quốc tế nhập học (người)
---------	------	--------------------------------------	------------------------	-----------------------------------	--------------------------------------

2014	5	375	262	14,93	2
	6	331	109	17,6	0
2015	7	279	150	14,17	1
2016	8	86	50	16,77	0
	9	181	126	14,98	0
2017	10	71	48	15,5	0
	11	85	62	15,8	0
2018	12	150	117	15,6	0
	13	62	81	16,09	0
Tổng		1620	1005		

Theo kết quả thống kê cho thấy, điểm đầu vào của CTĐT ngày càng tăng. Chất lượng đầu vào là một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng lớn đến chất lượng đầu ra của chương trình.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn HV được Trường đánh giá, cập nhật hàng năm. Sau mỗi kỳ thi, để đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn HV, Trường tham khảo ý kiến của mỗi thành viên hội đồng tuyển sinh. Căn cứ theo cơ sở dữ liệu thống kê kết quả tuyển sinh cuộc họp đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác tổ chức cũng như các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn HV cho những đợt tuyển sau [H8.08.02.04]. Ngoài ra, quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn HV cũng được Hội đồng tham khảo trên cơ sở góp ý của các bên liên quan [H08.08.01.04], [H1.01.01.06].

2. Điểm mạnh:

Có quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn HV rõ ràng và được điều chỉnh, cập nhật hàng năm.

3. Điểm tồn tại:

- Chưa lấy ý kiến phản hồi của HV về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đầu vào.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về tiêu chí tuyển chọn đầu vào. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020 trước khi lập Kế hoạch tuyển sinh hàng năm.

- **Khắc phục tồn tại:** Lấy ý kiến của HV đầu khóa về tiêu chí tuyển chọn đầu vào. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Hàng năm, ngay sau khi khai giảng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả:

Trong quá trình tổ chức đào tạo trình độ ThS chuyên ngành TCNH, căn cứ vào CTĐT, quy định đào tạo ThS của Trường, Viện ĐTSĐH đã thiết lập và vận hành hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của HV. Cụ thể như sau:

Tiến độ thực hiện chương trình thông thường chia làm 4 học kỳ, trong đó 3 học kỳ đầu là các học phần trình độ ThS, học kỳ 4 là thời gian thực hiện luận văn của HV; mỗi học kỳ kéo dài 6 tháng, thời gian học tập bình thường là 2 năm [H8.08.03.01]. Khung thời gian này đảm bảo cho HV có học lực bình thường theo đuổi và hoàn tất chương trình học. Hoạt động đào tạo được thực hiện theo học chế tín chỉ, tạo ra cơ chế mềm dẻo, giúp HV chủ động lựa chọn phương án học tập phù hợp với điều kiện của từng cá nhân, phù hợp với quy chế đào tạo tín chỉ [H8.08.03.02].

Mỗi một khóa đào tạo, Trường có quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm cho từng lớp học phần, nhằm hỗ trợ cho HV trong thời gian học [H8.08.03.03]. Những HV vì lý do chính đáng có thể xin tạm dừng học tập để trường xem xét phê duyệt. Hết thời gian tạm dừng học, HV sẽ đăng ký tiếp tục học tập [H8.08.03.04] .

Kết quả học tập của HV được tập hợp, xếp loại và tính điểm tích lũy theo từng học kỳ; hình thành CSDL UIS; HV có mã số truy cập để biết kết quả này [H8.08.03.05].

Thông qua kết quả học tập, Viện ĐTSĐH và CVHT theo dõi quá trình học tập của HV. HV nào chưa tích lũy đủ hoặc nợ các học phần trong chương trình sẽ được CVHT

nhắc nhở đăng ký học lại để HV mới đủ điều kiện thực hiện và bảo vệ luận văn ThS trước hội đồng. Theo kết quả thống kê tỷ lệ thôi học của các khóa cho thấy, có rất ít HV của CTĐT thôi học (xem bảng 8.3).

Bảng 8.3: Thống kê tình hình học tập của HV cao học theo khóa

Khóa đào tạo	Năm học	Số nhập học	Số tạm ngưng	Số tốt nghiệp	Số xử lý học vụ
Khóa 5	2014	257	4	219	38
Khóa 6		104	1	88	13
Khóa 7	2015	146	0	119	0
Khóa 8	2017	47	0	31	0
Khóa 9		118	1	0	0
Khóa 10	2017	46	0	0	0
Khóa 11		58	0	0	0
Khóa 12	2018	116	0	0	0
Khóa 13		39	0	0	0
Tổng		931	6	457	51

Đến thời điểm báo cáo, các khóa 5, 6, 7 đã kết thúc thời gian học tập theo lịch; các khóa còn lại đang trong thời gian học tập. Do đó, việc xác định các tỷ lệ tốt nghiệp, gia hạn, thôi học chỉ tính cho các khóa từ khóa 1 đến khóa 7 (xem bảng 41, phức lục 3). Theo đó, tỷ lệ tốt nghiệp bình quân là 82,39%, tỷ lệ tạm ngưng học tập là 1,0% và tỷ lệ xử lý học vụ là 10,1%.

Tuy vậy, hệ thống giám sát của Trường chủ yếu mới chỉ ghi nhận, thống kê tiến độ học tập của HV, chưa thực sự đi sâu vào giám sát sự tiến bộ của HV.

2. Điểm mạnh:

- Có sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập đảm bảo người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn.
- Có bộ phận/cán bộ chuyên trách được phân công giám sát tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của HV, cảnh báo học vụ.
- Có quy trình giám sát tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của HV.
- Có CSDL theo dõi tiến độ của HV trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại:

- Chưa thực sự giám sát sự tiến bộ và có kế hoạch nâng cao sự tiến bộ của HV.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Hoàn thiện quy trình giám sát tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập của HV. Phát triển phần mềm theo dõi tiến độ của HV trong học tập. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSDH, Phòng KT-QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.
- **Khắc phục tồn tại:** Xây dựng hệ thống cảnh báo cá nhân đối với kết quả học tập của HV. Đơn vị thực hiện: Phòng KT-QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả:

Trường có đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua để hỗ trợ việc học tập của HV. Viện ĐTSDH là đơn vị phụ trách việc tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và thi đua cho HV. Quy trình triển khai các hoạt động động tư vấn, hỗ trợ HV được vận hành như sau: mỗi khóa đào tạo, Trường có quyết định phân

công GVCN cho từng lớp học phần [H8.08.03.03]. Bên cạnh đó, Viện ĐTSĐH có bổ nhiệm ban cán sự lớp học phần [H8.08.04.01]. Nhiệm vụ của ban cán sự lớp là đầu mối giao tiếp giữa Viện ĐTSĐH, GV, GVCN với lớp học.

Một đặc thù của hoạt động đào tạo trình độ ThS là hầu hết HV đều đang đi làm tại các cơ quan, đơn vị, DN; do đó vấn đề tìm kiếm việc làm không phải là ưu tiên đối với HV. Trường có tổ chức lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động để đánh giá năng lực của HV sau khóa học [H8.08.04.02].

Hàng năm, Trường có tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của HV cao học về chất lượng hỗ trợ, tư vấn học tập [H8.08.04.03]. Nhìn chung HV hài lòng với chất lượng hỗ trợ, tư vấn của Trường [H8.08.04.04].

Định kỳ hàng năm, Viện ĐTSĐH có tổ chức các hoạt động thể thao phong trào cho HV cao học, nhằm tạo điều kiện giao lưu giữa HV các khóa, các ngành đào tạo và giữa HV với GV, viên chức Trường [H8.08.04.05].

2. Điểm mạnh:

Có phân công GVCN chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của từng khóa đào tạo.

3. Điểm tồn tại:

Chưa có đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn việc làm của HV trình độ ThS.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Xây dựng Kế hoạch ngoại khóa cho HV. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Thành lập bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho HV sau đại học. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, TTTS&QHDN. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

5. **Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả:

Cơ sở đào tạo trình độ ThS của Trường ĐHTCM trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017 đặt tại cơ sở 2C, Phở Quang, quận Tân Bình. Tại cơ sở này, Trường bố trí văn phòng Viện ĐTSĐH, các khoa có liên quan đến CTĐT ThS chuyên ngành TCNH như Khoa Tài chính – Ngân hàng, Khoa Thuế - Hải quan, Khoa Thẩm định giá – Kinh doanh bất động sản..., các phòng học cho HV cao học, Thư viện sau đại học, phòng y tế. Cơ sở có tầng hầm để xe, 6 tầng là phòng làm việc, phòng học, thư viện... Có 3 thang máy và 2 thang bộ, 1 thang thoát hiểm [H8.08.05.01], hệ thống PCCC được lắp đặt đầy đủ. Đầu năm 2018, Trường tiến hành di dời các khoa chuyên môn về cơ sở chính tại địa chỉ 2/4 Trần Xuân Soạn, quận 7; tuy nhiên, tại cơ sở 2C vẫn duy trì văn phòng Viện ĐTSĐH, Thư viện sau đại học, Phòng y tế và các phòng học.

Cơ sở này nằm trong nội thành, ở vị trí thuận tiện cho việc đi lại, có nhiều cây xanh, không gian thoáng đãng, không khí trong lành, phù hợp để tổ chức hoạt động đào tạo. Ngoài ra, tất cả các đơn vị chuyên môn, đơn vị quản lý, phòng học, thư viện đều đặt trong cùng một cơ sở, tạo điều kiện tốt nhất cho HV học tập, nghiên cứu, tìm kiếm sự hỗ trợ từ GVCN và GV [H8.08.05.02]. Trường công khai nội quy về quy tắc ứng xử của HV, GV tại cơ sở đào tạo này [H8.08.05.03].

Do đặc thù của HV là người học đang làm việc và cư trú tại Tp. Hồ Chí Minh, một số ít ở các tỉnh lân cận, đi và về trong ngày nên HV trong nước không có nhu cầu sử dụng KTX. Chỉ có một số ít HV quốc tế đang học tại trường có nhu cầu ở KTX và đã được nhà trường tạo điều kiện ở KTX. Do không có nhu cầu, vì vậy Trường cũng chưa đầu tư xây dựng nhà ăn hay căn tin phục vụ riêng cho HV.

Hằng năm, Trường có tiến hành khảo sát HV về môi trường đào tạo. Nhìn chung, HV hài lòng về chất lượng môi trường [H8.08.05.04].

2. Điểm mạnh:

Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của GV và HV. Bên cạnh đó, các giảng đường, thang máy, các phòng/khoa, thư viện, phòng y tế được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH. Ngoài ra, cảnh quan sư phạm của cơ sở đào tạo sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng. HV và GV đều hài lòng về môi trường học tập, giảng dạy thông qua khảo sát.

3. Điểm tồn tại:

- Chưa đánh giá mức độ hài lòng về chỗ ở trong KTX của các HV quốc tế hiện đang ở KTX của trường.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Kiểm tra định kỳ vận hành thang máy và diễn tập phòng cháy chữa cháy. Đơn vị thực hiện: Phòng QTTB. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020 với tần suất hàng quý.

- **Khắc phục tồn tại:** Khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các HV quốc tế đã và đang ở KTX của trường. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, công bố công khai và có điều chỉnh, cập nhật; Tiêu chí tuyển sinh, đối tượng ưu tiên được xác định phù hợp quy định, có sự tham gia của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động; Có hệ thống giám sát, đánh giá tiến độ học tập và rèn luyện của HV cao học; Trường có môi trường, cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân HV.

Bên cạnh đó, Trường vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: Chưa có sự phân tích, đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hàng năm; Chưa lấy ý kiến phản hồi của HV về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đầu vào; Chưa có đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn việc làm của HV trình độ ThS; Chưa có điều kiện kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm các cơ sở dịch vụ tư nhân xung quanh Trường.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 8:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 8		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 8.1					5			4,80	5	100

Tiêu chí 8.2					5					(5/5)
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5					5					

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.

Mở đầu:

Đảm bảo các điều kiện CSVK kỹ thuật phục vụ đào tạo và NCKH của GV, SV là một trong những yêu cầu quan trọng để ĐBCL giáo dục. Trường đã từng bước hoàn thiện về CSVK, có kế hoạch đầu tư cụ thể nhằm tăng diện tích phòng học, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, phục vụ HV, tăng cường ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý, điều hành. Với nguồn lực hiện có, Trường luôn đảm bảo các điều kiện về CSVK và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực nghiệm và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành... phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt động khác.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả:

Hiện nay, Trường và Khoa TCNH, Khoa Thuế - Hải quan và Khoa Thẩm định giá – Kinh doanh BĐS có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo theo quy định hiện hành. Các lớp của chương trình ThS chuyên ngành TCNH được bố trí, sắp xếp lịch giảng dạy và học tập tại cơ sở 2C Phở Quang, Quận Tân Bình với các phòng học có sức chứa từ 35m² đến 640m². Phòng làm việc được trang bị máy lạnh, máy tính, máy in, máy scan, tủ đựng tài liệu cho từng bộ môn và các trang thiết bị đảm bảo [H9.09.01.01], [H9.09.01.02], [H9.09.01.03].

Bảng 9.1: Số liệu CSVC phục vụ chương trình Cao học ngành TCNH

Nội dung	Đơn vị tính	Toàn trường	Sử dụng cho chương trình Cao học TCNH		
			2015	2016	2017
Diện tích xây dựng cơ sở đào tạo	m ²				
1. Phòng làm việc cán bộ quản lý, GV	m ²	740			
- Số phòng	Phòng	24			
- Diện tích sử dụng	m ²	740			
- Diện tích bình quân/HV	m ² /người				
2. Giảng đường/phòng học	m ²	10.227	900	900	900
- Số phòng	Phòng	119	12	12	12
- Diện tích sử dụng	m ²	10.227	900	900	900
3. Hội trường	m ²	1.390	Sử dụng chung		
- Số phòng	Phòng	03			
- Diện tích sử dụng	m ²	1.390			
4. Phòng máy tính			Sử dụng chung		
- Diện tích sử dụng	m ²	846			
- Số máy tính sử dụng được	máy tính	660			
- Số máy tính nối mạng	máy tính	660			

Nội dung	Đơn vị tính	Toàn trường	Sử dụng cho chương trình Cao học TCNH		
			2015	2016	2017
ADSL					
5. Thư viện			Sử dụng chung		
- Số phòng	Phòng	6			
- Diện tích sử dụng	m ²	459			
6. Nhà thi đấu đa năng, sân bãi thể dục, thể thao	m ²	3.200	Sử dụng chung		

Các phòng học của các lớp cao học ngành TCNH của trường đều được trang bị đầy đủ máy lạnh, bàn ghế, bảng, hệ thống chiếu sáng, hệ thống âm thanh, máy chiếu... [H9.09.01.04].

Để thuận tiện cho GV và HV khai thác các trang thiết bị, phương tiện hỗ trợ dạy và học tại các phòng học và hội trường, các nhân viên phòng QTTB trực suốt trong các buổi học để quản lý tình hình sử dụng thiết bị và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong quá trình sử dụng.

Hàng năm, Trường đều có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm mới và tăng cường máy móc, thiết bị được trang bị tại các phòng học, các đơn vị Phòng Ban, Khoa. Phòng QTTB của Trường thường xuyên tổ chức kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị đồng thời tổ chức mua sắm mới các máy móc, thiết bị. Do vậy, các thiết bị trong các phòng học và hội trường đều ĐBCL, cơ bản đáp ứng đủ các yêu cầu của hoạt động đào tạo [H9.09.01.05].

Đồng thời, Trường đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của HV về hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng cho thấy HV hài lòng về phòng học đáp ứng các nhu cầu học tập [H9.09.01.06].

2. Điểm mạnh:

Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng, cùng các trang thiết bị tân tiến, hiện đại phù hợp để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại:

Cơ sở giảng dạy, phòng chức năng và văn phòng làm việc bị phân tán nhiều nơi cách xa nhau gây khó khăn cho GV và HV.

Hiện tại, mỗi GV trong Khoa chưa được bố trí 01 ngăn tủ đựng hồ sơ để đủ chứa các bài kiểm tra giữa kỳ, tiểu luận và luận văn tốt nghiệp của HV.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tăng cường trong công tác bảo hành, bảo dưỡng các trang thiết bị để luôn đảm bảo trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Đơn vị thực hiện: Phòng QTTB. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Cung cấp cho GV trong khoa tủ đựng hồ sơ riêng đủ rộng để đựng tài liệu giảng dạy, nghiên cứu và bài tập của HV. Qui hoạch lại các cơ sở phục vụ đào tạo và văn phòng làm việc. Đơn vị thực hiện: Phòng QTTB. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả:

Hiện nay, Thư viện có 3 cơ sở tại quận Tân Bình, quận 7, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Ở mỗi cơ sở của Thư viện đều được bố trí các phòng chức năng chủ yếu để phục vụ người sử dụng như: phòng đọc, kho tài liệu, khu vực báo – tạp chí, khu vực tra cứu internet...[H9.09.02.01], [H9.09.02.02]. Điều này tạo thuận lợi cho các HV cao học có thể tiếp cận tài liệu trong quá trình học một cách dễ dàng. Các phòng đọc được trang bị đầy đủ. Các trang thiết bị được định kỳ sửa chữa đảm bảo phục vụ người sử dụng tốt nhất [H9.09.02.03].

Để phục vụ cho các HV cao học với điều kiện đặc thù chỉ có thể tiếp cận thư viện vào buổi tối và cuối tuần nên thư viện tăng cường thời gian phục vụ các đối tượng ngoài giờ hành chính. Bên cạnh đó, Thư viện cũng ban hành các quy trình như: quy trình tra

cứu tài liệu qua hệ thống mục lục trực tuyến trên cổng thông tin thư viện, quy trình mượn trả.. tạo điều kiện cho người sử dụng tiếp cận với các dịch vụ tại Thư viện [H9.09.02.04].

Tại thư viện, tài liệu phục vụ cho chuyên ngành Tài chính Ngân hàng là: 1.485 tựa/5.962 bản sách, 1057 tựa luận văn ThS, 276 chuyên đề tốt nghiệp và 7 tạp chí chuyên ngành, cùng với đầy đủ các tài liệu phục vụ cho khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành và các CSDL dùng chung. Riêng đối với HV cao học và NCS còn được Trường cấp một tài khoản để có thể truy cập thông tin và tài liệu của Cục thông tin Khoa học và Công nghệ [H9.09.02.05], [H9.09.02.06].

Để các nguồn học liệu phong phú và cập nhật, nhằm phục vụ tốt nhu cầu của người sử dụng, hàng năm Thư viện phối hợp với Khoa trong việc bổ sung các giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Quy trình cập nhật tài liệu thể hiện sự phối hợp giữa Thư viện và các Khoa đảm bảo tài liệu phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Trường [H9.09.02.06], [H9.09.02.07]. Bên cạnh, nguồn tài liệu bổ sung, Thư viện còn nhận được nguồn tài liệu tài trợ từ như Quỹ Châu Á, các CB-GV trong trường [H9.09.02.08]. Đồng thời, thư viện cũng tiến hành áp dụng các tiêu chuẩn nghiệp vụ tiên tiến như: khổ mẫu biên mục MARC21, qui tắc biên mục Anh - Mỹ AACR2, qui tắc mô tả thư mục theo chuẩn quốc tế ISBD; bảng phân loại DDC... vào công tác xử lý tài liệu, tổ chức kho và phục vụ. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng tiếp cận các nguồn học liệu có giá trị của Thư viện [H9.09.02.09]. Hệ thống thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện PSC zLIS 7.0 [H9.09.02.10].

Hàng năm Thư viện phối hợp với Phòng Khảo thí & Quản lý Chất lượng tổ chức lấy ý kiến bạn đọc nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu của từng chuyên ngành [H9.09.02.11].

Cán bộ Thư viện thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và tham gia các lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý [H9.09.02.12]. Thư viện Trường còn hợp tác với các thư viện trường ĐH có cùng chuyên ngành đào tạo để trao đổi, chia sẻ tài nguyên thông tin [H9.09.02.13].

2. Điểm mạnh:

Thư viện tổ chức quản lý hệ thống tài liệu một cách khoa học và tạo điều kiện tốt nhất cho người sử dụng.

Các cơ sở học tập của trường đều có thư viện nên rất thuận tiện.

Cán bộ thư viện đáp ứng tốt yêu cầu trong phục vụ và trong công tác chuyên môn.

3. Điểm tồn tại:

Nguồn học liệu bằng tiếng Anh hiện có tại thư viện để phục vụ cho ngành TCNH còn chưa phong phú. Chưa có nhiều sự hợp tác và liên kết với các Thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục thực hiện duy trì cung cấp các tài khoản truy cập đến HV. Đội ngũ cán bộ thư viện sẽ tiếp tục phát huy các nghiệp vụ chuyên môn và có những cải tiến trong công tác quản lý hệ thống tài liệu khoa học để phục vụ, hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu của trường. Đơn vị thực hiện: Thư viện. Thời gian thực hiện: Thường xuyên và liên tục.

- **Khắc phục tồn tại:** Tăng cường nguồn tài liệu in ấn và tài liệu số chuyên ngành TCNH và sách/giáo trình tiếng Anh. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ tại thư viện. Triển khai liên kết với các thư viện ĐH có cùng chuyên ngành đào tạo để chia sẻ, trao đổi tài nguyên thông tin. Đơn vị thực hiện: Khoa chuyên môn, Thư viện. Thời gian thực hiện: 2019-2022.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả:

Trường có đầy đủ phòng thực hành máy tính và phần mềm liên quan khác đến chuyên ngành đào tạo. Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.03.01], [H9.09.03.02], [H9.09.03.03]. Riêng đối với Khoa TCNH, trường đã xây dựng, nghiệm thu và đưa vào sử dụng Phòng thực hành mô phỏng ngân hàng, đặt tại cơ sở quận 9 nhưng chủ yếu phục vụ cho sinh viên ĐH thực hành các nghiệp vụ như một chuyên viên ngân hàng thực thụ [H9.09.03.06].

Các trang thiết bị trong phòng thực hành được sửa chữa, cập nhật và duy tu, bảo dưỡng đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu [H9.09.03.04], [H9.09.03.05]; có hồ sơ theo dõi, nhật ký sử dụng trang thiết bị, tần suất sử dụng các trang thiết bị tại các

phòng học, phòng thực hành; quản lý việc sử dụng các trang thiết bị và có đánh giá chi tiết hiệu quả sử dụng các trang thiết bị [H9.09.03.05].

Trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi của HV cho thấy HV hài lòng về mức độ đáp ứng trang thiết bị dạy và học [H9.09.01.06].

2. Điểm mạnh:

Có đầy đủ phòng thực hành máy tính. Có nhân viên kỹ thuật trực trong suốt thời gian có lớp học, định kỳ sửa chữa bảo dưỡng các trang thiết bị.

3. Điểm tồn tại:

Chưa khảo sát thường xuyên ý kiến của HV, GV về chất lượng trang thiết bị.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Trường tiếp tục định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị của các phòng thí nghiệm, phòng thực hành. Đơn vị thực hiện: P.QTTB, TTTT-QLDL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Tiến hành khảo sát ý kiến HV, GV theo định kỳ về chất lượng trang thiết bị. Đơn vị thực hiện: TT TT-QLDL, Viện ĐTSDH, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả:

Trường đã trang bị cho Khoa khá đầy đủ máy tính, máy in để phục vụ cho GV, HV học tập, giảng dạy và NCKH. Hiện nay, số lượng máy tính của toàn trường là 1.031 máy, số máy tính dùng cho hệ thống văn phòng Khoa là 7 máy tính để bàn. Trường và Khoa TCNH, Khoa Thuế - Hải quan, Khoa Thẩm định giá – kinh doanh BĐS có hệ thống CNTT (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và các hệ mạng truyền thông, trang thông tin điện tử,...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.04.01], [H9.09.04.03], [H9.09.04.04].

Trường đã nâng cấp và phủ sóng wifi toàn trường của tất cả các cơ sở đào tạo, tạo

thuận lợi cho việc tìm kiếm tài liệu trên mạng của GV và HV. Hệ thống wifi được xây dựng và đưa vào sử dụng tại các cơ sở đào tạo và cơ sở chính của trường bao gồm hệ thống wifi cho GV, CBVC; hệ thống wifi cho SV, khách vắng lai. Tài khoản đăng nhập hệ thống wifi đều phổ biến công khai đến các đối tượng sử dụng.

Hệ thống CNTT được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.04.02]. Trường đã có bộ phận chuyên trách quản trị mạng thuộc Trung tâm Thông tin – Quản lý dữ liệu, có nhiệm vụ đảm bảo sự hoạt động ổn định của hệ thống mạng. Trung tâm Thông tin – Quản lý dữ liệu của trường được trang bị máy chủ server, nhiều máy vi tính và thiết bị mạng. Hệ thống mạng ở các cơ sở của trường từ khu vực văn phòng, phòng học, thư viện, KTX đều được kết nối với mạng nội bộ trường, kết nối mạng internet cáp quang, hệ thống wifi nên đã hỗ trợ khá tốt cho các hoạt động dạy và học và quản lý. Trung tâm TT&QLDL chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát và xử lý các vấn đề phát sinh trong quản lý, vận hành hệ thống mạng, sự cố trang thiết bị tin học của Khoa và Trường [H7.07.01.05].

Hàng năm Trường lập kế hoạch khảo sát và tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của HV và GV về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT [H9.09.01.06].

2. Điểm mạnh:

Trường luôn quan tâm và nâng cấp chất lượng hệ thống CNTT, cả phần cứng lẫn phần mềm. Mỗi cán bộ công nhân viên đều có tài khoản và mật khẩu để đăng nhập vào hệ thống nội bộ UIS của Trường tạo sự thuận tiện nhất cho việc truy cập hệ thống thông tin của Trường.

3. Tồn tại:

Với sự phát triển không ngừng của CNTT hiện nay, các thiết bị tin học đang sử dụng sẽ dần lạc hậu, trong khi đó kinh phí của Trường còn eo hẹp trong việc trang bị mới các thiết bị tin học.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Rà soát và nâng cao tính năng của hệ thống UIS. Đơn vị thực hiện: TT TT&QLDL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT. Đơn vị thực hiện: TT TT&QLDL.
Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả:

Tất cả các cơ sở học của trường đều được trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn, phòng chống cháy nổ. Các thiết bị này còn đảm bảo tiêu chuẩn sử dụng theo qui định. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Tại cơ sở chính 2/4 Trần Xuân Soạn và 2C Phổ quang có hệ thống thang máy, tạo thuận lợi cho người học là người khuyết tật di chuyển. Hệ thống nhà vệ sinh có bố trí riêng dành cho người khuyết tật. Để đảm bảo an toàn cho mọi người đang học tập và làm việc, Trường đã đưa ra phương án đảm bảo an toàn trong các trường hợp bạo loạn, gây rối, trộm cắp tài sản; mỗi cơ sở đào tạo đều thành lập đội phòng cháy chữa cháy; ban hành các quy định, hướng dẫn về phòng cháy chữa cháy, phương án chữa cháy tại chỗ; đồng thời tại các cơ sở đều đặt ít nhất 4 bình PCCC tại mỗi tầng lầu, có hệ thống đèn dẫn, lối đi thoát hiểm để khi có sự cố xảy ra tất cả các phòng, khoa đều kịp thời ứng cứu. Công tác Phòng cháy – Chữa cháy của Trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường. Hàng năm, chính quyền địa phương tổ chức các đợt bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho lực lượng chuyên trách bảo vệ của trường; đồng thời Trường còn tổ chức các buổi huấn luyện và thực tập phòng cháy chữa cháy cho tất cả cán bộ, GV, viên chức của trường. Trường đã có phương án trực 24/24 giờ tại tất cả các cơ sở trong các ngày làm việc, ngày nghỉ cuối tuần, ngày lễ, tết [H9.09.05.01].

Để đảm bảo an ninh trường học, Trường xây dựng các quy định, nội quy giảng đường, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ cho cán bộ và GV thống nhất thực hiện trong toàn trường. Đội ngũ cán bộ Tổ bảo vệ trực 24/24 đảm bảo trật tự, an ninh trong Trường luôn được đảm bảo. Lực lượng bảo vệ ở các cơ sở này có nhiệm vụ tiến hành các hoạt động hợp pháp để phát hiện, ngăn chặn mọi hành vi xâm phạm, phá rối xung qua Trường, hướng dẫn khách và các phương tiện lưu thông ra vào trường, phát hiện và xử lý bước đầu khi có sự cố cháy, nổ xảy ra. Bên cạnh đó để đảm bảo an ninh,

an toàn trong môi trường đào tạo, Trường lắp đặt hệ thống camera quan sát tại các cơ sở đào tạo [H9.09.05.02].

Trường có phòng Y tế riêng, đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời của HV khi gặp vấn đề về sức khỏe. Các cơ sở học của trường đều đảm bảo vệ sinh môi trường, có khuôn viên trồng cây xanh và có phòng y tế với quy mô đảm bảo, có đầy đủ thuốc men, dụng cụ sơ cấp cứu phục vụ HV và GV. Định kỳ vào tháng 5 hàng năm, Trường tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhằm đảm bảo sức khỏe cho cán bộ trong công tác [H9.09.05.03].

Theo kết quả khảo sát của Trường, HV hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn của cơ sở đào tạo [H9.09.05.04].

2. Điểm mạnh:

Trường quan tâm tốt công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CBVC, GV và SV; có bộ phận y tế phục vụ tốt nhu cầu sức khỏe cho CB-VC và SV. Trong thiết kế và vận hành có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

3. Điểm tồn tại:

Trong phòng học vẫn chưa bố trí chỗ ngồi học dành riêng cho người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Trường sẽ quan tâm hơn nữa về công tác vệ sinh môi trường bằng cách thuê các công ty vệ sinh chuyên nghiệp để đảm bảo môi trường, đặc biệt là đội ngũ vệ sinh ngoài giờ hành chính, cán bộ y tế trực ngoài giờ phục vụ cho nhóm đối tượng sau đại học để đảm bảo sức khỏe và an toàn cho cán bộ và HV. Đơn vị thực hiện: Phòng QTTB; Tổ y tế. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Thiết kế, bố trí chỗ ngồi học dành riêng cho người khuyết tật học tập một cách thuận lợi. Đơn vị thực hiện: Phòng QTTB. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phù hợp với các trang thiết bị hiện đại; hệ thống thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật; hệ thống phòng thực hành và trang thiết bị phù hợp và sử dụng hiệu quả; hệ thống

CNTT ngày càng được nâng cấp; các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai hợp lý.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại về CSVC và trang thiết bị mà Trường và Khoa cần khắc phục trong những năm học tới. Nguồn học liệu tiếng Anh hiện có tại thư viện để phục vụ cho ngành TCNH chưa phong phú. Chưa có nhiều sự hợp tác và liên kết với các Thư viện khác để chia tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 9:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 9		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 9.1					5			4,60	5	100 (5/5)
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5					5					

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.

Mở đầu:

Trong giai đoạn 2014 – 2018 Trường ĐHTCM đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng đào tạo trình độ ThS chuyên ngành TCNH. Trong giai đoạn này, Trường đã đánh giá nhu cầu và thông tin phản hồi của các bên liên quan để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTĐT. Quá trình này lặp lại với tần suất 2 năm/lần kể từ năm 2015 và được cải tiến trong quá trình thực hiện. Trong quá trình triển khai giảng dạy, học tập, kết quả từ việc dạy và học của HV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH mà cụ thể là các đề tài NCKH cấp cơ sở của các

GV giảng dạy chương trình đã được sử dụng làm các tình huống giảng dạy trong các học phần, làm định hướng nghiên cứu của các luận văn ThS. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác thường xuyên được đánh giá và cải tiến từ đó thúc đẩy việc cải tiến chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả:

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được khoa sử dụng làm căn cứ để thiết kế CTDH. Trường có hành lang pháp lý cụ thể về hoạt động đảm bảo và nâng cao chất lượng. Trong đó, để thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được dựa trên qui định và qui trình khảo sát các bên liên quan [H10.10.01.01]. quy định nêu rõ mục tiêu của việc khảo sát, đối tượng, nội dung, quy trình và trách nhiệm của các bộ phận phòng ban, khoa có liên quan. Hệ thống thu thập thông tin được vận hành thông qua tổ Quản lý chất lượng của khoa thuộc mạng lưới ĐBCL bên trong của Trường. Hoạt động ĐBCL được thực hiện thông qua các kế hoạch đảm bảo và cải tiến chất lượng hàng năm của trường [H10.10.01.02].

Hệ thống thông tin phản hồi hoạt động hiệu quả, đảm bảo thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết và khoa học có độ tin cậy làm căn cứ cho khoa thiết kế và phát triển CTDH. Trước năm 2017, công tác khảo sát HV về hoạt động giảng dạy của GV chưa được quan tâm nhiều, chủ yếu do phòng Khảo thí-QLCL đảm nhận, nhưng hiện nay đã được giao cho Viện ĐTSĐH. Hàng năm Viện ĐTSĐH tiến hành khảo sát lấy ý kiến của HV cao học, về các học phần được đào tạo theo từng học kỳ [H10.10.01.03]. Sau khi HV tốt nghiệp, Trường có tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của HV, của GV, của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng, nội dung CTĐT và các điều kiện hỗ trợ [H10.10.01.04]. Tuy việc khảo sát nhà tuyển dụng trước năm 2018 mới chỉ hạn chế là các chuyên gia đầu ngành hoặc các GV mời. Trong những năm sắp tới khoa sẽ tranh thủ khảo sát HV cao học là các chủ DN hoặc cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan, công ty.... Các thông tin này là nguồn tham khảo quan trọng phục vụ cho việc rà soát, cập nhật CTĐT theo định kỳ. Ngoài khảo sát HV, nhà tuyển dụng, Trường còn tổ chức các Hội nghị xây dựng CTĐT để thu thập ý kiến của chuyên gia, cán bộ quản lý, GV giúp khoa lựa chọn làm căn cứ xây dựng và phát triển CTDH [H10.10.01.05], [H1.01.02.05], [H1.01.01.06].

Trình tự, thủ tục rà soát, chỉnh sửa CTĐT tuân thủ Thông tư 07; theo đó Trường giao nhiệm vụ cho các khoa chuyên môn, Tiểu ban TCNH (từ đầu năm 2018 chuyển cho Khoa Tài chính – Ngân hành) thành lập nhóm xây dựng, rà soát CTĐT [H10.10.01.06]. Dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan cùng với kết quả so sánh CTDH các trường trong và ngoài nước khoa tiến hành rà soát điều chỉnh CTDH và trình lên HĐKH trường cho ý kiến và thông qua [H1.01.03.01], [H1.01.03.02].

2. Điểm mạnh:

Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan. Các thông tin thu thập đảm bảo khoa học và có độ tin cậy. Thông tin này là cơ sở cho Khoa TCNH điều chỉnh CTDH và có tham khảo CTDH của các trường ĐH trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại:

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng mới chỉ hạn chế là các chuyên gia đầu ngành và các GV mời.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục thực hiện khảo sát các bên liên quan về CTĐT theo kế hoạch hằng năm của khoa. Tiếp tục sử dụng phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của DN và xu hướng hội nhập. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSDH, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Chọn lọc danh sách các HV là quản lý trong các DN, công ty, cơ quan nhà nước đưa vào danh sách khảo sát nhà tuyển dụng. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSDH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả:

Kể từ năm 2015, khi Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT được ban hành, hoạt động thiết kế và phát triển CTĐT của Trường nói chung và trình độ ThS nói riêng trở thành một quá trình được chuẩn hóa từ tổ chức bộ máy, quy trình, thủ tục, hồ sơ. Trên cơ sở Thông

tư 07, Trường đã ban hành hướng dẫn riêng về thiết kế và phát triển CTĐT [H1.01.02.01].

Theo đó, việc thiết kế CTDH được Tiểu ban TCNH (trước đây) nay là Khoa TCNH được thực hiện theo quy trình sau:

Bước 1: Trưởng khoa TCNH (trước đây là trưởng Tiểu ban TCNH) đề xuất thành lập nhóm soạn thảo CTĐT ThS chuyên ngành TCNH và được BGH phê duyệt. Thành phần nhóm soạn thảo bao gồm các đại diện cho: các đơn vị sử dụng lao động; GV; cán bộ quản lý các cấp; các chuyên gia trong và ngoài nước liên quan đến chuyên ngành TCNH; cựu HV [H10.10.01.04], [H10.10.01.06].

Bước 2: Nhóm soạn thảo CTĐT lập kế hoạch khảo sát: thiết kế phiếu, chọn đối tượng, tập huấn, khảo sát, xử lý kết quả, tham khảo và hoàn thiện dự thảo lần 2 [H1.01.02.04] [H1.01.02.05].

Bước 3: Kết quả khảo sát làm cơ sở cho nhóm soạn thảo nghiên cứu các hướng phát triển của chương trình, đối sánh với các chương trình trong nước và quốc tế. Dựa trên CĐR dự kiến khung CTĐT với các khối kiến thức hoặc module các môn học trong từng khối kiến thức/module và mối liên hệ giữa các học phần. Sản phẩm của bước này là dự thảo CTĐT lần 1 [H1.01.01.06],[H1.01.03.01], [H3.03.03.01], [H3.03.03.02].

Bước 5: Tổ chức xây dựng CĐR cho từng môn học: tổ chức hội thảo/họp Hội đồng khoa học và đào tạo cấp Khoa để thống nhất CĐR cho các môn học [H1.01.03.03]

Bước 6: Xây dựng Ma trận CĐR các môn học [H1.01.02.01-02],[H1.01.02.07].

Bước 4: Thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT: có ít nhất 5 thành viên là GS, PGS, TS đúng ngành/chuyên ngành được đào tạo [H1.01.03.02]. Nhóm soạn thảo hoàn thiện CTĐT theo ý kiến của hội đồng thẩm định. Sản phẩm của bước này là dự thảo CTĐT lần 2.

Bước 5: Hội đồng khoa học và Đào tạo cấp trường thẩm định, Nhóm soạn thảo chỉnh theo góp ý của Hội đồng và trình BGH ký ban hành [H10.10.02.01], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11].

Bên cạnh việc thiết kế là phát triển chương trình sau thời gian lưu hành. Hội đồng chuyên môn cũng đã tiến hành đánh giá và cập nhật CTĐT. Theo đó, định kỳ 2 năm/lần, theo thông báo của P.QLKH, Khoa TCNH lập kế hoạch cho việc cập nhật, đánh giá CTĐT,

rà soát CDR. Thu thập thông tin phản hồi, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT, CDR. Tiếp theo là dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTĐT để đưa ra các buổi họp chuyên môn hoặc buổi tọa đàm [H10.10.02.02]. Dự thảo sẽ được trình Hội đồng khoa học và đào tạo thông qua. Sau khi các nội dung sửa đổi được thông qua sẽ được trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành [H1.01.01.08], [H1.01.03.03]. Để lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng của CTĐT sau đại học nói chung, Trường tổ chức Hội nghị Nâng cao chất lượng ĐTSĐH vào năm.... Trong đó hội nghị tiếp thu các ý kiến liên quan đến thiết kế điều chỉnh và vận hành CTĐT Sau đại học.

Giai đoạn trước năm 2015 quy trình thiết kế và phát triển CTDH mới chỉ được đưa ra trao đổi, thảo luận trong các buổi họp HĐKHĐT hoặc họp Tiểu ban TCNH. Kể từ năm 2015, sau khi Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT được ban hành thì quy trình thiết kế phát triển CTĐT trong đó có CTDH được chuẩn hóa giúp cho Khoa TCNH chủ động hơn trong việc thiết kế và phát triển CTĐT.

2. Điểm mạnh:

Việc thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH Ths chuyên ngành TCNH theo một quy trình rõ ràng, khoa học và được lấy ý kiến từ các bên liên quan. Công tác phát triển CTĐT được thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ.

3. Điểm tồn tại:

Hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa đa dạng, chưa được cải tiến theo công nghệ 4.0 (sử dụng mạng internet để thu thập ý kiến).

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục định kỳ rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Khoa TCNH, Phòng QLKH. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Phòng QLKH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Sử dụng công nghệ web để khảo sát online lấy ý kiến các Chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, HV, Nhà tuyển dụng về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Phòng QLKH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

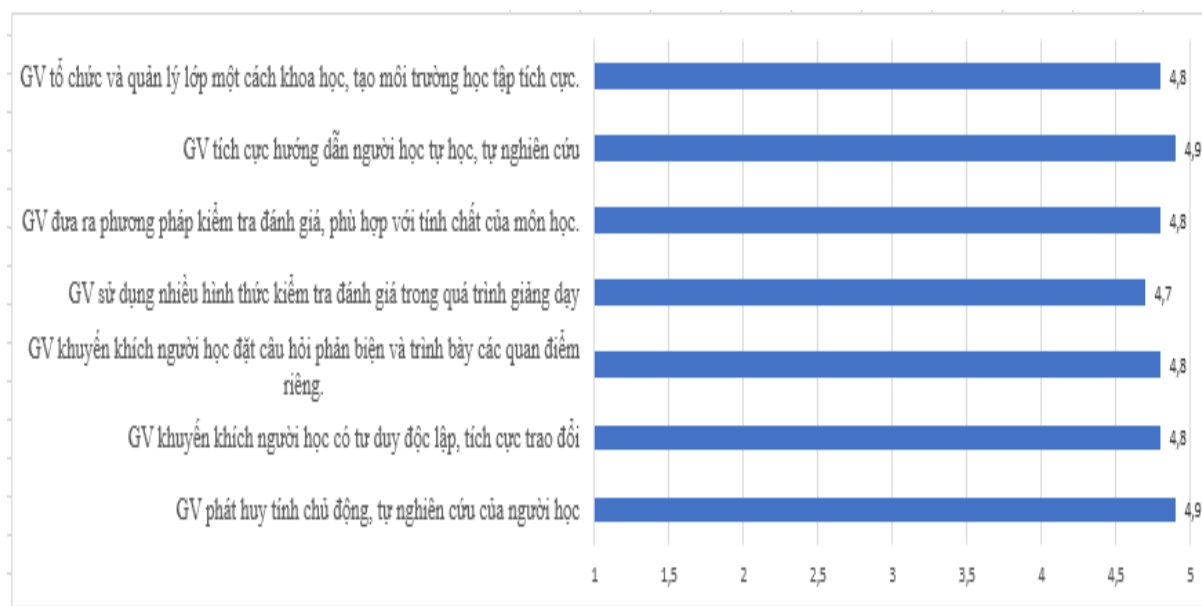
5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của HV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả:

Để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, quá trình dạy và học được khoa rà soát và đánh giá thường xuyên. Trước năm 2013, hoạt động rà soát đánh giá quá trình dạy và học SDH chưa được triển khai thường xuyên. Từ sau khi có quy định về công tác ĐBCL của trường, đối với CTĐT Ths TCNH sẽ được Viện ĐTSĐH thực hiện khảo sát lấy ý kiến của HV sau khi kết thúc môn học. Theo đó Viện ĐTSĐH đã tổ chức khảo sát hoạt động giảng dạy của GV, xử lý thống kê số liệu báo cáo gửi Khoa theo dõi, kiểm tra đánh giá [H10.10.01.01], [H4.04.02.03].

Bên cạnh công tác dạy và học là công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HV. Trên đề cương chi tiết của mỗi học phần đều có ghi rõ phương pháp kiểm đánh giá kết quả học tập của học phần [H2.02.02.01]. Do đặc thù của đào tạo SDH, đa số HV đều đã đi làm và tốt nghiệp ĐH có ý thức học và tư duy phản biện cao, GV đều là các GS, PGS, TS chuyên gia có uy tín. Do đó, việc đánh giá kết quả của HV được thiết kế theo hướng mở, trên đề cương chỉ qui định đơn giản trọng số cho từng loại kiểm tra đánh giá. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV để đáp ứng mục tiêu học phần và CĐR, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Giá trị đo lường mức độ đồng ý của HV cho thấy, các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập HV của GV đảm bảo sự tương thích và phù hợp với HV nhằm đạt được CĐR (Hình 10.3)



Hình 10.3: Trích kết quả khảo sát hoạt động giảng dạy

Để đánh giá kết quả học tập của HV, GV luôn tuân thủ qui định về chất lượng đề thi, đáp án và các hình thức thi. Trường có ban hành qui định đánh giá kết quả học tập của HV nhằm đáp ứng CDR [H5.05.02.02]. Công tác tổ chức thi kết thúc học phần được triển khai chặt chẽ theo đúng qui định. Trường đã thực hiện rà soát để ban hành Quy trình ĐBCL từ đầu vào đến đầu ra được khoa quan tâm. Ngay từ đầu khóa học, HV được Giáo viên chủ nhiệm sinh hoạt và cung cấp cuốn “sổ tay HV” để HV chủ động nắm rõ các qui định trong quá trình học tập [H2.02.03.01]. Khoa quản lý và theo dõi tiến độ học tập của HV qua hệ thống phần mềm UIS của trường, cuối mỗi khóa đều có hội đồng xét tốt nghiệp [H10.10.03.01-2]. Năm 2017, Khoa đã đánh giá kết quả học tập từ khóa 6 đến 10 để phân tích kết quả học tập của HV trong 5 khóa gần nhất. Từ báo cáo phân tích kết quả sẽ là một trong những cơ sở định lượng để khoa rà soát đánh giá quá trình dạy, học và kết quả học tập của HV để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR [H1.01.02.02], [H1.01.02.07].

2. Điểm mạnh:

Quy trình kiểm tra đánh giá quá trình dạy và học được ban hành và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc.

3. Điểm tồn tại:

Việc đánh giá quá trình dạy và học mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của HV là chủ yếu, chưa dựa trên các hình thức khác như lấy ý kiến đánh giá từ GV và DN.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục nghiên cứu sáng tạo tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đánh giá chính xác chất lượng HV. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Xây dựng kế hoạch dự giờ giảng cho CTĐT Ths TCNH. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Năm 2019.

5. **Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả:

Hoạt động NCKH của các GV tham gia giảng dạy CTĐT ThS được Trường chú trọng vì các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Theo qui định, mỗi GV của Trường tối thiểu mỗi năm phải có một công trình khoa học được công bố dưới dạng đề tài NCKH, bài báo khoa học, tham luận hội thảo [H10.10.04.01].

Trường đã tài trợ kinh phí để các GV chủ trì thực hiện các đề tài NCKH cấp cơ sở, với yêu cầu đầu ra là: sách chuyên khảo, sách giáo trình, sách tham khảo, giáo trình, bài giảng hoặc các bài báo khoa học (xem bảng 10.4a).

Bảng 10.4a: Thống kê số lượng sách xuất bản của GV

TT	Phân loại sách	Số lượng				
		2014	2015	2016	2017	2018
1	Sách chuyên khảo	1	6	3	4	1
2	Sách giáo trình	6	2	7	1	2
3	Sách tham khảo	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0	9	7	7	8
	Tổng	7	17	17	12	11

Một số đề tài tiêu biểu được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của HV.

Bảng 10.4b: Danh sách một số đề tài được ứng dụng

Tên đề tài	Lĩnh vực ứng dụng	Năm nghiệm thu
Điều hành Bộ ba bất khả thi ở Việt Nam trước và sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008	Học phần Tài chính quốc tế	2016
Kiểm định ngang giá sức mua giữa Việt Nam và các quốc gia Đông Nam Á	Học phần Tài chính quốc tế	2018
Truyền dẫn chính sách tiền tệ đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	Học phần Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa	2018
Đo lường mức độ an ninh tài chính của Việt Nam trong hội nhập quốc tế	Học phần tài chính quốc tế	2018

Trong giai đoạn 2014 -2018, các GV giảng dạy CTĐT ThS chuyên ngành TCNH đã hoàn thành nhiều đề tài NCKH cấp cơ sở và cấp Bộ (tỉnh) [H10.10.04.02].

Kết quả nghiên cứu các đề tài nêu trên đã được sử dụng làm đề tài thảo luận trong các môn học Quản trị ngân hàng, Tài chính quốc tế, Tài chính DN nâng cao...; đồng thời trở thành các hướng nghiên cứu đề xuất đối với luận văn ThS của các HV cao học theo hướng lặp lại. Tuy nhiên công tác lưu trữ hồ sơ của các đề tài chưa tốt. Trước 2018, do chuyển văn phòng làm việc từ quận Tân bình sang quận 7, nhiều hồ sơ các đề tài đã bị thất lạc, gây khó khăn cho công tác thống kê số liệu.

2. Điểm mạnh:

GV trường đã rất quan tâm đến việc nghiên cứu cải tiến việc dạy và học thông qua các hoạt động NCKH. Các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học. Kết quả nghiên cứu được vận dụng vào việc cải tiến nội dung giảng dạy và thực hiện các luận văn ThS TCNH.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng xuất bản sách giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục khuyến khích GV tham gia NCKH. Đề xuất các danh hiệu thi đua của GV vào các chỉ tiêu NCKH. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Thường xuyên hàng năm từ 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Đề xuất Trường tăng kinh phí cho các nhóm biên soạn sách giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo: Khoa TCNH, Phòng QLKH. Thời gian thực hiện: Năm 2019-2023.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả:

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại trường như: thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá và cải tiến.

Về chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện; Năm 2017, theo kết quả đánh giá ngoài CSGD của Hội đồng kiểm định, tiêu chí Thư viện của trường đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, GV và HV. Không dừng lại ở đó, Trường đã tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất để thư viện trường không ngừng được nâng cao [H10.10.05.01]. Hiện nay, Thư viện đã đăng ký gói sử dụng và khai thác dịch vụ từ Cổng truy cập nguồn tin điện tử của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia để giúp bạn đọc truy cập mọi cơ sở dữ liệu khoa học trong nước và quốc tế, bao gồm ScienceDirect [H10.10.05.02]. Để giám sát đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động tại thư viện, hàng năm trường đều tổ chức triển khai khảo sát hiệu quả hoạt động quản lý, phục vụ đào tạo tại Thư viện. [H9.09.02.11],[H10.10.05.03]. Các kết quả khảo sát này đều được gửi đến các đơn vị có liên quan làm cơ sở cải tiến chất lượng dịch vụ trong các kế hoạch công tác ĐBCL hàng năm [H10.10.05.04], [H10.10.01.02]. Tuy nhiên, Thư viện trường vẫn chưa thu hút được nhiều HV đến tìm tài liệu và nghiên cứu. Do nhóm đối tượng HV SDH đa số đã đi làm

và đi học ngoài giờ. Vì vậy, quỹ thời gian đến thư viện là rất ít. Do đó thư viện sẽ cần có kế hoạch để thu hút các HV đến đông hơn.

Về chất lượng của hệ thống thông tin: Trường cũng tiến hành trang bị gói thầu: Mua sắm, cài đặt các phần mềm ứng dụng phục vụ quản lý, giảng dạy và học tập của trường [H9.09.04.02-03]. Nhằm không ngừng hoàn thiện chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, theo đó Viện ĐTSĐH phối hợp với Phòng KT-QLCL tiến hành thu thập ý kiến đánh giá của SV, HV, GV về chất lượng dịch vụ hỗ trợ. Kết quả khảo sát cho thấy HV đánh giá tốt về chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường [H10.10.05.05].

Về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ khác: Một kênh tiếp nhận phản hồi ý kiến của HV về chất lượng dịch vụ hỗ trợ là vai trò của giáo viên chủ nhiệm các lớp học phần. Thông qua kênh này, những hư hỏng, hạn chế của các phương tiện, dịch vụ hỗ trợ được ghi nhận và chỉnh sửa kịp thời [H10.10.05.06]. Ngoài ra, để phục vụ HV là những đối tượng vừa đi làm vừa đi học, Viện ĐTSĐH luôn phân công người thường trực tại cơ sở học để hỗ trợ HV. Kết quả khảo sát các bên liên quan là cơ sở quan trọng để Trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ [H10.10.01.02].

Ngoài phản hồi từ các bên liên quan hàng năm, Trường có thành lập tổ kiểm kê tài sản cố định đến các đơn vị trong trường để kiểm tra đánh giá chất lượng của trang thiết bị, những thiết bị cũ, hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới [H9.09.01.03], [H9.09.01.05].

2. Điểm mạnh:

- Trường có văn bản quy định về quy trình ĐGCL các dịch vụ hỗ trợ của thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác.
- Có thực hiện việc giám sát, đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác.

3. Điểm tồn tại:

- Chưa thu hút được số đông HV đến thư viện.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Rà soát, cải tiến quy trình ĐGCL các dịch vụ hỗ trợ của thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đơn vị thực hiện: Phòng KT-QLCL. Thời gian thực

hiện: Năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Triển khai nghiên cứu khảo sát tìm hiểu các yếu tố thu hút HV đến với thư viện và ứng dụng vào thực tiễn tại trường. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Viện ĐTSĐH, Thư viện. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả:

Trước đây, trường chỉ có bộ phận ĐBCL là bộ phận chuyên trách thuộc phòng KT-QLCL phụ trách thu thập phản hồi ý kiến các bên liên quan. Các kế hoạch, báo cáo, chương trình hành động nhỏ lẻ, tạm thời, chưa mang tính hệ thống. Từ năm 2013, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được trường triển khai thực hiện có tính hệ thống, khoa học đúng trình tự từ cấp trường đến cấp khoa. Hội đồng ĐBCL của Trường được thành lập có nhiệm vụ: (1) Xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về ĐBCL và cải tiến chất lượng; (2) Định kỳ hàng năm, tổ chức họp triển khai và tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch; (3) Đề xuất tham mưu, tư vấn giải pháp đảm bảo và cải tiến chất lượng. Theo đó, giúp việc cho Hội đồng ĐBCL là một mạng lưới ĐBCL bên trong bao gồm 32 Tổ QLCL thuộc các đơn vị phòng/ban/khoa/trung tâm trực thuộc trường. Tổ QLCL thuộc phòng KT-QLCL là đầu mối giúp Hội đồng ĐBCL thực hiện các hoạt động ĐGCL giáo dục cấp trường, ĐGCL giáo dục các CTĐT và thực hiện các hoạt động khảo sát, ĐGCL thông qua phản hồi của các bên liên quan. Quy trình khảo sát được rà soát, cập nhật phù hợp [H10.10.06.01], [H10.10.01.01].

Để việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện khoa học, có độ tin cậy cao. Các Bộ phận chuyên trách đã xây dựng, hoàn thiện hệ thống các bảng hỏi phục vụ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để thu thập thông tin nhằm ĐGCL giáo dục CTĐT định kỳ. Các kế hoạch mẫu phiếu khảo sát đều được gửi công khai để lấy ý kiến từ tất cả các đơn vị trực thuộc trường. Đối với mỗi nhóm đối tượng khác nhau sẽ có bộ câu hỏi và thang đo khác nhau được điều chỉnh phù hợp cho mỗi giai đoạn đánh giá [H10.10.06.03], [H10.10.05.05], [H9.09.02.11], [H1.01.02.05]. Để đánh giá các quy trình và kế hoạch cũng như các kết quả phản hồi đáng tin cậy, cuối

năm trường đều tổ chức hội nghị về công tác ĐBCL toàn trường trong suốt 1 năm qua để đối sánh ý kiến các bên liên quan [H10.10.06.02].

Hàng năm, theo kế hoạch công tác ĐBCL và kế hoạch cải tiến chất lượng [H10.10.01.02], các bộ phận chuyên trách triển khai kế hoạch khảo sát hoạt động giảng dạy [H10.10.01.03], khảo sát DN về CTĐT [H10.10.01.04], Khảo sát hiệu quả hoạt động của thư viện [H9.09.02.11], khảo sát tình hình việc làm, chất lượng đào tạo dành cho cựu HV và khảo sát nội dung CTĐT dành cho GV, nhà khoa học, cán bộ quản lý trong lĩnh vực đào tạo [H1.01.02.05]. Tất cả các ý kiến phản hồi được tổng hợp, phân tích và đánh giá sau đó chuyển đến khoa TCNH, các đơn vị có liên quan nghiên cứu và điều chỉnh trong CTĐT [H1.01.02.04-5]. Tuy nhiên Khoa chưa thực hiện đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan theo thời gian hoặc theo từng đối tượng để nhận định điểm khác biệt. Từ kết quả đối sánh đó có kế hoạch cải tiến phù hợp.

2. Điểm mạnh:

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được tổ chức giá và cải tiến. Kết quả phản hồi được sử dụng để điều chỉnh CTĐT.

3. Điểm tồn tại:

Chưa đo lường độ tin cậy của các công cụ sử dụng, chưa đối sánh được ý kiến của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục giám sát việc thực hiện cơ chế, quy trình phản hồi của các bên liên quan. Đơn vị thực hiện: Phòng KT-QLCL, Khoa TCNH, Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Đối sánh các bên liên quan về chất lượng khóa học. Đối sánh kết quả khảo sát theo thời gian và theo từng đối tượng để nhận định điểm khác biệt. Từ đó có cải tiến phù hợp. Đơn vị thực hiện: Khoa TCNH, Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi đảm bảo thu thập các dữ liệu cần thiết làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT. Có quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, làm cơ sở cho việc rà soát, đánh giá CTĐT theo định kỳ. Thường xuyên rà soát, đánh giá quá trình dạy và học và kết quả học tập của HV để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Có các công trình NCKH liên quan đến hoạt động dạy và học, được sử dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của HV. Trường có văn bản quy định về quy trình ĐGCL các dịch vụ hỗ trợ của thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác. Có quy trình ĐGCL các dịch vụ hỗ trợ, làm cơ sở cho việc giám sát, đánh giá tính hiệu quả và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ.

Tuy nhiên, thư viện chưa thu hút được nhiều HV đến, chưa đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 10:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 10		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 10.1				4				4,16	5	100 (6/6)
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.

Mở đầu:

Trường ĐHTCM trong giai đoạn 2014 – 2018 đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý kết quả đầu ra trình độ ThS chuyên ngành TCNH nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng.

Trường đã xây dựng quy trình, phân công Viện ĐTSĐH chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học; phân tích nguyên nhân và đề ra các giải pháp đảm bảo tiến độ học tập và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp. NCKH trong HV cao học vừa là khuyến khích vừa là bắt buộc thể hiện ở hệ thống quy định, các hình thức nghiên cứu, từng bước nâng cao chất lượng luận văn ThS, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành và năng lực của HV. Trường đã xây dựng CSDL về việc làm của HV, định kỳ tiến hành khảo sát HV tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

Trường cũng đã xây dựng quy trình, phân công bộ phận tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan; định kỳ triển khai các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi, làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, CTĐT.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Khung thời gian học tập của CTĐT ThS chuyên ngành TCNH được quy định tối đa là 2 năm, việc kéo dài thời gian học tập của HV cao học không quá 2 năm. Quy định đào tạo trình độ ThS của Trường có nội dung tương ứng. Trường quan tâm và tạo điều kiện hỗ trợ để HV có thể hoàn tất CTĐT trong thời gian quy định [H1.01.01.03], [H5.05.01.02].

Mỗi khóa học, Trường có quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm cho mỗi lớp học phần [H8.08.03.03]. Nhiệm vụ của GVCN được quy định trong Sổ tay GVCN [H11.11.01.01], trong đó có nội dung tiếp nhận và xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo: HV nghỉ học tạm thời, chuyển cơ sở đào tạo, gia hạn thực hiện luận văn. Các trường hợp này, sau khi xử lý theo trình tự quy định, được lưu hồ sơ Viện ĐTSĐH [H11.11.01.02].

Mỗi lớp học phần cao học đều có ban cán sự lớp, do tập thể lớp bầu ra. Ban cán sự đóng vai trò cầu nối giữa tập thể lớp với GV, viên chức quản lý và các bộ phận hỗ trợ; trong đó có việc nắm bắt tình hình học tập của HV [H8.08.04.01].

Sau mỗi học kỳ, GVCN thống kê tình hình kết quả học tập và số lượng HV thôi học. Tình hình HV gia hạn luận văn (tối đa một năm) được theo dõi và quản lý bởi GVCN lớp. Định kỳ, Trường tiến hành xem xét và xử lý học vụ, cho thôi học các HV không hoàn thành nhiệm vụ học tập, kéo dài thời gian học tập quá thời hạn quy định [H11.11.01.03]. Trước khi xử lý học vụ, Trường ra thông báo danh sách và tiếp nhận thông tin phản hồi từ HV về nguyên nhân không hoàn thành nhiệm vụ [H11.11.01.04].

Bảng 11.1: Tỷ lệ thôi học từ khóa 1 đến khóa 6

Khóa	Khóa 1	Khóa 2	khóa 3	khóa 4	khóa 5	khóa 6
HV Thôi học	26	52	17	25	36	13
Tỷ lệ thôi học	15,85%	16,30%	20,99%	16,78%	14,01%	12,50%

Hiện nay, tỷ lệ thôi học của HV đang giảm dần. Ngoại trừ khóa 7 (chưa hết thời gian gia hạn tối đa 12 tháng), các khóa đào tạo khác có tỷ lệ tốt nghiệp cao (khóa 3 – 93,83%, khóa 4 – 88,91%). Trong đó, tỷ lệ tốt nghiệp trung bình là 83,65%. Nguyên nhân chính của việc kéo dài tiến độ học tập và thôi học là do thực hiện luận văn không kịp thời gian quy định (6 tháng), dẫn đến một số HV phải gia hạn.

2. Điểm mạnh:

- Có bộ phận, quy trình/công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp. Có tiến hành thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa đào tạo.

3. Điểm tồn tại:

- Chưa đề xuất các biện pháp giảm thiểu tỉ lệ thôi học.
- Chưa tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp trong nước và quốc tế.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Cải tiến quy trình/công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Tổng hợp nguyên nhân thôi học và tỷ lệ thôi học tương ứng; từ đó đề xuất giải pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Trường có bộ phận đề theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học cụ thể như sau.

Việc giám sát, theo dõi thời gian học tập của HV cao học được giao cho GVCN [H11.11.01.01], có sự phối hợp của ban cán sự lớp [H8.08.04.01].

Trong thực tế, trừ một số rất ít HV nghỉ học tạm thời trong quá trình học tập, hầu hết HV đều hoàn tất 3 học kỳ đầu tiên của CTĐT và thực hiện luận văn ThS (học kỳ 4). Tuy vậy, tỷ lệ HV hoàn tất luận văn và tốt nghiệp ThS đúng thời hạn dao động trong khoảng 71% đến ~80%, số còn lại phải gia hạn thời gian thực hiện luận văn, tối đa là 12 tháng [H11.11.02.01].

Bảng 11.2: Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học theo từng năm

Khóa	Số HV đầu khóa	Tỷ lệ người học hoàn thành chương trình trong thời gian			Tỷ lệ người học thôi học trong thời gian			
		2 năm	3 năm	4 năm	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Khóa 5	188	75,0%	4,8%	9,6%	0,0%	0,0%	14,01%	0,0%
Khóa 6	64	79,7%	9,4%	0,0%	0,0%	0,0%	12,50%	0,0%
Khóa 7	124	71,0%	29,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%

Kết quả thống kê thời gian tốt nghiệp cho thấy, tỷ lệ HV tốt nghiệp đúng hạn rất cao. Tỷ lệ trung bình HV tốt nghiệp đúng hạn của 3 khóa gần nhất là 75,23%.

Thực tế này đã được Trường xem xét và xử lý theo hướng: (1) gia tăng tỷ trọng học phần về phương pháp nghiên cứu, nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của HV cao học [H1.01.01.10]; (2) phân công người hướng dẫn khoa học phù hợp với định hướng nghiên cứu của HV [H4.04.02.05]; (3) Thư viện thuê tài khoản truy cập thông tin khoa học từ

Công truy cập nguồn tin điện tử của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia [H10.10.05.02]. Tuy nhiên, giải pháp này mới chỉ được áp dụng cho một khóa đào tạo đã tốt nghiệp (khóa 7), cần có thêm thời gian đánh giá tính hiệu quả của giải pháp này

Cho đến nay, theo số liệu công bố công khai của các cơ sở ĐTSĐH, về mặt chủ quan, Trường chưa có số liệu về thời gian tốt nghiệp trung bình của các cơ sở khác, nên chưa thể tiến hành đối sánh tỷ lệ tương ứng của mình.

2. Điểm mạnh:

- Có bộ phận, quy trình để theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa học trong cùng CTĐT.

- Có tiến hành tính thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT trong giai đoạn đánh giá.

- Tìm hiểu, phân tích nguyên nhân HV tốt nghiệp muộn và có đề xuất các biện pháp hỗ trợ HV giảm tối đa thời lượng học tập.

3. Điểm tồn tại:

- Chưa đề xuất các biện pháp giảm thiểu tỉ lệ thôi học.

- Chưa tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp trong nước và quốc tế.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tăng cường tìm hiểu, phân tích nguyên nhân HV tốt nghiệp muộn và đề xuất nhiều biện pháp hỗ trợ HV. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Tổng kết, đánh giá hiệu quả các giải pháp hỗ trợ HV hoàn thành luận văn trong thời gian quy định. Tìm hiểu tỷ lệ tốt nghiệp trong nước và quốc tế để tiến hành đối sánh. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức (5/7)

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Đặc thù của CTĐT ThS nói chung và ngành TCNH nói riêng là HV đại đa số là người đang làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước (ngành thuế, kho bạc, hải quan), tại các tổ chức tài chính (ngân hàng, công ty tài chính, chứng khoán, bảo hiểm...), tại các DN và tổ chức khác. Do đó, mối quan tâm của HV không phải là việc làm, mà là nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực công tác, và đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác.

Viện ĐTSDH đã xây dựng CSDL về thông tin HV, trong đó có nội dung đơn vị công tác và vị trí công tác [H11.11.03.01]. Các thông tin này là cơ sở để Trường tiến hành khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về những năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm mà HV đạt được sau khi tốt nghiệp [H10.10.01.06]; cũng như khảo sát cựu HV về những tiến bộ trong kiến thức và kỹ năng, những cải thiện về cơ hội việc làm đã đạt được sau khóa học [H11.11.03.02].

Kết quả khảo sát sau mỗi khóa học được sử dụng như là một cơ sở để điều chỉnh chính sách tuyển sinh hàng năm cho các khóa sau [H8.08.01.04], [H2.02.01.03]. Qua khảo sát, gần 70% số HV phản hồi tự đánh giá là cải thiện cơ hội tìm kiếm việc làm tốt hơn việc làm hiện tại; hơn 70% có cơ hội thăng tiến cao hơn tại đơn vị công tác.

Cho đến nay, theo số liệu công bố công khai của các cơ sở ĐTSDH, về mặt chủ quan, Trường chưa có số liệu về tỷ lệ có việc làm hoặc cải thiện cơ hội làm việc của các cơ sở khác, nên chưa thể tiến hành đối sánh tỷ lệ tương ứng của mình.

2. Điểm mạnh:

- Có khảo sát HV tốt nghiệp về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá. Có khảo sát nhà tuyển dụng về cải thiện năng lực HV sau tốt nghiệp.
- Có số liệu tin cậy về việc làm của HV.
- Có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục.

3. Điểm tồn tại:

- Chưa tiến hành đối sánh tỉ lệ có việc làm trong nước và quốc tế.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Gia tăng số lượng người tham gia khảo sát. Tăng cường tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm liên quan đến cơ hội việc làm. Đơn vị thực hiện: Viện

ĐTSĐH, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế khi có thông tin tương ứng từ bên ngoài. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Các hoạt động nghiên cứu của HV cao học được quy định trong quá trình học và luận văn ThS. Hoạt động nghiên cứu trong quá trình học gắn với yêu cầu, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá; cụ thể là tiến hành lược khảo các nghiên cứu trước (literature reviews) theo các hướng nghiên cứu trong học phần, viết tiểu luận nhóm, tiểu luận cá nhân về các vấn đề nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu này được GV đánh giá, thể hiện trong điểm quá trình hoặc điểm kết thúc học phần, tùy theo học phần cụ thể [H2.02.02.01]. Thông qua các hoạt động này, HV có thể thực hành những kiến thức đã được học trong các học phần về phương pháp nghiên cứu [H2.02.01.01], đồng thời chuẩn bị cho việc lựa chọn hướng nghiên cứu để thực hiện luận văn ThS.

Một đặc trưng của CTĐT ThS là HV bắt buộc phải thực hiện luận văn ThS, và luận văn ThS theo quy định là một báo cáo khoa học [H1.01.01.03], [H5.05.01.02].

Tại mỗi khóa đào tạo, căn cứ vào ngành, đơn vị và vị trí công tác, những gợi ý từ phía GV học phần, HV vào học kỳ 3 đăng ký tên đề tài và đề xuất người hướng dẫn khoa học (tối đa 2 vị trí). Căn cứ vào hướng nghiên cứu của GV, chỉ tiêu hướng dẫn theo quy định và nguyện vọng của HV, Tiểu ban TCNH tiến hành họp và đề xuất danh sách luận văn, người hướng dẫn khoa học để Trường ra quyết định [H4.04.02.05].

Luận văn ThS do HV thực hiện, nếu người hướng dẫn khoa học thấy đáp ứng yêu cầu sẽ đề nghị cho bảo vệ, và luận văn sẽ được đánh giá tại Hội đồng đánh giá luận văn. Trình tự, thủ tục, hồ sơ của quá trình thực hiện luận văn ThS được quy định và tuân thủ [H1.01.01.03].

Luận văn sau khi đã hoàn tất chỉnh sửa sau Hội đồng được lưu bản cứng và file mềm tại Thư viện trường để lưu trữ và cho bạn đọc tham khảo. Danh sách luận văn ThS đã thực hiện được tổng hợp theo khóa đào tạo [H11.11.04.01].

Hàng năm, Tiểu ban TCNH xem xét đề bổ sung các định hướng nghiên cứu mới, đồng thời loại bỏ các định hướng nghiên cứu không còn khả năng phát triển [H11.11.04.02].

Các khoản chi cho hoạt động thực hiện luận văn của HV (thù lao hướng dẫn, thù lao hội đồng chấm luận văn) được Trường tổng hợp và đánh giá hàng năm [H11.11.04.03].

Cho đến nay, do hạn chế về dữ liệu công bố công khai từ các cơ sở ĐTSĐH khác, về mặt chủ quan, Trường chưa thể đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của HV với các cơ sở đào tạo khác.

2. Điểm mạnh:

- Có xác lập được các hình thức nghiên cứu (trong quá trình học, luận văn) và số lượng các hoạt động NCKH cho HV tương thích với mục tiêu và CDR của CTĐT.
- Có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá hình thức nghiên cứu và các hoạt động NCKH của HV.
- Có các đề xuất, phê duyệt hướng nghiên cứu phù hợp với sự phát triển của ngành, phù hợp với khả năng của HV.

3. Điểm tồn tại:

- Chưa thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của HV giữa các cơ sở đào tạo khác nhau.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm nhằm tìm ra những hướng nghiên cứu mới, giúp HV có định hướng phù hợp. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Năm 2020.
- **Khắc phục tồn tại:** Tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế khi có thông tin tương ứng từ bên ngoài. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Mức độ hài lòng của các bên liên quan là một thang đo của chất lượng dịch vụ (Theo Parasuraman, 1998). Bên cạnh đối tượng HV, Trường xác định các bên liên quan chính yếu khác là GV, nhà tuyển dụng, viên chức quản lý.

Nhằm đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng đào tạo, Trường đã ban hành quy định ĐBCL và qui trình khảo sát các bên liên quan [H10.10.01.01]. Trong quy định này, đối với CTĐT ThS chuyên ngành TCNH, việc khảo sát HV được giao cho Viện ĐTSĐH. Nội dung khảo sát bao gồm: (1) HV ĐGCL giảng dạy của GV vào mỗi học kỳ; (2) ĐGCL khóa học dành cho HV năm cuối [H10.10.01.03-4].

Cũng theo quy định trên, hàng năm, sau khi kết thúc khóa đào tạo, Viện ĐTSĐH tiến hành khảo sát chất lượng đào tạo từ các bên liên quan chính: (1) cựu HV cao học – khảo sát việc làm và chất lượng khóa học; (2) nhà tuyển dụng – khảo sát về chất lượng đào tạo ThS; (3) GV – khảo sát về CTĐT [H1.01.02.04, H1.01.02.05].

Khảo sát gần nhất cho thấy hơn 80% HV phản hồi hài lòng về chất lượng CTĐT của Trường (61,6% theo mức độ 4 và 20,5% theo mức độ 5 trên thang đo Likert 5 mức độ).

Kết quả khảo sát từ phía các bên liên quan là một cơ sở quan trọng để Khoa TCNH và nhóm rà soát CTĐT tiến hành xem xét, đánh giá, cập nhật, bổ sung CTĐT theo định kỳ [H1.01.02.04], [H1.01.03.03]; đồng thời cũng là cơ sở để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm [H10.10.01.02], [H11.11.05.01].

2. Điểm mạnh:

- Có bộ phận, quy trình, công cụ, phương pháp tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan (GV, HV, người tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động...).
- Triển khai các hoạt động để khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.
- Khai thác, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, CTĐT.

3. Điểm tồn tại:

- Chưa có phương pháp/công cụ giám sát khách quan việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan..

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Triển khai nhiều phương thức khác nhau để khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan như phát phiếu, tổ chức hội thảo, tọa đàm, thành lập ban liên lạc cựu HV,... Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSDH, Khoa TCNH. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Xây dựng phương pháp, công cụ giám sát việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan. Đơn vị thực hiện: Phòng KT- QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

5. **Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 11:

Trường và Viện ĐTSDH về cơ bản đã có đầy đủ các văn bản pháp lý cũng như cơ chế phù hợp với sự phân công, phân nhiệm rõ ràng trong việc theo dõi và giám sát các vấn đề liên quan đến tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, hoạt động NCKH. Ngoài ra, Trường và Viện ĐTSDH cũng đã có những qui định cụ thể và rõ ràng về việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan (người học, cựu SV, CB- GV và NTD), đồng thời có sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, CTĐT.

Tuy nhiên, Viện ĐTSDH chưa tiến hành đối sánh các tỷ lệ đầu ra của Trường với các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế, chưa có phương pháp/công cụ giám sát khách quan việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 11:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 11		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			

Tiêu chí 11.1				4				4,20	5	100 (5/5)
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						

PHẦN III: KẾT LUẬN

Việc triển khai công tác TĐG CTĐT ThS chuyên ngành TCNH có ý nghĩa quan trọng. Đây là cơ hội để Trường, Viện ĐTSĐH, Khoa TCNH và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong Trường tự ĐGCL các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ cộng đồng đối với trình độ ThS chuyên ngành TCNH. Thông qua quá trình thu thập MC, viết báo cáo, Trường đã nhận dạng được những mặt mạnh, những mặt tồn tại trong công tác quản lý, phát triển, vận hành CTĐT, các hoạt động dịch vụ hỗ trợ HV và phục vụ cộng đồng... Từ việc TĐG đối chiếu với các tiêu chuẩn, Khoa TCNH đã đề xuất những giải pháp khắc phục những tồn tại, cải tiến chất lượng trong quá trình hoạt động của mình.

3.1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

- **Về mục tiêu và CĐR của CTĐT:** Mục tiêu của CTĐT ThS chuyên ngành TCNH của trường được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường. CĐR của CTĐT ThS chuyên ngành TCNH được xây dựng theo một quy trình rõ ràng, được điều chỉnh và bổ sung kịp thời trên cơ sở tham khảo ý kiến của các nhà tuyển dụng, GV, HV và nhu cầu nhân lực ngành TCNH. CĐR được công bố rộng rãi trên các website của trường, của Viện ĐTSĐH và khoa TCNH.
- **Về bản mô tả CTĐT:** CTĐT ThS chuyên ngành TCNH của khoa có bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo định kỳ và theo xu hướng mới về đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực TCNH. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đề cương học phần đều được cung cấp đầy đủ cho HV và được công bố rộng rãi và công khai, dễ tiếp cận.
- **Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học:** Chương trình dạy học xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt CĐR đối với CTĐT ThS chuyên ngành tài chính – Ngân hàng, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần cũng được xác định rõ. Cấu trúc, trình tự của các học phần theo các nhóm kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành, luận văn được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ có tính logic cao. Các học phần và nội dung học phần có hệ thống tích hợp liên quan chặt chẽ với nhau được thể kế và mô tả trong chương trình.
- **Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học:** CTĐT ThS chuyên ngành TCNH là đã xây dựng một phương thức đào tạo linh hoạt, mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi

đồng thời cũng nâng cao tính chủ động cho HV. Các học phần chính thức và hỗ trợ tăng cường cùng các yêu cầu tự học được thiết kế phù hợp để HV từng bước đạt được CDR về chuyên môn và ngoại ngữ. Đây chính là chìa khóa giúp công tác đào tạo của Khoa và Trường đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

- **Về đánh giá kết quả học tập của HV:** Việc đánh giá kết quả học tập của HV CTĐT ThS chuyên ngành TCNH được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GDĐT và qui định của Trường, phù hợp với CDR, được thông báo rõ ràng và công khai tới HV với các phương pháp đánh giá khá đa dạng, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để HV cải thiện việc học tập.

- **Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên:** Đội ngũ GV của Chương trình ThS chuyên ngành TCNH có trình độ chuyên môn cao, có năng lực ngoại ngữ khá, do vậy, công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của khoa đã đạt được những thành tích nổi bật. Trong NCKH, đội ngũ GV của khoa là chủ trì đề tài và tham gia nhiều loại hình nghiên cứu, hoàn thành vượt mức số giờ NCKH theo quy định, nhiều GV được khen thưởng về thành tích NCKH. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của khoa và Trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển ĐH ứng dụng của Trường.

- **Về đội ngũ nhân viên:** Đội ngũ cán bộ hỗ trợ đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện một cách công bằng, có tác dụng kích thích, động viên lớn.

- **Về người học và hoạt động hỗ trợ người học:** Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, công bố công khai và có điều chỉnh, cập nhật; Tiêu chí tuyển sinh, đối tượng ưu tiên được xác định phù hợp quy định, có sự tham gia của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động; Có hệ thống giám sát, đánh giá tiến độ học tập và rèn luyện của HV cao học; Trường có môi trường, cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân HV.

- **Về CSVC và trang thiết bị:** Trường quan tâm tạo điều kiện về CSVC, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Bên cạnh đó, Khoa cũng nỗ lực trong việc đầu tư cho hệ thống CSVC, môi trường làm việc và học tập trong khoa.

- **Về nâng cao chất lượng:** Trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi đảm bảo thu thập các dữ liệu cần thiết làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT. Thường

xuyên rà soát, đánh giá quá trình dạy và học và kết quả học tập của HV để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.- Có các công trình NCKH liên quan đến hoạt động dạy và học, được sử dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của HV.

- **Về kết quả đầu ra:** - Có bộ phận, quy trình theo dõi, cập nhật danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp; thực hiện công tác thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa đào tạo; theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa học trong cùng CTĐT; tìm hiểu, phân tích nguyên nhân HV tốt nghiệp muộn và có đề xuất các biện pháp hỗ trợ HV giảm tối đa thời lượng học tập. Định kỳ khảo sát HV tốt nghiệp về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá và khảo sát nhà tuyển dụng về cải thiện năng lực HV sau tốt nghiệp. Có bộ phận, quy trình tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan; định kỳ triển khai các hoạt động để khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan; sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, CTĐT.

3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

Bên cạnh những ưu điểm cần phát huy, trong quản lý CTĐT, vẫn còn những vấn đề cần cải tiến chất lượng. Cụ thể:

- **Về mục tiêu và CĐR của CTĐT:** Số lượng nhà tuyển dụng, nhà khoa học tham gia vào công tác xây dựng và rà soát CĐR cũng như nội dung CTĐT chưa nhiều. CĐR chỉ được công bố trên các website của trường, của khoa, do đó cần được công bố rộng rãi hơn trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- **Về bản mô tả CTĐT:** Các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá HV, còn đơn giản, chưa chi tiết và cụ thể trong ĐCCT.

- **Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học:** Việc lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục.

- **Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học:** Tổ chức thực hiện phương pháp tiếp cận dạy và học đã gặp khó khăn, HV còn thụ động trong việc xây dựng kế hoạch học tập và tiếp thu kiến thức, do vậy ảnh hưởng đến kết quả CĐR.

- **Về đánh giá kết quả học tập của HV:** Các phương pháp đánh giá chưa được đa dạng, đồng bộ.
- **Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên:** Chưa có đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài còn chưa nhiều. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú, số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo và tạp chí quốc tế còn chưa nhiều.
- **Về đội ngũ nhân viên:** Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên chưa được lượng hóa cụ thể, cơ bản vẫn còn định tính.
- **Về HV và hoạt động hỗ trợ HV:** Chưa có sự phân tích, đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hàng năm; Chưa lấy ý kiến phản hồi của HV về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đầu vào.
- **Về CSVC và trang thiết bị:** Nguồn học liệu tiếng Anh hiện có tại thư viện để phục vụ cho ngành TCNH chưa phong phú. Chưa có nhiều sự hợp tác và liên kết với các Thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện.
- **Về nâng cao chất lượng:** Chưa lấy ý kiến phản hồi của GV và các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT. Chưa đo lường độ tin cậy của các công cụ sử dụng, chưa đối sánh được ý kiến của các bên liên quan.
- **Về kết quả đầu ra:** Chưa tiến hành đối sách các tỷ lệ đầu ra của Trường với các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế. Chưa đề xuất các biện pháp giảm thiểu tỉ lệ thôi học, tổ chức tổng kết/đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ HV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

Trong những năm tới, Trường sẽ tập trung kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT cụ thể như sau:

- **Về mục tiêu và CĐR của CTĐT:** Khi xây dựng CĐR và CTĐT cần khảo sát các bên liên quan với số lượng nhiều. Bên cạnh đó CĐR khi ban hành cần được công bố rộng rãi hơn trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Về bản mô tả CTĐT: Xây dựng kế hoạch rà soát điều chỉnh, đối chiếu, cập nhật CTĐT theo quy định. Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng đề cương môn học đúng chuẩn, gắn kết CĐR.

- **Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học:** Thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh CTĐT thực hiện thường xuyên, liên tục.
- **Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học:** Tổ chức và giám sát HV chủ động trong việc xây dựng kế hoạch học tập và tiếp thu kiến thức, để HV đạt được CDR và ra trường đúng hạn.
- **Về đánh giá kết quả học tập của HV:** Đa dạng các phương pháp đánh giá HV và được thể hiện cụ thể chi tiết trong ĐCCT.
- **Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên:** Đội ngũ GV cần có nhiều đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài, các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường và ngoài trường, tăng số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo và tạp chí quốc tế thông qua việc thành lập nhóm nghiên cứu, Trường tạo điều kiện về thời gian và tài chính, có chế độ khen thưởng xứng đáng dành cho các GV, công trình xuất sắc.
- **Về đội ngũ nhân viên:** Xây dựng các tiêu chí cụ thể, được lượng hóa bằng tiêu chí định lượng nhằm đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện một cách công bằng, có tác dụng kích thích, động viên lớn.
- **Về HV và hoạt động hỗ trợ HV:** Khoa cần thực hiện báo cáo đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hàng năm; Thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của HV về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đầu vào.
- **Về CSVC và trang thiết bị:** Khoa kết hợp với thư viện bổ sung nguồn học liệu tiếng Anh để phục vụ cho ngành TCNH. Thư viện xây dựng kế hoạch hợp tác và liên kết với các Thư viện khác để chia tài nguyên thông tin.
- **Về nâng cao chất lượng:** Thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV và các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, thực hiện đo lường độ tin cậy của các công cụ sử dụng trong việc lấy ý kiến.
- **Về kết quả đầu ra:** Tiến hành đối sánh các tỷ lệ đầu ra của Trường với các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế. Đề xuất các giải pháp giảm thiểu tỉ lệ thôi học, tổ chức tổng kết/đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ HV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

3.4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT

Bảng Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Tài chính-Marketing

Mã trường: DMS

Tên CTĐT: Trình độ ThS chuyên ngành TCNH

Mã CTĐT: 8340201

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,33	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,33	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,33	3	100
Tiêu chí 4.1					5					

Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5,20	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5						6				
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4,14	7	100
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								4,40	5	100
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3				4						

Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								4,80	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								4,60	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								4,16	6	100
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5				4						

Tiêu chí 10.6				4						
<i>Tiêu chuẩn 11</i>										
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,48	50	100

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2019



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Đức Long

PHẦN IV: PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký

BỘ TÀI CHÍNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: <u>881/QĐ-ĐHTCM</u>	Tp. Hồ Chí Minh, ngày <u>19</u> tháng <u>5</u> năm 2018
QUYẾT ĐỊNH Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ	
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính-Hải quan vào Trường Đại học Tài chính-Marketing; Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Tài chính-Marketing giai đoạn 2015-2017; Căn cứ Kế hoạch số 193/KH-ĐHTCM-KT&QLCL ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2018; Căn cứ Kế hoạch số 563/KH-ĐHTCM-KT&QLCL ngày 23/4/18 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing về triển khai tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2018; Xét đề nghị của Trường khoa Tài chính-Ngân hàng,	
QUYẾT ĐỊNH:	
Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo; Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.	
Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá CTĐT chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá CTĐT của Cục Khảo thí & Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng). Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.	
Điều 3. Các ông/bà Trường khoa Tài chính-Ngân hàng, Trường khoa Đào tạo sau đại học, Trường phòng Khảo thí-Quản lý chất lượng và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.	
Nơi nhận: - Như Điều 3; - Lưu: VT, K.TCNH, KĐTSDH, KT-QLCL	HIỆU TRƯỞNG  TS. Hoàng Đức Long



DANH SÁCH

Thành viên Hội đồng tự đánh giá CTĐT chuyên ngành
Tài chính – Ngân hàng trình độ thạc sĩ
(Kèm theo Quyết định số: 881/QĐ-DHTCM ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Tài chính – Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hoàng Đức Long	Tiến sĩ, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Văn Hiến	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Hồ Thủy Tiên	PGS, Tiến sĩ, Trưởng khoa TCNH	Phó chủ tịch
4	Phạm Thế Vinh	Thạc sĩ, Trưởng phòng KT - QLCL	Thành viên, Thư ký HĐ
5	Phạm Quốc Việt	Tiến sĩ, Trưởng Khoa đào tạo SDH	Thành viên
6	Trần Huy Hoàng	PGS, Tiến sĩ, Phó khoa TCNH	Thành viên
7	Bùi Hữu Phước	Tiến sĩ, Phó khoa TCNH	Thành viên
8	Hứa Minh Tuấn	Thạc sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
9	Phạm Hữu Hồng Thái	PGS, Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
10	Lê Trung Đạo	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
11	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng TCHC	Thành viên
12	Bảo Trung	Tiến sĩ, Trưởng phòng QLKH	Thành viên
13	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng QTTB	Thành viên
14	Đặng Thị Ngọc Lan	Tiến sĩ, PHT – Trưởng phòng QLĐT	Thành viên
15	Hoàng Mạnh Khánh	Học viên cao học khóa 10 TCNH	Thành viên

Danh sách gồm có: 15 người

DANH SÁCH
Điểm thư ký Hội đồng tự đánh giá CTĐT chuyên ngành
Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ
 (Kèm theo Quyết định số 182/QĐ-ĐHTCM ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Thế Vinh	Thạc sĩ, Trưởng phòng KT-QLCL	Trưởng ban
2	Đàm Đức Tuyên	Thạc sĩ, Phó Trưởng phòng KT-QLCL	Phó Trưởng ban
3	Lưu Khánh Linh	Thạc sĩ, cán sự phòng KT-QLCL	Thành viên
4	Phan Thị Hương	Thạc sĩ, chuyên viên phòng KT-QLCL	Thành viên
5	Vũ Mạnh Thành	Thạc sĩ, chuyên viên phòng KT-QLCL	Thành viên
6	Tạ Thị Thu Anh	Thạc sĩ, cán sự phòng KT-QLCL	Thành viên
7	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Phó giáo sư, giảng viên khoa TCNH	Thành viên
8	Phan Thị Mỹ Hạnh	Tiến sĩ, giảng viên khoa TCNH	Thành viên
9	Trương Văn Khánh	Tiến sĩ, Trưởng bộ môn NH, khoa TCNH	Thành viên
10	Lê Thị Thúy Hằng	Thạc sĩ, giảng viên khoa TCNH	Thành viên
11	Trần Nhân Phúc	Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa đào tạo SĐH	Thành viên
12	Trần Thanh Long	Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa đào tạo SĐH	Thành viên

Danh sách gồm có 12 người



DANH SÁCH

Nhóm công tác thuộc Hội đồng tự đánh giá CTĐT chuyên ngành

Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ

(Kèm theo Quyết định số 824/QĐ-ĐHTCM ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Nhóm 1:

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hồ Thủy Tiên	Phó Giáo sư, Trưởng khoa TCNH	Trưởng nhóm
2	Trần Nhân Phúc	Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa ĐT SĐH	Thành viên, thư ký
3	Trần Huy Hoàng	Phó giáo sư, Phó khoa TCNH	Thành viên
4	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Phó giáo sư, giảng viên khoa TCNH	Thành viên
5	Phan Thị Mỹ Hạnh	Tiến sĩ, giảng viên khoa TCNH	Thành viên

Nhóm 2:

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng (6 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Quốc Việt	Tiến sĩ, Trưởng khoa đào tạo SĐH	Trưởng nhóm
2	Trương Văn Khánh	Tiến sĩ, Trưởng bộ môn Ngân hàng	Thành viên, thư ký
3	Bùi Hữu Phước	Tiến sĩ, Phó khoa TCNH	Thành viên
4	Lê Thị Thúy Hằng	Thạc sĩ, giảng viên khoa TCNH	Thành viên

Nhóm 3:

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (7 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng TCHC	Trưởng nhóm
2	Trần Thanh Long	Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa ĐT SĐH	Thành viên, thư ký
3	Bảo Trung	Tiến sĩ, Trưởng phòng QLKH	Thành viên
4	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng QTTB	Thành viên

Danh sách gồm có: 13 người

Phụ lục 2: Quyết định thay đổi bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~1948~~/QĐ-ĐHTCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính-Hải quan vào Trường Đại học Tài chính-Marketing;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Tài chính-Marketing giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Kế hoạch số 193/KH-ĐHTCM-KT&QLCL ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2018;

Căn cứ Kế hoạch số 563/KH-ĐHTCM-KT&QLCL ngày 23/4/18 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing về triển khai tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-ĐHTCM ngày 29/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ;

Xét đề nghị của Trường khoa Tài chính-Ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi, bổ sung thành viên Ban thư ký và nhóm công tác thuộc Hội đồng tự đánh giá CTĐT chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ, cụ thể như sau:

- Bà Phạm Thanh Truyền thay cho bà Nguyễn Thị Mỹ Linh, là thành viên Ban thư ký
- Bà Hồ Thu Hoài thay cho ông Trương Văn Khánh, là thành viên Ban thư ký.
- Bà Chu Thị Thanh Trang thay cho bà Lê Thị Thủy Hằng, là thành viên Ban thư ký.
- Bà Phạm Thị Thúy Nga là thành viên nhóm công tác.

Điều 2. Các ông/bà Trường khoa Tài chính-Ngân hàng, Trường khoa Đào tạo sau đại học, Trường phòng Khảo thí-Quản lý chất lượng và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *N*

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, K.TCNH, KĐTSDH, KT-QLCL

HIỆU TRƯỞNG *h*



Hoàng Đức Long



DANH SÁCH

**Thành viên Hội đồng tự đánh giá CTĐT chuyên ngành
Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ**

*(Kèm theo Quyết định số 12.22/QĐ-DHTCM ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Tài chính-Marketing)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hoàng Đức Long	Tiến sĩ, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Văn Hiến	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Hồ Thủy Tiên	Phó giáo sư, Trưởng khoa TCNH	Phó chủ tịch
4	Phạm Thế Vinh	Thạc sĩ, Trưởng phòng KT-QLCL	Thành viên, thư ký HĐ
5	Phạm Quốc Việt	Tiến sĩ, Trưởng khoa đào tạo SDH	Thành viên
6	Trần Huy Hoàng	Phó giáo sư, Phó khoa TCNH	Thành viên
7	Bùi Hữu Phước	Tiến sĩ, Phó khoa TCNH	Thành viên
8	Hứa Minh Tuấn	Thạc sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
9	Phạm Hữu Hồng Thái	Phó giáo sư, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
10	Lê Trung Đạo	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
11	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng TCHC	Thành viên
12	Bảo Trung	Tiến sĩ, Trưởng phòng QLKH	Thành viên
13	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng QTTB	Thành viên
14	Đặng Thị Ngọc Lan	Tiến sĩ, PHT-Trưởng phòng QLĐT	Thành viên
15	Hoàng Mạnh Khánh	Học viên cao học khóa 10 TCNH	Thành viên

Danh sách gồm có: 15 người

DANH SÁCH
Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá CTĐT chuyên ngành
Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ
(Kèm theo Quyết định số 122/QĐ-DHTCM ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Thế Vinh	Thạc sĩ, Trưởng phòng KT-QLCL	Trưởng ban
2	Đàm Đức Tuyên	Thạc sĩ, Phó Trưởng phòng KT-QLCL	Phó Trưởng ban
3	Lưu Khánh Linh	Thạc sĩ, cán sự phòng KT-QLCL	Thành viên
4	Phan Thị Hương	Thạc sĩ, chuyên viên phòng KT-QLCL	Thành viên
5	Vũ Mạnh Thành	Thạc sĩ, chuyên viên phòng KT-QLCL	Thành viên
6	Tạ Thị Thu Anh	Thạc sĩ, cán sự phòng KT-QLCL	Thành viên
7	Phạm Thanh Truyền	Thạc sĩ, giảng viên khoa TCNH	Thành viên
8	Phan Thị Mỹ Hạnh	Tiến sĩ, giảng viên khoa TCNH	Thành viên
9	Hồ Thu Hoài	Thạc sĩ, Trưởng bộ môn NH, khoa TCNH	Thành viên
10	Chu Thị Thanh Trang	Thạc sĩ, giảng viên khoa TCNH	Thành viên
11	Trần Nhân Phúc	Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa đào tạo SDH	Thành viên
12	Nguyễn Thanh Long	Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa đào tạo SDH	Thành viên

Danh sách gồm có: 12 người

DANH SÁCH
Nhóm công tác thuộc Hội đồng tự đánh giá CTĐT chuyên ngành
Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ
(Kèm theo Quyết định số 1992/QĐ-ĐHTCM ngày 22 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing)

Nhóm 1:

- Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (3 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo (3 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (3 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học (3 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hồ Thủy Tiên	Phó Giáo sư, Trưởng khoa TCNH	Trưởng nhóm
2	Hồ Thu Hoài <i>GV</i>	Thạc sĩ, Trưởng bộ môn Ngân hàng	Thành viên, thư ký
3	Trần Huy Hoàng	Phó giáo sư, Phó khoa TCNH	Thành viên
4	Chu Thị Thanh Trang	Thạc sĩ, giảng viên khoa TCNH	Thành viên
5	Phan Thị Mỹ Hạnh	Tiến sĩ, giảng viên khoa TCNH	Thành viên

Nhóm 2:

- Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học (5 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng (6 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Quốc Việt	Tiến sĩ, Trưởng khoa đào tạo SDH	Trưởng nhóm
2	Phạm Thị Thủy Nga	Thạc sĩ, giảng viên khoa TCNH	Thành viên, thư ký
3	Bùi Hữu Phước	Tiến sĩ, Phó khoa TCNH	Thành viên
4	Phạm Thanh Truyền	Thạc sĩ, giảng viên khoa TCNH	Thành viên

Nhóm 3:

- Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (7 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên (5 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng TCHC	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Thanh Long	Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa ĐT SDH	Thành viên, thư ký
3	Bảo Trung	Tiến sĩ, Trưởng phòng QLKH	Thành viên
4	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng QTTB	Thành viên

Danh sách gồm có: 13 người

Số: ~~795~~.../QĐ-ĐHTCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ~~25~~ tháng ~~4~~ năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính-Hải quan vào Trường Đại học Tài chính-Marketing;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Tài chính-Marketing giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-ĐHTCM ngày 29/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ;

Xét đề nghị của Trường khoa Tài chính-Ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá và thành viên Ban thư ký thuộc Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ, cụ thể như sau:

- Bổ sung ông Nguyễn Thanh Hải - Trưởng phòng Công tác Sinh viên, là thành viên Hội đồng tự đánh giá.
- Bổ sung bà Trần Thị Xuân Lan – chuyên viên phòng Khảo thí-QLCL, là thành viên Ban thư ký thuộc Hội đồng tự đánh giá.
- Xóa tên ông Phạm Hữu Hồng Thái – Phó Hiệu trưởng, là thành viên Hội đồng tự đánh giá.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông/bà Trường khoa Tài chính-Ngân hàng, Trưởng phòng Khảo thí-Quản lý chất lượng, Hội đồng tự đánh giá và các ông/bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT. ✓



Hoàng Đức Long

DANH SÁCH

Thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ

(Kèm theo Quyết định số 881/QĐ-ĐHTCM ngày 29/5/18, QĐ số 1948/QĐ-ĐHTCM ngày 22/10/18, QĐ số ~~225~~ QĐ-ĐHTCM ngày ~~25~~ 25/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hoàng Đức Long	Tiến sĩ, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Văn Hiến	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Hồ Thủy Tiên	Phó giáo sư, Trưởng khoa TCNH	Phó chủ tịch
4	Phạm Thế Vinh	Thạc sĩ, Trưởng phòng KT-QLCL	Thành viên, thư ký HĐ
5	Phạm Quốc Việt	Tiến sĩ, Viện Trưởng Viện đào tạo SDH	Thành viên
6	Trần Huy Hoàng	Phó giáo sư, Phó khoa TCNH	Thành viên
7	Bùi Hữu Phước	Tiến sĩ, Giảng viên khoa TCNH	Thành viên
8	Hứa Minh Tuấn	Thạc sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
9	Lê Trung Đạo	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
10	Nguyễn Thanh Hải	Thạc sĩ, Trưởng phòng CTSV	Thành viên
11	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng TCHC	Thành viên
12	Bảo Trung	Tiến sĩ, Trưởng phòng QLKH	Thành viên
13	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng QTTB	Thành viên
14	Đặng Thị Ngọc Lan	Tiến sĩ, PHT-Trưởng phòng QLĐT	Thành viên
15	Hoàng Mạnh Khánh	Học viên cao học khóa 10 TCNH	Thành viên

Danh sách gồm có: 15 người ✓

DANH SÁCH

Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ

(Kèm theo Quyết định số 881/QĐ-ĐHTCM ngày 29/5/18, Quyết định số 1948/QĐ-ĐHTCM ngày 22/10/18, Quyết định số ~~775~~ 775/QĐ-ĐHTCM ngày ~~25.7.4~~ 25/7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Thế Vinh	Thạc sĩ, Trưởng phòng KT-QLCL	Trưởng ban
2	Đàm Đức Tuyên	Thạc sĩ, Phó Trưởng phòng KT-QLCL	Phó Trưởng ban
3	Lưu Khánh Linh	Thạc sĩ, Cán sự phòng KT-QLCL	Thành viên
4	Trần Thị Xuân Lan	Cử nhân, Chuyên viên phòng KT-QLCL	Thành viên
5	Vũ Mạnh Thành	Thạc sĩ, Chuyên viên phòng KT-QLCL	Thành viên
6	Tạ Thị Thu Anh	Thạc sĩ, Cán sự phòng KT-QLCL	Thành viên
7	Phạm Thanh Truyền	Thạc sĩ, Giảng viên khoa TCNH	Thành viên
8	Phan Thị Mỹ Hạnh	Tiến sĩ, Giảng viên khoa TCNH	Thành viên
9	Hồ Thu Hoài	Thạc sĩ, Giảng viên khoa TCNH	Thành viên
10	Chu Thị Thanh Trang	Thạc sĩ, Giảng viên khoa TCNH	Thành viên
11	Phan Thị Hương	Thạc sĩ, Giảng viên khoa TCNH	Thành viên
12	Trần Nhân Phúc	Tiến sĩ, Phó Viện Trưởng Viện đào tạo SDH	Thành viên
13	Nguyễn Thanh Long	Tiến sĩ, Phó Viện Trưởng Viện đào tạo SDH	Thành viên

Danh sách gồm có: 13 người ✓

DANH SÁCH

Nhóm công tác thuộc Hội đồng tự đánh giá CTĐT chuyên ngành

Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ

(Kèm theo Quyết định số 881/QĐ-ĐHTCM ngày 29/5/18, Quyết định số 1948/QĐ-ĐHTCM ngày 22/10/18, Quyết định số ~~775~~/QĐ-ĐHTCM ngày ~~25~~/4/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing)

Nhóm 1:

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hồ Thủy Tiên	Phó Giáo sư, Trưởng khoa TCNH	Trưởng nhóm
2	Hồ Thu Hoài	Thạc sĩ, Giảng viên khoa TCNH	Thành viên, thư ký
3	Trần Huy Hoàng	Phó giáo sư, Phó khoa TCNH	Thành viên
4	Chu Thị Thanh Trang	Thạc sĩ, Giảng viên khoa TCNH	Thành viên
5	Phan Thị Mỹ Hạnh	Tiến sĩ, Giảng viên khoa TCNH	Thành viên

Nhóm 2:

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng (6 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Quốc Việt	Tiến sĩ, Viện Trưởng Viện đào tạo SDH	Trưởng nhóm
2	Phạm Thị Thúy Nga	Thạc sĩ, Giảng viên khoa TCNH	Thành viên, thư ký
3	Bùi Hữu Phước	Tiến sĩ, Giảng viên khoa TCNH	Thành viên
4	Phạm Thanh Truyền	Thạc sĩ, Giảng viên khoa TCNH	Thành viên

Nhóm 3:

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (7 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng TCHC	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Thanh Long	Tiến sĩ, Phó Viện Trưởng Viện ĐT SDH	Thành viên, thư ký
3	Bảo Trung	Tiến sĩ, Trưởng phòng QLKH	Thành viên
4	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng QTTB	Thành viên

Danh sách gồm có: 13 người ↗

Phụ lục 3: Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~755~~ /KH-ĐHTCM-HĐTĐG-CTĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ~~29~~ tháng 5 năm 2018

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) và đề đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của khoa theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Công cụ tự đánh giá

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGDĐT ban hành Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- Công văn số 1704/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2017 của Cục Khảo thí-Kiểm định chất lượng giáo dục, hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.

- Công văn số 1705/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2017 của Cục Khảo thí- Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn tự đánh giá (TĐG) CTĐT.

- Công văn số 1706/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2017 của Cục Khảo thí- Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn đánh giá ngoài CTĐT.

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của BGDĐT ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ KĐCL CTĐT của các trường ĐH, CĐ, TCCN.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng TĐG

Hội đồng TĐG CTĐT chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng trình độ thạc sĩ được thành lập theo Quyết định số ~~241~~ /QĐ-ĐHTCM ngày ~~22~~ /5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing. Hội đồng gồm có 15 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập các văn bản minh chứng để viết sơ bộ báo cáo tự đánh giá (SAR)	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5	Nhóm 1	Đến 20/6/2018	Có thể sớm hơn
2	Tiêu chuẩn 8, 10, 11	Nhóm 2	Đến 20/6/2018	
3	Tiêu chuẩn 6, 7, 9	Nhóm 3	Đến 20/6/2018	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Để chuẩn bị cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài, Hội đồng tự đánh giá cần huy động và sử dụng các nguồn lực sau:

TT	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Mục đích	Thời gian	Ghi chú
1	Toàn thể các bộ, giảng viên, chuyên viên trong khoa	- Tham gia cung cấp thông tin, thu thập minh chứng. - Góp ý, phản biện báo cáo tự đánh giá. - Trả lời phỏng vấn của Đoàn ĐGN (nếu có).	Đến 29/9/18	(Từ giai đoạn triển khai đến giai đoạn hoàn thành báo cáo TĐG và ĐGN nếu có)
2	Các văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành, kế hoạch, hướng dẫn, báo cáo tổng kết, giáo trình, bài giảng, hợp đồng giảng dạy, hồ sơ giảng viên, hồ sơ quản lý công việc, hồ sơ quản lý học viên, quản lý kết quả học tập...	Cung cấp thông tin để làm minh chứng viết báo cáo TĐG	Đến 29/9/18	
3	30 học viên đại diện cho các khóa	Tham gia trả lời phỏng vấn của Đoàn ĐGN	Theo kế hoạch ĐGN	
4	30 cựu học viên đại diện cho các khóa	Tham gia trả lời phỏng vấn của Đoàn ĐGN		
5	30 nhà tuyển dụng	Tham gia trả lời phỏng vấn của Đoàn ĐGN		
6	Cơ sở vật chất: các giảng đường, máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo	Làm minh chứng cho báo cáo TĐG và Đoàn ĐGN kiểm tra quan sát		
7	Kinh phí	- Hỗ trợ thù lao cho các nhóm thu thập minh chứng, viết báo cáo. - Hợp Hội đồng TĐG. - Photo văn bản hồ sơ minh chứng, đóng cuốn báo cáo TĐG.	Có dự trù kinh phí riêng	

		- Chuyên gia ngoài phản biện báo cáo TDG - Đăng ký kiểm định - Các chi phí phát sinh khác nếu có		
--	--	--	--	--

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài Trường và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu cần)

6.1. Khảo sát các bên liên quan

TT	Nội dung thông tin	Hình thức	Số lượng	Sản phẩm	Nguồn cung cấp thông tin	Tiến độ
1	Đánh giá hằng năm của học viên năm cuối về CTĐT. (năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017)	Bảng hỏi hoặc phỏng vấn	≥ 80%	- Dữ liệu gốc, quy trình, công cụ, kết quả xử lý số liệu. Dữ liệu thứ cấp. Biểu đồ - Biên bản phỏng vấn	P.KT-QLCL	Đến 31/5/18
2	Đánh giá của cựu học viên trong giai đoạn tự đánh giá. (năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017)	Bảng hỏi hoặc phỏng vấn	≥ 80%	- Dữ liệu gốc, quy trình, công cụ, kết quả xử lý số liệu. Dữ liệu thứ cấp. Biểu đồ - Biên bản phỏng vấn	Khoa ĐTSĐH	Đến 31/5/18
3	Đánh giá của giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT.	Bảng hỏi hoặc phỏng vấn	100%	- Dữ liệu gốc, quy trình, công cụ, kết quả xử lý số liệu. Dữ liệu thứ cấp. Biểu đồ - Biên bản phỏng vấn	Khoa ĐTSĐH,	Đến 31/5/18
4	Đánh giá hằng năm của nhà tuyển dụng về chất lượng người tốt nghiệp. (năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017)	Bảng hỏi hoặc phỏng vấn	≥ 80%	- Dữ liệu gốc, quy trình, công cụ, kết quả xử lý số liệu. Dữ liệu thứ cấp. Biểu đồ. - Biên bản phỏng vấn	Khoa ĐTSĐH	Đến 31/5/18
5	Đánh giá hằng năm của học viên về các hoạt động hỗ trợ người học. (năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017)	Bảng hỏi hoặc phỏng vấn	≥ 80%	- Dữ liệu gốc, quy trình, công cụ, kết quả xử lý số liệu. Dữ liệu thứ cấp. Biểu đồ	Khoa ĐTSĐH	Đến 31/5/18

				- Biên bản phỏng vấn		
6	Tình hình việc làm của học viên tốt nghiệp hằng năm. (năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017)	Bảng hỏi hoặc phỏng vấn	≥ 80%	- Dữ liệu gốc, quy trình, công cụ, kết quả xử lý số liệu. Dữ liệu thứ cấp. Biểu đồ - Biên bản phỏng vấn	Khoa ĐTSDH	Đến 31/5/18
7	Mức độ đáp ứng của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ khác so với yêu cầu của giảng viên và người học	Bảng hỏi hoặc phỏng vấn	≥ 80%	- Dữ liệu gốc, quy trình, công cụ, kết quả xử lý số liệu. Dữ liệu thứ cấp. Biểu đồ - Biên bản phỏng vấn	Khoa ĐTSDH phối hợp trực tiếp với Thư viện	Đến 31/5/18

6.2. Thông tin và các chỉ số đảm bảo chất lượng

TT	Nội dung thông tin	Hình thức	Sản phẩm	Nguồn cung cấp thông tin	Tiến độ
1	Thông tin và cơ sở dữ liệu chung của Trường	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	P.TCHC, QLĐT, QLKH, CTSV, KT-QLCL, QTTB và các đơn vị liên quan	Đến 28/5/18
2	Thông tin và cơ sở dữ liệu riêng của khoa	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Khoa và các đơn vị liên quan	Đến 28/5/18
3	Các chỉ số về giảng viên	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	P.TCHC	Đến 28/5/18
4	Các chỉ số về người học	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	K. ĐTSDH, QLKH.	Đến 28/5/18
5	Các chỉ số liên quan đến nhà tuyển dụng	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Khoa, và các đơn vị liên quan	Đến 28/5/18
6	Các chỉ số liên quan đến nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	P.QLKH	Đến 28/5/18
7	Các chỉ số liên quan đến cơ sở vật chất	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	P.QTTB, Thư viện	Đến 28/5/18

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Thuê chuyên gia từ Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục đọc phản biện báo cáo TĐG trong thời gian 2-3 tuần.

8. Thời gian biểu

Thời gian	Các hoạt động	Chịu trách nhiệm thực hiện	Hỗ trợ, giám sát việc thực hiện
	- Xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. - Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT, Ban thư ký và các nhóm công tác	P. KT-QLCL	Ban Giám hiệu
Từ 2/5 – 18/5/2018 (3 tuần)	- Hợp Hội đồng TĐG CTĐT để: công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; phân công về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác; phê duyệt Kế hoạch TĐG CTĐT.		
Từ 21/5- 20/7/2018 (8 tuần)	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Mô tả thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT. - Viết dàn ý cho báo cáo TĐG theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.	- Trưởng khoa (Phó chủ tịch HĐTĐG) lập bảng tiến độ thực hiện các công việc cụ thể của nhóm công tác và gửi về phòng KT-QLCL. - Trưởng, thư ký, thành viên các nhóm công tác thực hiện theo phân công và tiến độ đã đề ra	Ban thư ký HĐ (thuộc phòng KT-QLCL) sẽ phân công 01 nhân sự chịu trách nhiệm theo sát các nhóm để hỗ trợ và giám sát tiến độ thực hiện của các nhóm công tác.
Từ 23/7- 03/8/18 (2 tuần)	Tổng hợp từ dàn ý tiêu chí, tiêu chuẩn thành bản dự thảo báo cáo TĐG.	- Thư ký nhóm công tác	Ban thư ký HĐ (thuộc phòng KT-QLCL)
Từ 06/8- 17/8/18 (2 tuần)	Đọc, góp ý, chỉnh sửa bản dự thảo báo cáo TĐG	Ban thư ký HĐ (thuộc phòng KT-QLCL)	Ban Giám hiệu
Từ 20/8- 31/8/2018 (2 tuần)	Hội đồng TĐG họp phiên toàn thể để trực tiếp góp ý, cập nhật thông tin cho bản dự thảo báo cáo TĐG.	- Hội đồng TĐG - Nhóm công tác - Ban thư ký HĐ	Ban Giám hiệu
Từ 3/9- 22/9/18 (3 tuần)	- Gửi chuyên gia tư vấn đọc phản biện;	- Ban thư ký HĐ - Thư ký nhóm công tác	Ban Giám hiệu

	- Lấy ý kiến rộng rãi bản dự thảo báo cáo TĐG trong toàn Trường, khoa; - Chính sửa hoàn thiện báo cáo TĐG.		
Từ 24/9 – 29/9/18 (1 tuần)	Hội đồng TĐG họp thông qua báo cáo TĐG chính thức và trình Hiệu trưởng ký báo cáo TĐG	- Hội đồng TĐG - Nhóm công tác - Ban thư ký HĐ	Ban Giám hiệu

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác báo cáo Ban Giám hiệu qua phòng Khảo thí-Quản lý chất lượng để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- BGH;
- HĐTĐG CTĐT;
- Lưu: VT, KT-QLCL, K.TCNH

HIỆU TRƯỞNG 



T.S. Hoàng Đức Long

Phụ lục 4: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày **31/12/2018**

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Tài chính - Marketing
 - Tiếng Anh: The University of Finance and Marketing
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHTCM
 - Tiếng Anh: UFM
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Bán công Marketing
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Tài chính
5. Địa chỉ: : 2/4 Trần Xuân Soạn, phường Tân Thuận Tây, Quận 7
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (08) 38726789- 38726699
Số fax (08) 37720403
7. E-mail: contact@ufm.edu.vn Website: ufm.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1976
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2011
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2015
11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Tài chính – Ngân hàng
 - Tiếng Anh: Faculty of Finance - Banking
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: Khoa Tài chính – Ngân hàng
 - Tiếng Anh: Finance – Banking Faculty

14. Tên trước đây (nếu có): Tiểu ban Tài chính – Ngân hàng
15. Tên CTĐT
- Tiếng Việt: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng
 - Tiếng Anh: Master of Finance and Banking
16. Mã CTĐT: 8340201
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Kinh tế Tài chính – Ngân hàng
18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 403B, 2/4 Trần Xuân Soạn, P.Tân Thuận Tây, Quận 7
19. Số điện thoại liên hệ: 028 3997 4641 Số fax: (08) 37720403
20. E-mail: khoatcnh@ufm.edu.vn.
- Website: <http://khoataichinhnganhang.ufm.edu.vn/>
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2009
22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2011
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2015

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT:

Khoa TCNH của Trường ĐHTCM được thành lập theo Quyết định số 05/QĐ-ĐHMK 27/5/2004. Từ năm 2006 Khoa được Ban Giám hiệu giao nhiệm vụ đào tạo cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính DN và chuyên ngành Ngân hàng. Vào năm 2011, Khoa bắt đầu đào tạo cao học chuyên ngành TCNH. Đến năm 2015, Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo thêm chuyên ngành Tài chính định lượng và tiếp nhận chuyên ngành Tài chính bảo hiểm và đầu tư từ khoa Thuế - Hải quan. Năm 2016, Khoa tiến hành đào tạo trình độ Tiến sĩ TCNH khóa đầu tiên. Tháng 10 năm 2017, sáp nhập một phần Khoa Tài Chính của Trường Cao đẳng Tài Chính-Hải Quan (cũ) vào Khoa TCNH. Năm 2018, với sự lớn mạnh của Khoa, cùng với đội ngũ GV có học hàm, học vị ngày càng vững mạnh, Khoa TCNH được BGH giao nhiệm vụ phụ trách chuyên môn hoạt động đào tạo sau đại học bao gồm chương trình đào tạo ThS và TS từ Tiểu ban TCNH.

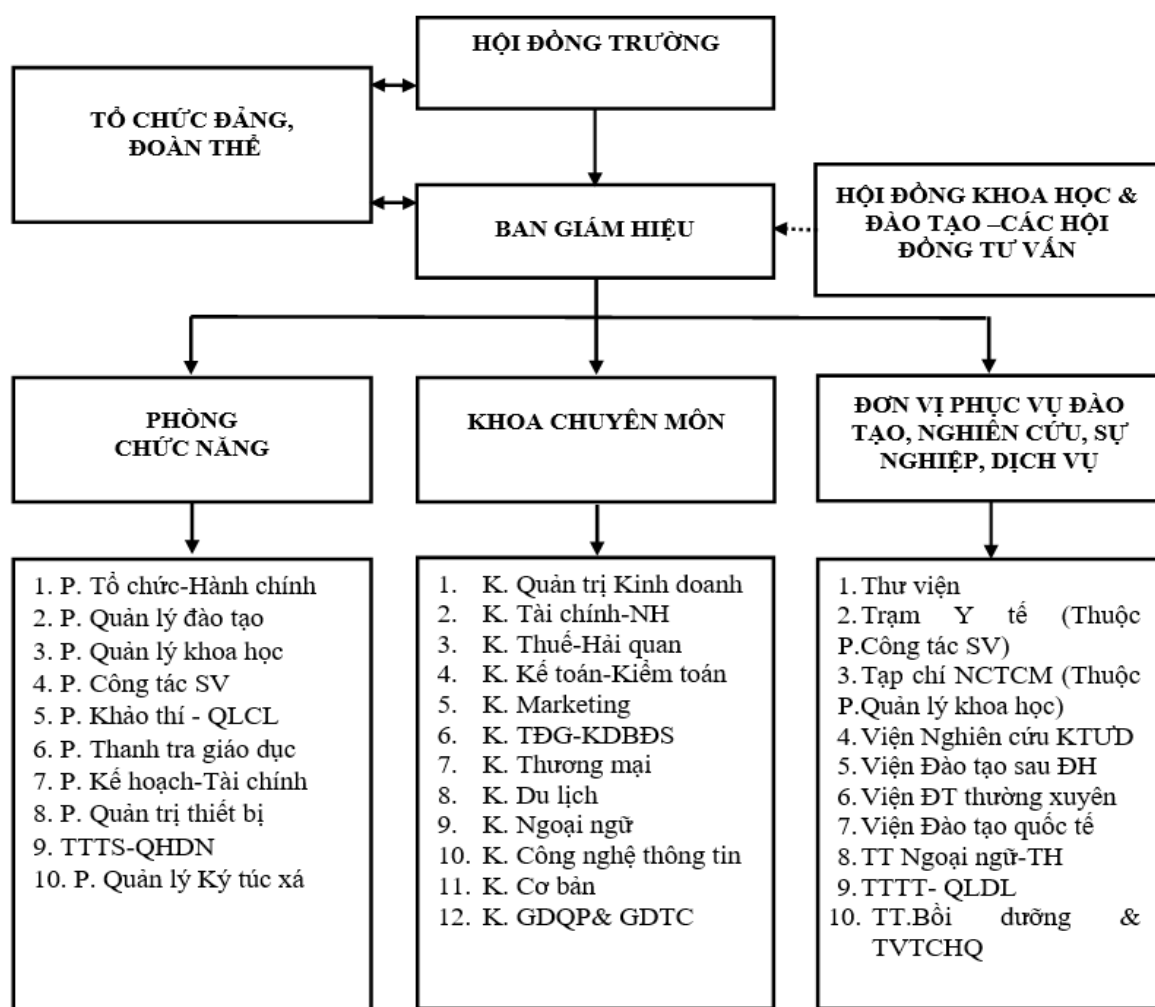
Sau hơn 10 năm hoạt động quy mô của Khoa tăng lên nhanh chóng; tính đến tháng 08 năm 2018, đội ngũ giảng dạy của khoa có 41 GV cơ hữu trong đó có 3 GV có học hàm Phó Giáo sư, 5 GV có học vị TS, còn lại có học vị ThS, cử nhân. Hiện tại 30% ThS của khoa đang làm luận án TS tại các trường Đại học trong và ngoài nước.

Bên cạnh các PGS và TS là GV cơ hữu của khoa tham gia giảng dạy CTĐT ThS chuyên ngành TCNH còn có các TS của các khoa khác của Trường như Khoa Thuế - Hải quan, Khoa Thẩm định giá, Khoa Cơ bản cùng các TS TCNH kiêm nhiệm công tác quản lý trong BGH và các phòng, ban. Đồng thời còn có đội ngũ GV tham gia thỉnh giảng, hướng dẫn luận văn cao học cho các học viên của CTĐT ThS chuyên ngành TCNH là các TS, PGS từ các trường ĐH uy tín ở TPHCM.

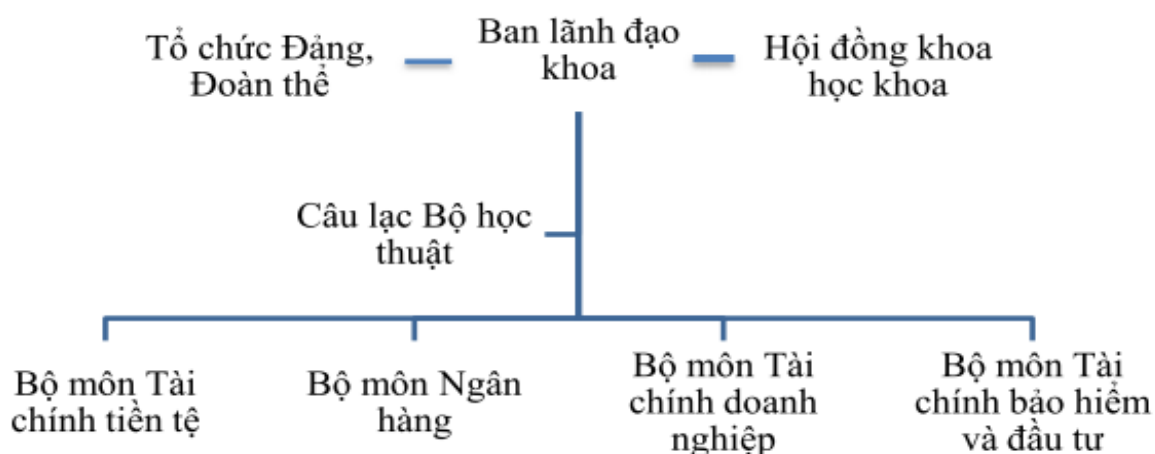
Đến nay quy mô đào tạo của Khoa TCNH có hơn 2000 HV đang theo học tại các hệ ĐH, Cao đẳng chính quy đại trà, chính qui CLC, chương trình quốc tế, liên thông ĐH, văn bằng 2, vừa làm vừa học.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

25.1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục:



25.2. Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực hiện CTĐT:



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I	Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	BGH	Hoàng Đức Long	1961	Tiến sĩ, Hiệu trưởng	0983969969	hoangduclong@ufm.edu.vn
2	BGH	Nguyễn Văn Hiến	1962	Tiến sĩ, Phó hiệu trưởng	0903826416	Nv.hien@ufm.edu.vn
3	BGH	Hứa Minh Tuấn	1960	ThS, Phó hiệu trưởng	0903848787	tuanbokho@gmail.com hm.tuan@ufm.edu.vn
4	BGH	Đặng Thị Ngọc Lan	1967	Tiến sĩ, Phó hiệu trưởng	0909229649	ngoclan29ufm@gmail.com
5	BGH	Lê Trung Đạo	1972	Tiến sĩ, Phó hiệu trưởng	0903730127	ltdao@ufm.edu.vn
6	BGH	Nguyễn Văn Hà	1965	ThS, Phó hiệu trưởng	0987115555	nvha@ufm.edu.vn khuedung8179@gmail.com
II	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT					
1	Khoa TCNH	Hồ Thủy Tiên	1969	PGS.Tiến sĩ Trưởng khoa	0937061756	tienht@ufm.edu.vn
2	Khoa TCNH	Trần Huy Hoàng	1961	PGS.Tiến sĩ Phó Trưởng khoa	0913806137	th.hoang@ufm.edu.vn
3	Khoa TCNH	Bùi Hữu Phước	1958	Tiến sĩ Phó Trưởng khoa	0913100394	phuoctcnh@ufm.edu.vn

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
4	Khoa TCNH	Trần Thị Diên	1967	Tiến sĩ Phó Trưởng khoa	0909161234	trandien@ufm.edu.vn
5	Khoa TCNH	Trần Phạm Trác	1974	Tiến sĩ Phó Trưởng khoa	0909118967	trantrac@ufm.edu.vn
II	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Đảng bộ	Hoàng Đức Long	1961	TS, Bí thư	0983969969	hoangduclong@ufm.edu.vn
2	Cựu chiến binh	Đinh Xuân Thọ	1961	ThS, Chủ tịch	0913716789	dxtho@ufm.edu.vn
3	Công đoàn	Nguyễn Xuân Hiệp	1960	Tiến sĩ, Chủ tịch	0908880839	nxhiep@ufm.edu.vn
4	Đoàn thanh niên	Nguyễn Thành Đông	1989	ThS, Bí thư	0934041526	thanhdong@ufm.edu.vn
5	Ban liên lạc cựu SV	Nguyễn Lai Dương Phong	1969	ThS, Trưởng ban	0913986358	nguyenlaiduongphong@ufm.edu.vn
6	Hội sinh viên	Nguyễn Thị Thùy Trang	1997	Chủ tịch	0769624225	Thuytrang09@ufm.edu.vn
7	Hội Thể thao	Đặng Văn Út	1975	CN, Chủ tịch	0908652642	dangvanut@ufm.edu.vn

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
8	BLL Cán bộ Hưu trí	Nguyễn Thế Phượng	1951	ThS, Trưởng ban	0913926262	nt.phuong@gmail.co m
V	Các phòng, ban, đơn vị phục vụ đào tạo, đơn vị sự nghiệp, dịch vụ					
1	Phòng QLĐT	Đặng Thị Ngọc Lan	1967	Tiến sĩ, Phó hiệu trưởng, phụ trách phòng	0909229649	ngoclan29ufm@gmail .com
2	Phòng KT- QLCL	Phạm Thế Vin h	1962	ThS, Trưởng phòn g	0913733488	phamthevinh@ufm.ed u.vn
3	Phòng CTSV	Nguyễn Thanh Hải	1975	ThS, Trưởng phòng	0989032679	nguyenthanhhai@ufm .edu.vn
4	Phòng TC-HC	Nguyễn Tấn Hung	1976	TS, Trưởng Phòng	0918458583	nt.hung@ufm.edu.vn
5	Phòng KH-TC	Hoàng Thái Hung	1963	ThS Q. Trưởng phòng	0907838787	hoangthaihung@ufm. edu.vn
6	Phòng QLKH	Bảo Trung	1969	TS, Trưởng Phòng	0918622998	baotrung@uf.edu.vn
7	Phòng QTTB	Nguyễn Hồng Thanh	1972	ThS, Trưởng phòng	0937089089	nh.thanh@ufm.edu.vn
8	Phòng TTGD	Châu Minh Q uí	1961	CN, Trưởng phòng	0868150261	quicm15@gmail.com quicm15@ufm.edu.vn

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
9	TT.NN- TH	Cao Tấn Huy	1985	Ths, Giám đốc	0915667312	caohuy@ufm.edu.vn
10	TTTS- QHĐN	Nguyễn Thái Châu	1977	ThS, Giám đốc	0903670397	thaichau.ufm@gmail. com
11	Thư viện	Võ Khôi Thọ	1962	CN, Giám đốc	0908176055	khoitho@gmail.com vk.tho@ufm.edu.vn
12	Phòng QL ký túc xá	Nguyễn Lai Dương Phong	1969	ThS, Trưởng phòng	0913986358	nguyenlaiduongphong @ufm.edu.vn
13	Viện ĐTTX	Lương Quảng Đức	1975	ThS, Trưởng khoa	0913154007	lqduc@hotmail.com
14	Viện NCKTU Đ	Nguyễn Văn Phong	1970	ThS, Phó Viện trưởng	0918.062.72 2	Phong865@yahoo.co m
15	Viện ĐTSDH	Phạm Quốc Vi ệt	1970	TS, Trưởng khoa	0903.921.58 9	vietpq@ufm.edu.vn
16	TT.TT- QLDL	Trương Thành Công	1980	ThS, Giám đốc	0918.303.96 6	truongthanhcong@uf m.edu.vn
17	Viện ĐTQT	Trần Nguyễn Ngọc Anh Th ư	1966	TS, Giám đốc	0913.922.44 0	thu.tnna@ufm.edu.vn
18	TT. Bồi dưỡng và	Lê Thịnh	1971	ThS, Giám đốc	0909.710.27 9	lethinh11c@yahoo.co m.vn

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	TVTCH Q					

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 2

Số lượng chuyên ngành đào tạo ThS: 1

Số lượng chuyên ngành đào tạo ĐH: 4

Số lượng chuyên ngành đào tạo cao đẳng: 2

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không có

29. Tổng số các ngành đào tạo: 1

IV. Cán bộ, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số

I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	67	132	199
I.1	Cán bộ trong biên chế	67	132	199
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	7	5	12
	Tổng số	74	137	211

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	16	3	0	6	7	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	38	17	0	16	5	0
5	Thạc sĩ	141	134	0	7	0	0
6	Đại học	4	4	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	199	158	0	29	12	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 187 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 94%

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	16	3	0	6	7	0	18,6
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	38	17	0	16	5	0	45,6
5	Thạc sĩ	1	141	134	0	7	0	0	136,1
6	Đại học	0,5	4	4	0	0	0	0	2
	Tổng		199	158	0	29	12	0	202,3

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

T T	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0,00%	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	9	4,81%	6	3	0	0	4	3	2
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,00%	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	33	17,65%	18	14	0	8	17	6	1
5	Thạc sĩ	141	75,40%	38	104	22	80	30	9	1
6	Đại học	4	2,14%	1	3	1	1	2	0	0
	Tổng	187		63	124	23	89	53	18	4

33.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 39 tuổi

33.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **17,65%**

33.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **75,4%**

34. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	59,52%	88,10%

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30,95%	7,14%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	4,76%	4,76%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	4,76%	0,00%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0,00%	0,00%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Khóa	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của HV được tuyển	Số lượng HV quốc tế nhập học (người)
2014	5	375	262	2,5	257	11	14,93	2
	6	331	109	2,2	104	16,5	17,6	0

2015	7	279	150	1,9	146	10	14,17	1
2016	8	86	50	1,1	47	10,5	16,77	0
	9	181	126	2,4	118	10	14,98	0
2017	10	71	48	0,9	46	10	15,5	0
	11	85	62	1,1	58	10	15,8	0
2018	12	150	117	3,1	116	10	15,6	0
	13	62	81	1,3	39	13,75	16,09	0

(Ghi chú: do đặc thù đào tạo trình độ thạc sĩ của trường được tuyển sinh theo khóa)

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2014	2015	2016	2017	2018
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	1061	830	681	660	478
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	2014	2015	2016	2017	2018
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

37. Số người học quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm học				
	2014	2015	2016	2017	2018
Số lượng (người)	5	7	5	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số HV	0,47%	0,84%	0,73%	0,00%	0,00%

(ghi chú: Số lượng HV được lũy kế tính lùi về trước 2 năm)

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2014	2015	2016	2017	2018
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	451	451	1.536	13.970	13.970
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	5	7	5	0	0
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	5	7	5	0	0

4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	2.04	2.15	4.95	7.35	7.35
---	------	------	------	------	------

(Ghi chú: Học viên quốc tế của CTĐT được ở chung ký túc xá với sinh viên các CTĐT khác. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá được tính chung cho toàn bộ người học của trường được ở ký túc xá)

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

Các tiêu chí	Năm học				
	2014	2015	2016	2017	2018
Số lượng (người)	6	377	271	125	263
Tỷ lệ (%) trên tổng số HV	0,57%	45,42%	39,79%	18,94%	55,02%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014	2015	2016	2017	2018
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	377	271	125	263
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	0	0	0	0	0
Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014	2015	2016	2017	2018
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của người học hệ chính quy của CTĐT:

Tính theo khóa từ khóa 1 đến khóa 7

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp (Khóa)						
	K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7
1. Số lượng HV tốt nghiệp (người).	132	243	76	128	219	88	119
2. Tỷ lệ HV tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	80,49	76,18	93,83	85,91	85,21	84,62	79,33
3. Đánh giá của HV tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống							

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp (Khóa)						
	K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7
câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:							
3.1. Tỷ lệ HV trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%). (Câu 12 mức 3,4,5)						96,55	97
3.2. Tỷ lệ HV trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%). (Câu 12, mức 2)						3,45	3
3.3. Tỷ lệ HV trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp. (Câu 12, mức 1)						0	0
4. HV có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu	Do đặc thù đào tạo thạc sĩ hầu hết học viên đều có						

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp (Khóa)						
	K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7
5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	việc làm trước khi đi học, vì vậy khoa không thực hiện khảo sát nội dung này.						
4.1. Tỷ lệ HV có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.							
4.2. Tỷ lệ HV có việc làm trái ngành đào tạo (%).							
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của HV có việc làm.							
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về HV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	Không khảo sát do học viên cao học hầu hết có việc làm trước khi đi học						

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp (Khóa)						
	K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7
5.1. Tỷ lệ HV đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).							
5.2. Tỷ lệ HV cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).							
5.3. Tỷ lệ HV phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).							

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

- Các số liệu NCKH của GV chỉ thống kê được cho 42 GV là PGS, TS cơ hữu tham gia giảng dạy cho chương trình.

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2014	2015	2016	2017	2018	Tổng

								(đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2	0	0	0	0	1	2
2	Đề tài cấp Bộ*	1	4	12	5	1	5	27
3	Đề tài cấp trường	0.5	18	6	6	20	8	29
	Tổng		22	18	11	21	14	58

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 58

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $50,5/42 = 1,38$

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2014	1.095	100	26,06
2	2015	1.712	100	40,75
3	2016	609	100	14,50
4	2017	1.683	100	40,07
5	2018	1.795	100	42,74

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	3	12	20	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	1	1	
Trên 6 đề tài	0	0	1	
Tổng số cán bộ tham gia	3	13	22	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014	2015	2016	2017	2018	
1	Sách chuyên khảo	2	1	6	3	4	1	30
2	Sách giáo trình	1.5	6	2	7	1	2	27
3	Sách tham khảo	1	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0.5	0	9	7	7	8	15,5
	Tổng		7	17	17	12	11	72,5

Tổng số sách (quy đổi): 72,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $72,5/42 = 1,73$

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	2	19	0	22
Từ 4 đến 6 cuốn sách	2	1	0	5
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	20	0	29

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2014	2015	2016	2017	2018	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	2	0	2	1	5	15
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	2	8	24	24	35	93
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	2	8	25	25	40	50
	Tổng		6	16	51	50	80	158

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 158

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $158/42 = 3,76$

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	7	13	5
Từ 6 đến 10 bài báo	0	8	1
Từ 11 đến 15 bài báo	0	2	0
Trên 15 bài báo	0	3	0
Tổng số cán bộ tham gia	7	26	6

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2014	2015	2016	2017	2018	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2	6	8	15	9	40
2	Hội thảo trong nước	0,5	3	11	7	14	78	56,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	9	37	28	7	14	23,75
	Tổng		14	54	31	44	101	120,25

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 120,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $120,25/42 = 2,86$

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	15	27	22
Từ 6 đến 10 báo cáo	1	5	2
Từ 11 đến 15 báo cáo	1	2	0
Trên 15 báo cáo	0	1	2

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Tổng số cán bộ tham gia	17	35	26

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2014	0
2015	0
2016	0
2017	0
2018	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng HV tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số HV tham gia	0	0	0	

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của HV:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2014	2015	2016	2017	2018
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	6	7	7	10	12

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 64.973

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 90

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 1.955m². Nơi học: 7.321 m² Nơi vui chơi giải trí: 2.219m²

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 28.217,3

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,56 m²

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 2.541 tựa/7.058 bản.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 250

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 153

- Dùng cho người học học tập: 1.435

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,08

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 187
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 90,8%
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 17,65%
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 75,4%

2. Người học:

- Tổng số HV chính quy (người): 478
- Tỷ số HV chính quy trên GV: $478/54 = 8,8$ (chỉ tính cho GV là PGS,TS và GV thỉnh giảng)
- Tỷ lệ HV tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): **81,32%** (tổng HV tốt nghiệp/ tổng tuyển vào)

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

- Tỷ lệ HV trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 96,8 (trung bình cộng của từng khóa theo bảng 41)
- Tỷ lệ HV trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 3,32 (trung bình cộng của từng khóa theo bảng 41)

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

- Tỷ lệ HV có việc làm đúng ngành đào tạo (%): Không khảo sát
- Tỷ lệ HV có việc làm trái ngành đào tạo (%): Không khảo sát
- Thu nhập bình quân/tháng của HV có việc làm (triệu VNĐ): Không khảo sát

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ HV đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): *Không khảo sát nhà tuyển dụng chỉ khảo sát học viên sự thăng tiến, khả năng tìm kiếm công việc tốt hơn của học viên.*

- Tỷ lệ HV cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): *Không khảo sát nhà tuyển dụng chỉ khảo sát học viên sự thăng tiến, khả năng tìm kiếm công việc tốt hơn của học viên.*

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,38

- Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 164

- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,73

- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,76

7. Cơ sở vật chất:

- Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,08

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: **1,56 m²**

- Tỷ số diện tích ký túc xá trên HV chính quy: HV trong nước không có nhu cầu